

MINH ĐƯỜNG

Nghệ Lễ Tân gian

Phương pháp đặt lẵn thờ
thờ cúng
của người Việt



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

MINH ĐƯỜNG

NGHI LỄ DÂN GIAN

PHƯƠNG PHÁP ĐẶT BÀN THỜ
THỜ CÚNG CỦA NGƯỜI VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

LỜI NÓI ĐẦU

Thờ cúng là loại hình tín ngưỡng dân gian có sức sống lâu bền. Tín ngưỡng này thể hiện quan niệm của người Á Đông về thế giới, về nhân sinh. Trong tín ngưỡng thờ cúng có tín ngưỡng thờ gia tiên, tín ngưỡng thờ Thần tài, thờ Phật... Mỗi loại hình tín ngưỡng có một cách thiết lập bàn thờ khác nhau.

Với bàn thờ Gia tiên, mỗi vùng miền có sự bài trí khác nhau, song phần lớn đều được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong mỗi gia đình. Ngược lại, bàn thờ Thần tài thường đặt ở dưới đất, nơi góc nhà, tuy nhiên phương vị đặt bàn thờ Thần tài có ảnh hưởng mang tính quyết định đến hiệu quả chiêu tài và vận hạn của người thờ phượng. Vì thế bàn thờ Thần tài nhất định phải đặt ở vị trí tốt đối với mệnh cung phong thủy của người thờ phượng. Đôi với bàn thờ Phật chọn chỗ càng trang nghiêm càng tốt. Điều này thể hiện tâm thành kính của người thờ cúng. Tâm có thành thì mới linh ứng. Nhiều nhà quá nhỏ hẹp, không có chỗ nào riêng biệt trang nghiêm, họ lập bàn thờ ngay trong phòng ăn, phòng khách, phòng học. Đây là vì hoàn cảnh eo hẹp chứ không phải bất kính.

Có thể nói rằng bàn thờ thờ cúng là một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của con người. Tuy nhiên,

hiện nay ở nhiều đô thị lớn, đất chật người đông và đời sống hiện đại - nhà cửa hiện đại, nhiều người gần như đã vô tình lãng quên hoặc không chú trọng lắm đến không gian thờ cúng. Với cuốn "**Phương pháp đặt bàn thờ thờ cúng của người Việt**" bạn đọc sẽ có thêm hiểu biết cần thiết về không gian thờ cúng, từ đó lựa chọn cho gia đình mình một cách sắp đặt, bài trí bàn thờ thờ cúng phù hợp với phong thuỷ cũng như toàn cảnh của ngôi nhà.

CHƯƠNG 1
TỤC THỜ CÚNG VÀ LỄ BÁI
CỦA NGƯỜI VIỆT



Thờ cúng và lễ bái là một trong những gia bảo tinh thần đáng quý của gia tiên để lại cho con cháu kế thừa. Gia đình Việt Nam có truyền thống coi trọng và thiết lập hương án trong nhà để chuyên trách về việc thờ cúng và lễ bái.

Người thờ cúng và lễ bái thì nhiều, nhưng không phải ai cũng hiểu rõ ý nghĩa và giá trị thực của việc làm này. Nhất là những người Việt Nam định cư ra nước ngoài, rất ít người thông hiểu về ý nghĩa và giá trị của việc thờ cúng và lễ bái. Họ cũng thiết lập bàn thờ và tổ chức nghi lễ trong nhà nhưng tính chất hời hợt, tạm bợ cho có lệ theo tập tục cổ truyền.

Ngoài ra, lại có một số người lợi dụng niềm tin và sự hiểu biết nông cạn của đa số quần chúng trong việc thờ cúng và lễ bái, nên họ đã mạnh nha khai thác tận cùng vấn đề mê tín dị đoan nhằm mục đích buôn bán làm ăn. Họ bày vẽ thêm nhiều nghi thức mơ hồ vô nghĩa, khiến cho việc thờ cúng và lễ bái trở nên phức tạp. Họ vô tình làm giảm giá trị truyền thống văn hóa lâu đời của dân tộc về ý nghĩa thờ cúng và lễ bái. .

Thờ cúng và lễ bái là một đạo lý truyền thống của dân tộc có từ ngàn xưa, khi con người ý niệm được bốn phận. Ở thời kỳ quân chủ, các triều đại vua chúa cho rằng thờ cúng và lễ bái là biểu tượng cao quý nhất đối với các bậc tiền nhân, nên đặc trách riêng một bộ gọi là bộ lễ để trông coi việc này.

Còn riêng về Phật giáo, vấn đề thờ cúng và lễ bái lại càng hàm súc nhiều ý nghĩa và giá trị, thể hiện được

tinh thần thiêng liêng trọng đại đối với các bậc thánh hiền.

I. TỰ THỜ CÚNG

1. Vấn đề Thờ

Thờ nghĩa là thể hiện, bày tỏ sự tôn kính của mình lên các bậc tiên nhân, các đức thánh mà mình đã dâng trọn niềm tin, như thờ Phật, thờ Chúa, thờ Tổ quốc, thờ gia tiên... Con người đã có dòng họ tông môn thì phải có bàn thờ gia tiên. Con người có giống nòi chủng tộc thì phải có bàn thờ Tổ quốc. Tín đồ có tín ngưỡng tôn giáo thì phải có bàn thờ đức giáo chủ của mình.

Chúng ta thờ gia tiên là để tri ân và báo ân các bậc cha ông đã góp phần không nhỏ trong việc kiến tạo xã hội và dòng họ. Chúng ta thờ Tổ quốc là để tri ân và noi gương các bậc anh hùng liệt sĩ đã hy sinh cho sự sống còn của giống nòi. Chúng ta thờ Phật là để quy ngưỡng hướng về các bậc đã giác ngộ và giải thoát, nhờ các Ngài dẫn dắt chúng ta và chúng sinh vững vàng đi trên con đường thánh thiện. Bàn thờ gia tiên không được thiết lập làm biểu tượng thì con cháu không biết nương vào đâu để thể hiện lòng hiếu thảo đối với gia tiên và bàn thờ Phật không được an vị trang nghiêm thì đệ tử cũng chẳng biết nương tựa vào nơi nào để bộc lộ lòng tôn kính đối với bậc Thầy chứng ngộ. Khác nào trên mộ không có đặt vòng hoa tưởng niệm thì những người còn sống làm sao tỏ bày được lòng tri ân đến những người đã hy sinh vì đại nghĩa. Con người cần phải có điểm tựa

để an tâm, mặc dù điểm tựa đó bằng bất cứ hình thức nào.

Có thể nói rằng, nghi lễ, cung cách thờ cúng rất cần thiết cho việc tu thân, giáo dục gia đình và hướng dẫn con người làm tròn bổn phận trong xã hội loài người, nhất là con người ở vào thời đại văn minh. Như vậy Thờ thế nào cho đúng nghĩa?

- Ý nghĩa của việc Thờ: Một khi thờ nhân vật nào đó, thì nhân vật ấy phải thể hiện được ý nghĩa sống qua vật thể biểu tượng được thờ. Một vật thể biểu tượng cho "nhân vật" được tôn thờ phải thể hiện giá trị tinh thần aTâm ấn Sắc và Sắc ấn Tâm. Một vật thể biểu tượng tinh thần Tâm ấn Sắc và Sắc ấn Tâm sẽ trở thành vật linh, làm môi trường giao cảm giữa người thờ và nhân vật được tôn thờ. Thế nào là Tâm ấn Sắc và Sắc ấn Tâm?

Tâm ấn Sắc:

Tâm: tiếng Phạn là Citta nghĩa là Tâm linh của mỗi con người. Tâm linh này vẫn hiện hữu trong con người khi xa lìa tất cả đối tượng và có khả năng tư duy để quyết định mọi việc. Nói cách khác, Tâm con người vẫn sinh hoạt suy tư trong khi tất cả đối tượng không còn hiện hữu.

Ấn: là in vào. Ấn còn có nghĩa là quyết định. Nhưng ấn ở đây nghĩa là dùng Tâm in sâu vào vật nào đó và khiến cho vật đó trở thành Vật Linh (đồ vật được thể hiện sự linh cảm).

Sắc: là sắc chất, tức là chỉ cho một vật nào đó hoàn toàn thuộc về vật thể được dùng làm biểu tượng để tôn thờ, như là hình giấy, tượng cốt, án dấu, pháp khí, đồ hình, lá bùa, khăn ấn... đều là Sắc Chất.

Tâm án Sắc: nghĩa là tâm linh của con người in sâu vào một vật và khiến cho vật đó trở thành có giá trị được gọi là Tâm án Sắc. Vật đó được tâm linh con người ấn vào gọi là vật thể, vì nó là một Vật Linh. Vật Linh là một vật thể biểu tượng có tính chất linh cảm đối với con người.

Thí dụ: Một em bé đem Tâm án vào cái gối nằm của em thì cái gối nằm đó trở thành vật linh đối với em. Gối nằm nói trên nếu như mất đi thì em đòi cha mẹ phải tìm cho được, mặc dù em đã trưởng thành và cái gối nằm kia đã rách nát. Một lá thư của một người nào đó gửi là một Vật Linh, vì người đó đã ấn Tâm vào đó. Một danh thiếp chúc Tết là một Vật Linh, nguyên vì người chúc tụng đã ấn Tâm vào đấy.

Sắc án tâm: Nghĩa là một vật thể được in sâu vào trong tâm linh của con người và hình bóng vật thể đó làm khởi điểm trợ duyên cho tâm linh con người giao cảm bằng cách nhớ nhung, hồi tưởng, tưởng niệm gọi là Sắc án Tâm.

Cũng từ tinh thần Tâm án Sắc và Sắc án Tâm vừa trình bày, người có tín ngưỡng phát tâm thờ Phật hoặc thờ gia tiên trong nhà thường rước sư thầy đến làm lễ an vị nhằm giúp cho bàn thờ Phật hay bàn thờ gia tiên trở thành Vật Linh để làm biểu tượng cho sự cầu nguyện. Bàn thờ Phật hay bàn thờ gia tiên sau khi làm

lễ an vị thì đã thể hiện được ý sống và nghĩa sống giữa chư Phật, chư Bồ tát cùng với tín đồ, cũng như giữa gia tiên cùng với con cháu. Tâm linh của chư Phật, chư Bồ tát liền cảm ứng với tâm linh của tín đồ, cũng như tâm linh của gia tiên liền giao tình với tâm linh của con cháu qua ý sống và nghĩa sống được phát xuất từ vật thể biểu tượng nơi bàn thờ qua sự nguyện cầu.

Trường hợp này cũng giống như tấm thiệp chúc Tết là một vật thể biểu tượng ý sống và nghĩa sống tình cảm của tâm linh người chúc tụng với tâm linh người được chúc tụng. Tấm thiệp chúc Tết sau khi mua về được người chúc tụng ấn Tâm vào đáy bằng cách thành tâm viết vài chữ cầu chúc trong đó để trở thành Vật Linh, nghĩa là tấm thiệp chúc Tết này đã có chứa đựng ý sống của người chúc tụng. Người được chúc tụng sau khi tiếp nhận tấm thiệp chúc Tết nói trên của bạn gửi, liền phát khởi tâm linh giao cảm nghĩa sống truyền đến người bạn chúc tụng qua ý sống của vật thể (tấm thiệp). Tấm thiệp chúc Tết trợ duyên đóng vai trò vật đới chất cho tâm linh của hai người giao cảm ý sống và nghĩa sống với nhau. Bàn thờ gia tiên nếu như không có để làm chỗ trợ duyên đới chất thì nhất định tâm linh của gia tiên không thể giao cảm với tâm linh của con cháu, cũng như tấm thiệp chúc Tết nếu như không có đại diện thì tâm linh người chúc tụng không thể giao cảm đến với người được chúc tụng. Bàn thờ Phật cũng thế. Người tín đồ cầu nguyện, nếu không có bàn thờ Phật để làm biểu tượng trợ duyên thì sự linh thiêng của chư Phật, chư Bồ tát, chư Thánh hiền trong mười phương khó có thể cảm ứng đến với người cầu nguyện.

Nhưng ở đây, một cành hoa giấy và một cành hoa tươi thì cành hoa giấy chỉ có giá trị trang trí bàn thờ cho thêm sắc sảo so với một cành hoa tươi. Một cành hoa tươi, ngoài nhiệm vụ tô điểm làm đẹp bàn thờ lại còn có giá trị thể hiện được ý sống và nghĩa sống một cách trọn vẹn so với bông hoa giấy. Nguyên vì cành hoa tươi tự nó có sức sống lan tỏa, trong lúc đó cành hoa giấy chỉ là một loại hoa chết. Một đôi đèn nến có giá trị hơn đôi đèn điện. Đôi đèn nến, ngoài sự tiêu biểu cho ánh sáng, còn nói lên được ý sống và nghĩa sống của một vật thể. Đôi đèn nến biểu tượng được ý sống và nghĩa sống của một vật thể qua sự biến thiên liên tục không ngừng. Nhờ sự biến thiên liên tục không ngừng mà vật thể sống mới tồn tại. Nhưng cũng vì sự biến thiên liên tục không ngừng này mà vật thể nói trên phải chết đi để chuyển sang một vật thể khác qua ý sống và nghĩa sống của nó kết hợp nối liền. Một vật thể nếu như không có ý sống và nghĩa sống tức là vật thể đã chết. Dòng nước chảy là dòng nước sống và dòng nước không chảy chính là dòng nước đã chết. Dòng nước đã chết thì không thể hiện được ý sống và nghĩa sống của dòng nước.

Như vậy trên bàn thờ, chúng ta không thể không đốt hương, đốt đèn, cắm hoa tươi... bởi đó là những vật thể biểu tượng được ý sống và nghĩa sống, làm tăng thêm sự uy nghiêm, tôn kính, linh động đối với chư Phật, chư Tổ, thánh hiền hoặc đối với gia tiên qua sự linh ứng biểu trưng này. Trên bàn thờ, những hình tượng, những nén hương, những đôi nến, những cành hoa tươi... đều là những gạch nối giao cảm quan trọng

giữa tâm linh của gia tiên, của chư Phật mười phương cùng với tâm linh của môn đồ đệ tử và của con cháu họ hàng. Vậy, Thờ thế nào cho phải cách?

- Cách thờ: Thờ gia tiên là tấm lòng thể hiện sự báo ân của Ông Cha đã dày công bồi đắp cho dòng họ, cho tông môn một sự nghiệp tinh thần, một ý sống của con người nhằm giúp con cháu đủ sức vươn lên trong xã hội và bắt chước đức tính đó để tiếp nối xây dựng thế hệ mai sau ngày càng thêm vinh hiển.

Thờ Tổ quốc nhằm tri ân các bậc tiền nhân đã hy sinh xương máu để giành lấy giang sơn và noi theo gương sáng đó để bảo vệ giống nòi, phồn vinh đất nước và xây dựng một cuộc sống thanh bình an lạc thật sự cho dân tộc, dĩ nhiên trong đó có con cháu của mình.

Thờ Phật là tiêu biểu cho trí tuệ giác ngộ, cho đức hạnh từ bi, cho ý chí dũng mãnh của chư Phật mà chúng ta noi theo những gương cao quý này để đào luyện cho mình đầy đủ sáng suốt, đầy đủ tình thương và đầy đủ nghị lực giống như các đức Như Lai, ngõ hầu đả thông trước mọi vấn đề, để khỏi bị lầm lạc và nhận thức được giá trị của cuộc đời, giải thoát mọi khổ đau sinh tử luân hồi. Đó là chân nghĩa của cách thờ tự mà chúng ta đã và đang theo đuổi thực hiện.

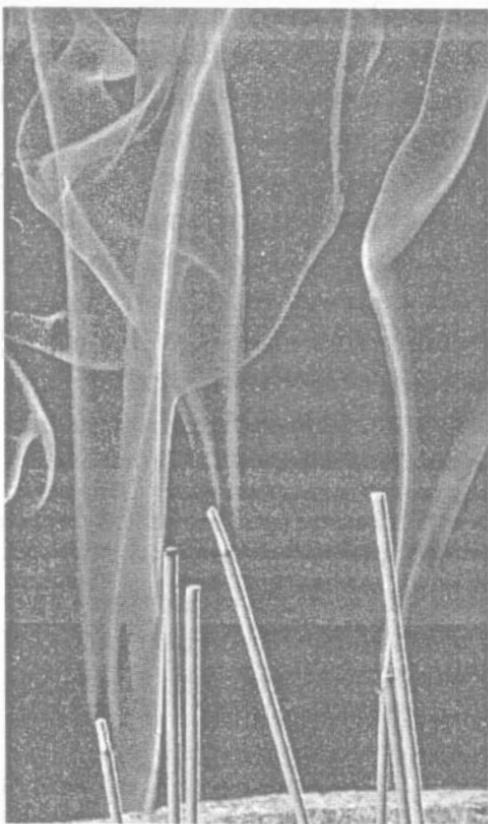
- Nơi thờ: Theo quan niệm của các bậc tiền nhân, con người phải có xương sống mới đứng vững, cây cỏ phải có gốc rễ mới tồn tại thì cái nhà phải có cột chính, thường gọi là cột cái mới hình thành. Cột chính bao giờ cũng ở giữa gọi là "Trung" để gánh vác hai mái nhà và cột hai bên gọi là cột con, cũng gọi là cột biên chỉ đóng

vai trò phụ đỡ hai mái nhà đứng yên. Đây là nói về phương diện hình thức tổ chức. Còn về phương diện tiêu biểu, cột chính gọi là cột Trụ của cái nhà, cũng như ông bà, cha mẹ là cột trụ của gia đình dòng họ, có nhiệm vụ gánh vác cả sự nghiệp của tiên nhân và bảo tồn sự sống còn của con cháu từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành. Thế nên người xưa, trong ba căn nhà, họ chọn căn giữa là căn chính của cái nhà để thờ gia tiên. Lớn hơn nữa, mỗi dòng họ như họ Trần, họ Nguyễn, họ Lê... phải có nhà thờ họ, được thiết lập riêng trong làng Họ của mình để cùng nhau thờ tự. Giả sử một gia đình nghèo khó đến mấy đi chăng nữa, dù chỉ có túp lều tranh, họ cũng chọn chỗ nào chính giữa của túp lều ấy để trang trí bàn thờ gia tiên.

Với người phương Tây, chỗ chính của căn nhà là phòng khách, vì họ không chủ trương thờ cúng. Họ sống theo chủ nghĩa cá nhân, ít quan tâm đến người khác, nhất là những họ hàng đã chết từ lâu, nhất là những người thân thuộc về quá khứ, cho đến tông môn của họ cũng thế.

Chúng ta là người châu Á, ý thức được huyết thống giống nòi, nhận thấy được sự liên quan chặt chẽ hệ thống tâm linh trong quá trình chuyển hóa luân lưu, nhất định phải có bàn thờ gia tiên trong nhà để làm điểm tựa tinh thần, mặc dù bàn thờ đó lớn hay nhỏ tùy theo hoàn cảnh của mỗi người. Ở nước ngoài, khi nhu cầu đời sống còn thiếu thốn, chúng ta khó chọn chỗ thờ tự đúng theo ý mình muốn. Đạo Phật chú trọng tinh thần hơn hình thức. Chúng ta thờ tự như thế nào cũng được miễn sao chỗ thờ đó thể hiện được lòng thành của

mình đối với các đấng thiêng liêng và những bậc trên trước.



Giá trị nơi thờ: Chúng ta thờ đức Phật hay gia tiên bằng cách nào đi chăng nữa cũng phải nói lên được giá trị thiêng liêng nơi thờ. Theo Phật giáo chúng ta có thể đặt bàn thờ bất cứ nơi nào trong nhà, nhưng với điều kiện vị trí chỗ thờ phải được thanh tịnh và bàn thờ phải được thiết trí trang nghiêm, có thể gợi lên cho con cháu một ấn tượng tôn kính mỗi khi chiêm ngưỡng. Chúng ta đừng quan niệm rằng, bàn thờ như kệ đựng sách, như

bàn đựng rượu... bỏ lên trên đó đủ thứ tạp nhạp để phải dắc tội với các đấng thiêng liêng. Chúng ta có một bàn thờ rất sang trọng lộng lẫy, nhưng cứ để hương tàn khói lạnh thì càng thêm có tội với "người trên". Chỉ bằng chúng ta chỉ có một bàn thờ đơn giản, nhưng được thiết trí trang nghiêm thanh tịnh và được con cháu tới lui thăm viếng mỗi ngày cũng đủ nói lên bốn phận làm người và giá trị nơi thờ. Chúng ta hằng ngày phải có nhiệm vụ chăm sóc bàn thờ cũng như chăm sóc phòng khách, và coi trọng bàn thờ như trọng bản thân, đừng tỏ thái độ khinh thường nơi thờ tự và mỗi khi chiêm bái.

Thờ tự không phải là một hành động mê tín dị đoan mà là truyền thống văn hoá và tín ngưỡng của dân tộc, chúng ta không thể quên được sự nghiệp của nguồn gốc văn hoá phương Đông. Đó chính là một trong những biểu tượng văn minh của người Á Đông mà các nước phương Tây khó có thể tìm được giá trị tâm linh ấy trong cuộc sống xã hội con người.

Chúng ta đã hiểu được ý nghĩa, giá trị và phương cách thờ tự, hãy cố gắng giữ gìn truyền thống và thực hiện cho kỹ được việc thờ tự tại gia cho chu đáo, vừa lợi ích cho mình trong việc tu tạo bản thân, cải thiện hoàn cảnh và giáo dục con em sau này.

2. Vấn đề Cúng

"Cúng" là một vấn đề có rất nhiều người hành động sai lệch, thành thủ vô tình làm mất đi giá trị của sự cúng bái. Không gia đình châu Á nào mà không có cúng kỵ gia tiên và cũng không quốc gia nào mà không có

quốc lễ, nhưng không được bao nhiêu người hiểu rõ giá trị và ý nghĩa của sự cúng bái. Theo Phật giáo, cúng bái có những ý nghĩa và giá trị như sau:

Cúng gọi đủ là "Cúng dường", đó là danh từ của Phật giáo. Danh từ này được chuyển ngữ từ hai chữ "Cung dường" của tiếng Trung Hoa. Trước hết chúng ta cần hiểu hai danh từ: Cung dường và Cúng dường.

Cung dường: nghĩa là cung cấp và phụng dường, tức là cung ứng theo nhu cầu về vật chất của những người thiếu thốn và nuôi dưỡng khi họ đói cơm rách áo... Sự cung dường ở đây được hiểu là giúp đỡ những kẻ đang cần sự hỗ trợ qua tinh thần vị tha của những người dư thừa.

Cúng dường: nghĩa là hiến cúng và dâng lễ, tức là dâng hiến những lễ vật lên các bậc tôn kính, mong cầu ơn trên chứng minh. Cúng dường ở đây có tính chất chí thành, quy ngưỡng, tưởng niệm đến các tiền nhân, các bậc thánh đức thâm ân mà kẻ dưới có bốn phận tri ân và báo ân.

Như vậy, cung dường nghĩa là phụng dường, chăm sóc những người hiện đang sống trên đời với tình thương săn sóc mà bốn phận làm người cần phải trang trải trong sự quan hệ sinh tồn lẫn nhau, như phụng dường cha mẹ, anh chị em, phụng dường đồng bào ruột thịt...

Còn đối với những người đã quá cố, chúng ta không dùng hai chữ "Cung dường" trong sự tế lễ để khiến mất đi lòng tôn kính ở đây chúng ta dùng hai chữ "cúng tế" nhằm để thể hiện lòng thành đến với họ trong sự lễ

nghi cung cách. Cúng tế nghĩa là đem lễ vật hiến cúng theo lễ nghi tế tự, như cúng tế gia tiên, cúng tế Thần Thành...

Cúng dường nghĩa là tưởng niệm đến những bậc thâm ân, những người mà mình đã tri ân, đã quy ngưỡng với hành động tôn kính. Chúng ta không chỉ "Cúng dường" cho những người hiện đang còn sống mà còn "Cúng dường" cho những bậc đã quá vãng, đã qua đời. Hơn nữa, trong Phật giáo còn gọi là cúng dường Tam Bảo (Cúng dường Phật, Pháp, Tăng), cúng dường Thầy Tổ, cúng dường Trai Tăng...

Người Việt Nam phần đông ít ai thông suốt ý nghĩa và giá trị của sự cúng bái. Họ chỉ biết hành động theo tập tục cổ truyền của gia tiên để lại mà bốn phật con cháu phải giữ gìn tinh thần ấy. Đó là một điều rất tốt nhưng cũng rất tai hại cho những con cháu thiếu đức tin. Vì không hiểu ý nghĩa cúng bái, người kế thừa không giải thích được cụ thể cho con cháu linh hội và còn làm lệch lạc giá trị cao quý của truyền thống văn hoá. Hơn nữa, một khi gặp phải kẻ khác xuyên tạc, họ lại xem thường và thiếu tâm thành trong sự cúng bái là hành động mê tín dị đoan.

Con người mỗi khi làm điều gì bị bắt buộc nếu như không hiểu ý nghĩa về việc mình đang làm thì xem như bị một hình phạt đau khổ rất lớn. Nhất là đối với những người có học thức, có trình độ văn hoá cao, họ đòi hỏi phải hiểu tường tận và cụ thể những sự việc mà họ phải làm. Không ai có thể bắt buộc họ làm những việc mà họ không hiểu. Đúng ra, họ rất muốn học hỏi và tìm hiểu

tất cả những gì có tính chất tín ngưỡng và văn hoá, nhưng không được ai giải thích vấn đề cho rõ ràng và thực tế. Cũng từ đây, một số người lâm lạc khinh thường sự cúng bái và tỏ thái độ thiếu lễ nghi cung cách với bồ trên mà thật ra họ rất cần đến sự giao cảm giữa tâm linh của họ với tâm linh của các bậc tiên nhân qua sự nguyện cầu. Vì lẽ không hiểu, đôi khi họ mượn duyên cớ cúng bái làm bình phong nhằm mục đích họp bạn ăn uống vui chơi hơn là tưởng niệm để tri ân và báo ân. Họ không thể nào tin được có gia tiên hay Thần Thánh đến hưởng đồ cúng bái.

- Vì sao chúng ta phải dâng cúng?

Theo quan niệm truyền thống, gia tiên có thể hưởng thực nghĩa là ăn bằng cách "thức thực" những hương vị của món đồ mà con cháu dâng cúng.

Ý nghĩa thứ nhất, chúng ta cúng kỵ nhằm mục đích tri ân và báo ân những đãng sinh thành đã tạo nên chúng ta cũng như gây dựng nên dòng họ tông môn của gia phả mình. Đồng thời chúng ta giáo dục con cháu thiêng liêng hóa tông đường để tiếp nối sự nghiệp hiển vinh dòng họ nội ngoại hai bên. Dân tộc Việt Nam mỗi năm thường làm lễ kỷ niệm Quốc Tổ Hùng Vương để nhắc nhở giống nòi đừng quên cội mầm nguồn. Cũng như tín đồ làm lễ kỷ niệm Phật Tổ hay Thánh Chúa là để hình ảnh thiêng liêng đó ăn sâu vào tâm khảm của mỗi Tông Đồ.

Ý nghĩa thứ hai, chúng ta cúng kỵ với giá trị là sử dụng năng lực tâm linh thành kính của mình biến hương vị lương thực hiến cúng thành dưỡng khí và

chuyển dưỡng khí đó thành chất liệu dưỡng sinh để mang đến cho người mình cúng qua hệ thống tâm linh. Người mình cúng ở cõi khác tự nhiên được nhiều sự may mắn không biết từ đâu đến mà người đời thường gọi là được phước đức gia tiên.

Tóm lại, gia tiên và nghiệp lực thọ sinh vào những thế giới vô hình thì sự sinh hoạt ăn uống của họ chỉ bằng "thức thực" không giống như sự ăn uống của loài người và con cháu cúng dường là đem hương vị của món đồ dâng lên thành kính tưởng niệm để tri ân và báo ân. Đó là cách ăn uống của gia tiên theo quan niệm Phật giáo.

- Cách cúng: Cúng phải có quy cách của cúng tế, nghĩa là cách thức cúng tế đã được quy định trong nghi lễ, như nghi lễ của quốc gia gọi là quốc cách, nghi lễ của quân đội gọi là quân cách, nghi lễ của tôn giáo gọi là tôn giáo cách...

Người kế thừa trong sự cúng bái nếu như thiếu nghi lễ quy cách chính là thiếu cung cách trong việc cúng tế, tức là người đó đã phạm lỗi với các bậc thánh hiền đáng tôn kính. Theo Kinh Di Giáo, người cúng dường trước hết sử dụng thân thể cũng như hành vi làm chủ yếu và sau đó họ sử dụng tinh thần để giao cảm. Cho nên họ phải thể hiện được hai đức tính: Thân Cúng dường và Tâm Cúng dường.

Thân Cúng dường: nghĩa là người cúng dường phải dâng cúng những lề vật như đồ ẩm thực, y phục, thuốc thang... lên cho Tam Bảo, cho Sư Trưởng, cho cha mẹ, cho Hương Linh... một cách tâm thành.

Tâm Cúng dường: nghĩa là người cúng dường cảm thấy tâm không nhảm chán, không biết đủ, không hối tiếc và tự tại trong hành động, gọi là Tâm Cúng Dường.

Cúng từ ý nghĩa này, quy cách của Phật giáo có hai phương thức cúng là Sư cúng và Lý cúng.

Sư cúng: Những lể vật hiến cúng lên bàn thờ chính là hình thức biểu tượng lòng chí thành của một người con, của một tín đồ dâng trọn niềm tin lên gia tiên, lên thánh hiền và lên Chư Phật. Họ dâng hiến lể vật là mong nhờ gia tiên và thánh hiền Chư Phật đoái tưởng ấn ký, gọi là chứng minh cho tấm lòng chí thành biết ơn của kẻ dưới. Nếu như không có lể vật biểu tượng thì không thể hiện được lòng chí thành của mình đối với những bậc thâm ân mà mình tôn kính. Cũng như nếu không có thiệp chúc Tết hoặc lời chúc tụng thì không thể nào tỏ bày được lòng thành của mình đối với người mình chúc tụng.

Người có lòng thành thì dù hạt muối cắn làm hai đem dâng cúng lên bệ trên cũng có giá trị và ngược lại. Người không có lòng thành thì mặc dù đem mâm cao cổ đầy cũng không có ý nghĩa, đúng như câu: "Phật tức tâm, Phật chứng tại tấm lòng, tâm tức Phật lòng thành có Phật".

Lý cúng: Lý Cúng dường nghĩa là thể hiện được chân lý đã chứng nhập đem ra cúng dường, nên gọi là Lý Cúng. Kinh Phổ Hiền, Phẩm Hạnh Nguyên nói Cúng Dường có ba ý nghĩa:

Tài Cúng dường: nghĩa là dùng những hoa quả, tiền của châu báu thường dùng trong thế gian đem ra cúng dường.

Pháp Cúng Dường: nghĩa là đem tâm Bồ Đề làm lợi ích cho mình và lợi ích cho mọi người để cúng dường.

Quán Hạnh Cúng Dường: nghĩa là thật hành pháp quán để nhận thấy vạn vật khắp trong ba cõi đều dung thông với nhau, tức là thực hành phương pháp quán chiếu về "Sự vô ngại pháp giới" của Kinh Hoa Nghiêm để cúng dường.

Ý nghiệp Cúng dường: nghĩa là dùng tâm ý doan chính tưởng niệm đến các đức Phật, các vị Bồ tát để cúng dường. Với tinh thần Lý cúng vừa trình bày trên, chúng ta luôn luôn noi gương tốt của các bậc tiên nhân thánh đức, của gia tiên, cố gắng ngăn ngừa các điều ác nguyện làm các việc phước lành, giữ gìn thân tâm cho trong sạch, trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm, để xứng đáng danh nghĩa con cháu yêu quý của dòng họ của tông môn, để làm gương tốt trong xã hội. Chúng ta thể hiện được tinh thần cao đẹp vừa nói trên để cúng dường lên gia tiên, hiền thánh, người mong các bậc tôn vinh trên chứng minh và phù hộ, đó là ý nghĩa của Lý cúng.

Theo quy cách của Phật giáo, con cháu mỗi khi cúng kỵ gia tiên hay thánh hiền phải hội đủ những điều kiện sau đây:

- Phải có lòng thành kính đối với bậc trên trước mà mình cúng bái, nghĩa là không phải cúng bái với mục đích họp bạn ăn uống vui chơi.

- Phải trang nghiêm thanh tịnh trong lúc cúng tế, nghĩa là trong lúc cúng tế không được tổ chức ca múa hát xướng như một hí trường.

- Phải có ba bát cơm, ba chén nước thanh khiết và ba đũi đũa hoặc ba muỗng nĩa cùng với hương đèn hoa quả... Đó là điều kiện cần thiết trong khi cúng. Còn các thức ăn khác thêm bớt là tùy theo hoàn cảnh của mỗi gia chủ.

- Tất cả con cháu trong gia đình đều phải quỳ xuống, im lặng, chấp tay hướng về bàn thờ gia tiên, thánh hiền... bày tỏ lòng chí thành. Lúc đó gia chủ đại diện nguyện hương, vái tên họ, tuổi và ngày tháng, năm tạ thế của người quá vãng (người đã chết) mà mình cúng kỵ. Trong khi cha mẹ đang cúng gia tiên, con cháu không được đùa giỡn làm thiếu lễ nghi cung cách. Kế đến, tất cả con cháu đều chí thành đọc tụng thần chú chuyển lương thực để gia tiên thọ hưởng sự cúng dường. Sau cùng tất cả đều lạy ba lạy.

Đây là năm điều căn bản của con cháu mà bốn phận làm người cần phải thuộc lòng trong việc kế thừa sự nghiệp Gia bảo của tiền nhân. Chúng ta tại sao phải có bốn phận và lại còn hân hạnh diện mỗi khi tổ chức trọng đại lễ kỷ niệm Hùng Vương, Đức Thánh Trần, Tổng Thống... và còn đọc tiểu sử ghi công các vị ấy một cách trang nghiêm. Ngược lại, chúng ta tại sao thiếu bốn phận và lơ là trong việc cúng bái gia tiên là những bậc có công ơn lớn nhất của tông môn, của dòng họ mình.

II. TỤC LỄ BÁI

Lễ bái là một đạo nghĩa nhằm thể hiện ý chí tôn kính, tưởng niệm đến những ân đức sâu dày của gia tiên, của chư Phật, chư Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng và tự thân phát nguyện tu tâm luyện trí nhằm trở thành người hữu ích trong xã hội để làm tròn bổn phận con cháu của tông môn và để xứng đáng là đệ tử của các bậc thánh đức. Lễ bái còn là một đạo lý có tính chất quy hướng Chánh Giác, với mục đích diệt trừ những phiền não sinh tử. Trước hết muốn thông suốt ý nghĩa và giá trị của sự lễ bái, chúng ta cần phải hiểu qua thế nào là lễ bái.

1. Quan niệm về lễ bái

- Lễ theo từ điển tiếng Việt là phép tắc phải tuân theo khi thờ cúng tổ tiên, quý thần, hoặc giao tế trong xã hội. Nói một cách rộng rãi dễ hiểu hơn, đây là những quy tắc nhất định của cung cách, đi đứng, nói năng trong Quan, Hôn, Tang, Tế, nhằm thể hiện sự cung kính và bao gồm cả những phép lịch sự chào hỏi nhau để biểu lộ sự thân thiện quen biết. Nó còn là một phương tiện đặc biệt để gây tình cảm. Người dưới gặp người trên mà không biết chào hỏi là thiếu lễ độ. Người trên không biết đáp lại lời chào của người dưới, thường bị mang tiếng là hách dịch, khinh người.

- Bai: Là sự cung kính biểu hiện ở thân tướng, nghĩa là quỳ lạy bằng cách hạ mình xuống đất trước những bậc hiền đức mà mình tôn kính.

Lễ bái: Tiếng Phạn là Vandana, nghĩa là lễ nghi cung cách với hình thức cúi đầu quỳ lạy trước những

bậc tiền nhân thánh đức mà mình đã đặt trọn niềm tin quy ngưỡng hướng về, như lạy chư Phật, chư Bồ tát, chư hiền thánh tăng, như lạy cha mẹ, thầy tổ... Chúng ta quỳ lạy các vị đó nhằm biểu lộ đức tính khiêm tốn và để tỏ lòng tri ân, báo ân mà bốn phận kẻ dưới hằng tạc dạ ghi tâm, ân tiên công đức. Ngoài ý nghĩa thông thường trên, theo Phật giáo, sự lễ bái còn tiêu biểu nhiều ý nghĩa khác nữa, tiêu biểu: "Chánh Quán Lễ, Phát Trí Thanh Tịnh Lễ, Thật Tướng Bình Đẳng Lễ và Biến Nhập Pháp Giới Lễ".

Lễ bái là một đạo nghĩa nhằm tiêu biểu cho ý chí tôn kính, để tỏ lòng tri ân và báo ân nhằm trở thành những con người hữu ích trong xã hội, để làm tròn bốn phận của con cháu tông môn và để xứng đáng là đệ tử các bậc Thánh đức. Lễ bái còn là một phương pháp tu để diệt trừ lòng ngã mạn cống cao, diệt trừ những phiền não, nghiệp chướng.

Lễ bái là một nghi thức tín ngưỡng thường thấy ở một số tín ngưỡng tôn giáo phương Đông. Khởi nguyên, lễ bái biểu thị sự phục tùng, tôn kính tuyệt đối với các uy lực siêu nhiên, đấng thần linh mà con người tôn thờ. Dần dần, tùy theo sự phát triển của mỗi tôn giáo mà có những ý nghĩa khác nhau trong cách thức lễ bái. Ở đây, chúng tôi không thể so sánh hết tất cả các hình thái nghi lễ mà chỉ giới hạn tìm hiểu cách thức lễ bái của Khổng giáo và Phật giáo mà thôi.

Theo truyền thống Việt Nam, dân tộc ta phần đông chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hoá của Khổng giáo và

Phật giáo, là hai tôn giáo có công rất lớn qua quá trình lịch sử xây dựng đất nước. Mỗi người dân đều chịu ảnh hưởng không ít cách lễ bái của hai tôn giáo này. Thời xưa vua chúa đã quy định rõ ràng, mỗi người dân, khi lễ bái vua, quan, hiền thần, đình miếu thì phải áp dụng theo cung cách của Khổng giáo và khi lễ bái Phật Trời, hiền thánh, gia tiên... thì phải áp dụng theo cung cách của Phật giáo.

Về sau người dân bị thất truyền, không được ai chú dạy ý nghĩa và cách thức lễ bái cho đúng pháp. Thành thử họ chỉ biết lễ bái theo thói quen, hành động không đúng nghĩa và cũng không đúng chỗ. Chúng ta muốn rõ nghi lễ của Khổng giáo thì nên đọc "Văn Công Thọ Mai Gia Lễ" và muốn biết nghi lễ của Phật giáo thì nên am tường "Nhân Thừa Phật Học". Cả hai rất quan trọng cho cuộc sống làm người. Sự lễ bái mà người Việt Nam thường áp dụng, đều theo nghi cách của Khổng giáo và của Phật giáo. Nghi Cách lễ bái khác biệt giữa Khổng giáo và Phật giáo được giải thích dưới đây:

- Theo quan niệm Khổng giáo: Cách lạy của Khổng giáo, trước hết con người phải đứng thẳng là tiêu biểu cho cái "uy" của kẻ sĩ. Hai tay cung thủ, nghĩa là hai tay nắm lại (tiêu biểu cho cái dũng của thánh nhân). Trước khi lạy, hai tay cung thủ đưa lên trên, kế tiếp đưa sang phải, rồi đưa sang trái là tiêu biểu cho Tam Tài (trời, đất và con người). Khi lạy, hai tay cung thủ chống lên đầu gối, chân mặt và quỳ chân trái xuống trước là tiêu biểu cho sự tôn kính mà không mất cái uy dũng của kẻ sĩ: cúi đầu xuống đất là tiêu biểu cho sự

cung kính những bậc mà mình đánh lẽ. Đó là cung cách và ý nghĩa tổng quát mà Khổng giáo quan niệm.

- Theo quan niệm Phật giáo: Sự lễ bái của Phật giáo so với sự lễ bái của Khổng giáo có phần khác biệt về cung cách cũng như về ý nghĩa. Riêng về Phật giáo, ý nghĩa và giá trị lễ bái được rất nhiều kinh luận đề cập đến. Phật giáo quan niệm, sự lễ bái cũng là một trong những phương pháp tu tập để diệt phiền não mà bốn phận người con Phật phải hành trì thường xuyên nhằm được giải thoát tất cả nghiệp chướng khổ đau sinh tử và sớm chứng quả Bồ Đề Niết Bàn Tịch Tịnh. Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện quyển 4 ghi rằng: "Phật chỉ dạy các đệ tử phải lễ bái Tam Bảo và lễ bái các bậc Đại Tỳ Kheo". Kinh Phạm Võng quyển hạ giải thích rằng: "Nếu có bậc Hoà Thượng, Thượng Tọa, A Xà Lê, hoặc người bạn đồng học, người đồng kiến giải, người đồng hành đều phải nghinh tiếp lễ bái và vấn an". Luật Ngũ Phân quyển 7 ghi rằng: "Một vị Tỳ Kheo Ni một trăm tuổi, đã thọ giới Cụ Túc từ lâu cũng phải lễ bái một vị Tỳ Kheo Tăng mới thọ giới Cụ Túc". Đại Đường Tây Vực Ký quyển 2 ghi rằng: "Ấn Độ có chín cách lễ bái được gọi là Tây Trúc Cửu Nghi". Cách lễ bái nói trên được ghi nhận như sau:

1. Phát Ngôn úy Vấn Lễ: nghĩa là lễ bái bằng cách mở lời vấn an.
2. Phủ Thủ Thi Kính Lễ: nghĩa là lễ bái bằng cách cúi đầu tôn kính.

3. Cử Thủ Cao ấp Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách giơ tay cao vái chào.

4. Hiệp Chưởng Bình Cung Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách chấp tay ngang bằng vái chào.

5. Khuất Tất Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách quỳ gối.

6. Trường Quy Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách quỳ nambi dài ra.

7. Thủ Tất Cú Địa Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách hai tay và hai đầu gối quỳ sát đất.

8. Ngũ Luân Cu Khuất Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách nambi vóc (đầu, hai tay, hai chân) đều cúi xuống.

9. Ngũ Thể Đầu Địa Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách nambi vóc gieo xuống đất.

Ngoài ra người Ấn Độ còn có nhiều cách lê bái khác nhau. Theo phong tục mỗi nơi, người tín đồ lê bái trước tượng Phật hoặc trước Bảo Tháp có hơi khác về cung cách. Sự khác biệt về cung cách lê bái được nêu cử như sau:

1. Tồn Cú Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách đứng một chân quỳ lạy.

2. Khởi Cú Lễ: nghĩa là dùng nghi thức bước một bước lê một lạy.

3. Hữu Nhiều Tam Thất Lễ: nghĩa là lê một lạy rồi đi ba vòng về phía bên hữu của Phật hoặc của Bảo Tháp.

4. Tạ Lễ: nghĩa là lê bái bằng cách ngồi xuống đất cúi đầu lạy, tức là lạy bằng cách ngồi...

Phật giáo Việt Nam hầu hết đều áp dụng phương pháp "Ngũ Thể Đầu Địa Lễ" trong khi lê bái. Đây là một phương pháp tiêu biểu ý chí tôn kính cao đẹp nhất trong các cung cách lê bái. Khi lê bái, người Phật tử đầu tiên phải đứng ngay thẳng trước tượng Phật cho nghiêm trang và khép hai chân sát vào nhau để lấy lại sự an tâm thanh tịnh. Ngay lúc đó, đôi mắt họ nhìn lên tượng Phật và tâm họ quán tưởng các tướng tốt, quán niệm những đức hạnh cao quý của đức Phật để tỏ bày nguyện vọng chân chính của mình nhằm mong Ngài chứng minh. Hai tay họ thay vì cung thủ (nắm lại nhau) thì ở đây phải hiệp chưởng, nghĩa là hai tay chắp lại nhau cho khít là tiêu biểu Thức Tâm hiệp nhất (Nhất Tâm) và để hai tay nới ngực là tiêu biểu ý nghĩa ấn Tâm. Khi lạy Phật, có người để hai tay nới ngực lạy xuống, nhưng có người đưa hai tay lên trán rồi mới lạy xuống, cách nào cũng có ý nghĩa của nó. Cách lạy để hai tay nới ngực là tiêu biểu ý nghĩa ấn Tâm. Còn cách lạy đưa hai tay lên trán là tiêu biểu ý nghĩa tâm nguyện của mình dung thông đến chư Phật qua nhục đinh kế (qua mỏ ác, hay qua đinh đầu) và lạy theo nguyên tắc "Ngũ Thể Đầu Địa", nghĩa là đầu, hai tay, hai đầu gối của người lê bái phải đặt sát đất và họ lạy xuống với tư thế ngồi để khởi thắt lê nới người đứng sau. Tiếp theo họ chỗi tay phải lên mặt đất rồi quỳ hai đầu gối và ngửa hai bàn tay ra giống như đóa sen nở. Họ quán tưởng đức Phật hiện đang đứng trên đóa sen kết thành bởi hai bàn tay của họ và họ đặt trán mình vào lòng hai bàn

tay như đặt đầu mình lên chân của Phật, đồng thời họ nằm mlop xuống đất để biểu hiện sự tôn kính với tâm thành quy ngưỡng nương tựa. Cách lễ bái này là tiêu biểu cho ý nghĩa "Đầu diện tiếp túc quy mạng lê" (nghĩa là đầu và mặt của mình để lên chân của Phật gọi là Quy Mạng Lễ).

Phật giáo cho rằng, người Phật tử ngoài sự lê bái để tỏ lòng tôn kính các đức Phật, các vị Bồ tát, các Hiền Thánh Tăng, còn phải tưởng niệm những ân đức cao dày của các Ngài và phát nguyện suốt đời hướng về các Ngài tiến tu đạo nghiệp để được trở thành đức Phật như quý Ngài. Người Phật tử thực hành hạnh nguyện như trên được gọi là quy mạng lê.

Nhân Thừa Phật giáo có chia làm bảy cách lạy, trong đó có ba cách lạy của Thế Gian thường áp dụng và bốn cách lạy của Thánh Giáo thường hành trì về mặt sự (về mặt hình thức) cũng như về mặt lý (về mặt nội dung).

2. Ý nghĩa của lễ bái

Muốn hiểu ý nghĩa của lễ bái, chúng ta trước hết nên hiểu qua cách thức lễ bái theo mỗi tôn giáo cũng như mỗi tông phái quy định.

Lễ bái ngoài ý nghĩa tỏ lòng tôn kính và tưởng niệm ân đức sâu dày của các bậc tiên nhân, thánh đức, của gia tiên dòng họ, còn là phương pháp tu tập nhằm loại bỏ những phiền não, nhằm mục đích quy hướng Chánh Giác để được giải thoát và giác ngộ như đức Phật. Đặc

tính cống cao ngã mạn đã sẵn có nơi mỗi con người. Nó châm rẽ ăn sâu trong tâm thức con người. Nó gây nên nguyên nhân đau khổ sinh tử lưu chuyển trong ba cõi. Con dao bén cống cao ngã mạn chặt đứt tình thương, phá hoại tình đoàn kết và gây nên nhiều hận thù chia rẽ.

Tóm lại, lễ bái không phải là hành động thấp hèn làm mất phẩm cách con người. Trái lại lễ bái chính là một đạo nghĩa của con người tiến bộ và còn là một đạo lý của tín đồ chân chính. Đối với gia tiên, người hiếu hạnh cần phải lễ bái để tỏ lòng cung kính đối với thánh hiền, tín đồ chân chính cần phải lễ bái để thể hiện đức tính khiêm cung trong sự tu tập đạo lý giác ngộ. lễ bái nhằm giao cảm với bồ trên, kết sợi dây tương thân trong xã hội và tạo nên chất liệu để xóa bỏ mọi dị biệt ngăn cách chia rẽ trong đoàn thể. Người con hiếu hạnh không thể thiếu cung cách lễ bái. Người tín đồ trung kiên và đạo đức gương mẫu không thể thiếu nghĩa vụ với nghi cách lễ bái này.

Lễ bái là những biểu tượng tín ngưỡng có giá trị chẳng những về phương diện hình thức mà còn hữu ích không nhỏ về phương diện tâm linh. Lễ bái là nhu cầu cần thiết cho con người không thể thiếu trong việc tu tập đào luyện đạo đức làm người. Vấn đề trên chẳng những cần thiết cho cá nhân mình, cho gia đình mình trong đời này, mà hơn nữa, đây cũng là một nhu cầu hữu ích cho thế hệ con cháu mai sau. Chẳng những thế lễ bái còn là một yếu tố cần thiết trong việc tạo dựng nhân lành cho cuộc đời mình ở kiếp sau. Điều này rất quan trọng kể cả hình thức lẫn nội dung, kể cả sự tưởng

cho đến lý tính, để chúng ta và tất cả chúng sinh sớm giải thoát phiền não khổ đau và được an vui tự tại trong sự giác ngộ.

Người thờ cúng và lễ bái là người tự tạo điều kiện giao cảm, thiết lập điểm tựa cho tâm linh giữa họ với bồ trên mỗi khi cảm thấy tâm hồn lạc lõng mà chính họ cần đến quyền năng hỗ trợ của tiền nhân. Thờ ở đây còn là một hình thức giáo dục gia đình, nhắc nhở con cháu ý niệm được bốn phật làm người đối với bồ trên trong sự nghiệp kế thừa truyền thống. Hình thức thờ tự cũng tạo phương tiện cho con cháu noi gương đức hạnh của tiền nhân để soi sáng cõi lòng tu tâm dưỡng tính.



Cúng ở đây nhằm tri ân các bậc gia tiên, thánh hiền đáng kính với sự dâng hiến lễ vật một cách trịnh trọng và mong cầu ơn trên chứng minh gia hộ. Ngoài ra lễ bái còn tăng trưởng phước ông bà cho dòng họ cháu

con và tăng trưởng đạo lực giải thoát cho tín đồ qua hệ thống tâm linh làm gạch nối giữa người nguyện cầu với các bậc tiên nhân thánh đức. Có thể nói lễ bái rất cần thiết cho việc giáo dục gia đình ý niệm truyền thống gia tiên, lý tưởng giống nòi và làm tròn nghĩa vụ đạo đức con người. Muốn bồi dưỡng tâm linh lành mạnh, người có đạo đức và giàu lòng hiếu nghĩa không thể không lễ bái gia tiên, Chư Phật và thánh hiền.

Lễ bái ở đây nhằm báo ân với cung cách quy ngưỡng, hướng về, cũng như noi gương đức hạnh cao quý và ý chí siêu thoát của các bậc tôn kính để tu tập. Người lễ bái mong cầu sau này kế thừa xứng đáng sự nghiệp của tiền nhân trên con đường giác ngộ và giải thoát khổ đau sinh tử. Phận làm cha mẹ cần phải giải thích cho con cháu hiểu rõ ý nghĩa và giá trị thờ cúng và lễ bái. Con cháu nhờ đó tiếp nối sự nghiệp của gia tiên cho đúng đạo lý.

Trong truyền thống văn hóa Việt Nam, vấn đề thờ cúng và lễ bái là hình ảnh linh động nhất, cao đẹp nhất, sâu đậm nhất của một dân tộc có hơn bốn nghìn năm văn hiến. Thờ cúng và lễ bái làm sống dậy tinh thần hiếu nghĩa và đạo đức nhân luân của con lạc cháu hồng, Việt Nam bất diệt.

3. Cách vái lạy

- Cách vái lạy khi cúng gia tiên

Vái thường được áp dụng ở thế đứng, nhất là trong dịp lễ ở ngoài trời. Vái thay thế cho lạy ở trong trường

hợp này. Vái là chắp hai bàn tay lại để trước ngực rồi đưa lên ngang đầu, hơi cúi đầu và khom lưng xuống rồi sau đó ngẩng lên, đưa hai bàn tay xuống lên theo nhịp lúc cúi xuống khi ngẩng lên. Tùy theo từng trường hợp, người ta vái 2, 3, 4, hay 5 vái.

Vái thì chỉ thực hiện sau khi lạy và chỉ 2 vái mà thôi (cho dù có thực hiện 2, 3, hay 4 lạy cũng thế).

Lạy là hành động bày tỏ lòng tôn kính chân thành với tất cả tâm hồn và thể xác đối với người trên hay người quá cố vào bậc trên của mình. Lạy tức là chắp hai tay đưa cao quá trán và hạ từ từ xuống phía trước mặt đến ngang ngực và trong một số trường hợp rất cung kính thì người lạy tiếp tục quỳ xuống, chống hai lòng bàn tay xuống đất rồi đầu cúi xuống đến khi trán chạm đất thì hết quy trình 1 lạy. Nếu người lạy ở tư thế đứng lạy thì có thể kẹp thêm một nén nhang giữa hai lòng bàn tay úp vào nhau cũng được. Với động tác lạy thì người lạy phải nhìn về phía trước, khi tay đưa xuống thì đầu đồng thời cúi xuống theo. Có hai thế lạy: thế lạy của đàn ông và thế lạy của đàn bà. Có bốn trường hợp lạy: 2 lạy, 3 lạy, 4 lạy, và 5 lạy. Mỗi trường hợp đều mang ý nghĩa khác nhau.

Thế lạy của đàn ông: Thế lạy của đàn ông là cách đứng thẳng theo thế nghiêm, chắp hai tay trước ngực và giơ cao lên ngang trán, cúi mình xuống, đưa hai bàn tay đang chắp xuống gần tới mặt chiếu hay mặt đất thì xòe hai bàn tay ra đặt nằm úp xuống, đồng thời quì gối bên trái rồi gối bên phải xuống đất, và cúi rạp đầu xuống gần hai bàn tay theo thế phủ phục. Sau đó cất

người lên bằng cách đưa hai bàn tay chắp lại để lên đầu gối trái lúc bấy giờ đã co lên và đưa về phía trước ngang với đầu gối chân phải đang quì để lấy đà đứng dậy, chân phải đang quì cũng theo đà đứng lên để cùng với chân trái đứng ở thế nghiêm như lúc đầu. Cứ theo thế đó mà lạy tiếp cho đủ số lạy. Khi lạy xong thì vái ba vái rồi lui ra.

Có thể quì bằng chân phải hay chân trái trước cũng được, tùy theo thuận chân nào thì quì chân ấy trước. Có điều cần nhớ là khi quì chân nào xuống trước thì khi chuẩn bị cho thế đứng dậy phải đưa chân đó về phía trước nửa bước và tì hai bàn tay đã chắp lại lên đầu gối chân đó để lấy thế đứng lên. Thế lạy theo kiểu này rất khoa học và vững vàng. Sở dĩ phải quì chân trái xuống trước vì thường chân phải vững hơn nên dùng để giữ thế thăng bằng cho khỏi ngã. Khi chuẩn bị đứng lên cũng vậy. Sở dĩ chân trái co lên đưa về phía trước được vững vàng là nhờ chân phải có thể vững hơn để làm chuẩn.

Thế lạy của phụ nữ: Thế lạy của phụ nữ là cách ngồi trệt xuống đất để hai cẳng chân vắt chéo về phía trái, bàn chân phải ngửa lên để ở phía dưới đùi chân trái. Nếu mặc áo dài thì kéo tà áo trước trải ngay ngắn về phía trước và kéo vạt áo sau về phía sau để che mông cho đẹp mắt. Sau đó, chắp hai bàn tay lại để ở trước ngực rồi đưa cao lên ngang với tầm trán, giữ tay ở thế chắp đó mà cúi đầu xuống. Khi đầu gần chạm mặt đất thì đưa hai bàn tay đang chắp đặt nằm úp xuống đất và để đầu lên hai bàn tay. Giữ ở thế đó độ một hai giây, rồi dùng hai bàn tay đẩy để lấy thế ngồi thẳng lên đồng

thời chấp hai bàn tay lại đưa lên ngang trán như lần đầu. Cứ theo thế đó mà lạy tiếp cho đủ số lạy cần thiết. Lạy xong thì đứng lên và vái ba vái rồi lui ra là hoàn tất thế lạy.

Cũng có một số người lại áp dụng thế lạy theo cách quì hai đầu gối xuống chiếu, để mông lên hai gót chân, hai tay chấp lại đưa cao lên đầu rồi giữ hai tay ở thế chấp đó mà cúi mình xuống, khi đầu gần chạm mặt chiếu thì xòe hai bàn tay ra úp xuống chiếu rồi để đầu lên hai bàn tay. Cứ tiếp tục lạy theo cách đã trình bày trên. Thế lạy này không những làm đau ngón chân và đầu gối mà còn không đẹp mắt.

Thế lạy của đàn ông có vẻ hùng dũng, tượng trưng cho dương. Thế lạy của phụ nữ có tính chất uyển chuyển tha thoát, tượng trưng cho âm. Thế lạy của đàn ông có điều bất tiện là khi mặc áo phục thì rất khó lạy. Hiện nay chỉ có mấy vị cao niên còn áp dụng thế lạy của đàn ông, nhất là trong dịp lễ Quốc Tổ. Còn phần đông, người ta có thói quen chỉ đứng vái mà thôi.

Thế lạy của đàn ông và phụ nữ là truyền thống rất có ý nghĩa của người Việt ta. Nó vừa thành khẩn vừa trang nghiêm trong lúc cúng gia tiên. Nếu muốn giữ phong tục tốt đẹp này, các bạn nam nữ thanh niên phải có lòng tự nguyện. Muốn áp dụng thế lạy, nhất là thế lạy của đàn ông, ta phải tập dượt lâu mới nhuần nhuyễn được. Nếu đã muốn thì mọi việc sẽ thành.

Số lần lạy và vái đều mang một ý nghĩa rất đặc biệt. Đây là phong tục đặc biệt của Việt Nam ta.

Ý nghĩa của 2 lạy và 2 vái: Hai lạy dùng để áp dụng cho người sống như trong trường hợp cô dâu chú rể lạy cha mẹ. Khi đi phúng điếu, nếu là vai dưới của người quá cố như em, con cháu, và những người vào hàng con em..., ta nên lạy 2 lạy. Nếu vái sau khi đã lạy, người ta thường vái ba vái. Ý nghĩa của ba vái này, như đã nói ở trên là lời chào kính cẩn, chứ không có ý nghĩa nào khác. Nhưng trong trường hợp người quá cố còn để trong quan tài tại nhà quàn, những người đến phúng điếu, nếu là vai trên của người quá cố như các bậc cao niên, hay những người vào hàng cha, anh, chị, chú, bác, cô, dì..., của người quá cố, thì chỉ đứng để vái hai vái mà thôi. Khi quan tài đã được hạ huyệt, tức là sau khi chôn rồi, người ta vái người quá cố 4 vái. Theo nguyên lý âm dương, khi chưa chôn, người quá cố được coi như còn sống nên ta lạy 2 lạy. Hai lạy này tượng trưng cho âm dương nhị khí hòa hợp trên dương thế, tức là sự sống. Sau khi người quá cố được chôn rồi, phải lạy 4 lạy.

Ý nghĩa của 4 lạy và 4 vái: Bốn lạy để cúng người quá cố như ông bà, cha mẹ, và thánh thần. Bốn lạy tượng trưng cho tứ thân phụ mẫu, bốn phương (đông: thuộc dương, tây: thuộc âm, nam: thuộc dương, và bắc: thuộc âm), và tứ tượng (Thái Dương, Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm). Nói chung, bốn lạy bao gồm cả cõi âm lẫn cõi dương mà hồn ở trên trời và phách hay vía ở dưới đất nương vào đó để làm chỗ trú ngụ.

Bốn vái dùng để cúng người quá cố như ông bà, cha mẹ, và thánh thần, khi không thể áp dụng thế lạy.

Ý nghĩa của 5 lạy và 5 vái: Ngày xưa người ta lạy vua 5 lạy. Năm lạy tượng trưng cho ngũ hành (kim, mộc, thuỷ, hỏa, và thổ), vua tượng trưng cho trung cung tức là hành thổ màu vàng đứng ở giữa. Còn có ý kiến cho rằng 5 lạy tượng trưng cho bốn phương (đông, tây, nam, bắc) và trung ương, nơi nhà vua ngự trị. Ngày nay, trong lễ giỗ tổ Hùng Vương, trong ban tế lễ thường lạy 5 lạy vì Hùng Vương là vị vua khai sáng giống nòi Việt.

Năm vái dùng để cúng khi không thể áp dụng thê lạy vì quá đông người và không có đủ thì giờ để mỗi người lạy 5 lạy.

Phong tục có được là do thói quen mà mọi người đã chấp nhận, nhiều khi không giải thích được lý do tại sao lại như thế mà chỉ biết làm theo cho đúng thôi. Trong mỗi gia đình Việt Nam, dù theo đạo nào cũng vậy, chúng ta, con dân nước Việt, hãy cố gắng thiết lập một bàn thờ gia tiên. Có như thế, con cháu ta mới có cơ hội học hỏi cách thiết lập bàn thờ gia tiên, và hiểu được ý nghĩa của việc thờ cúng ra sao.

Thờ cúng là cách biểu thị lòng nhớ ơn gia tiên cũng như lòng thương và hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ. Đây là một truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt mà chúng ta cần phải duy trì. Lời khấn vái là lời nói chuyện với người quá cố, do đó lời khấn là tấm lòng của người còn sống có thể khấn sao cũng được. Tuy nhiên người xưa cũng đã đặt ra lễ khấn và lời khấn.

Lễ khấn gồm các thủ tục như sau: Sau khi mâm cỗ đã đặt xong thì gia trưởng ăn mặc chỉnh tề (ngày xưa

thì khăn đóng áo dài) đi ra mở cửa chính. Ở xứ lạnh thì cũng phải ráng hé cửa chứ không đóng được cửa kín mít.

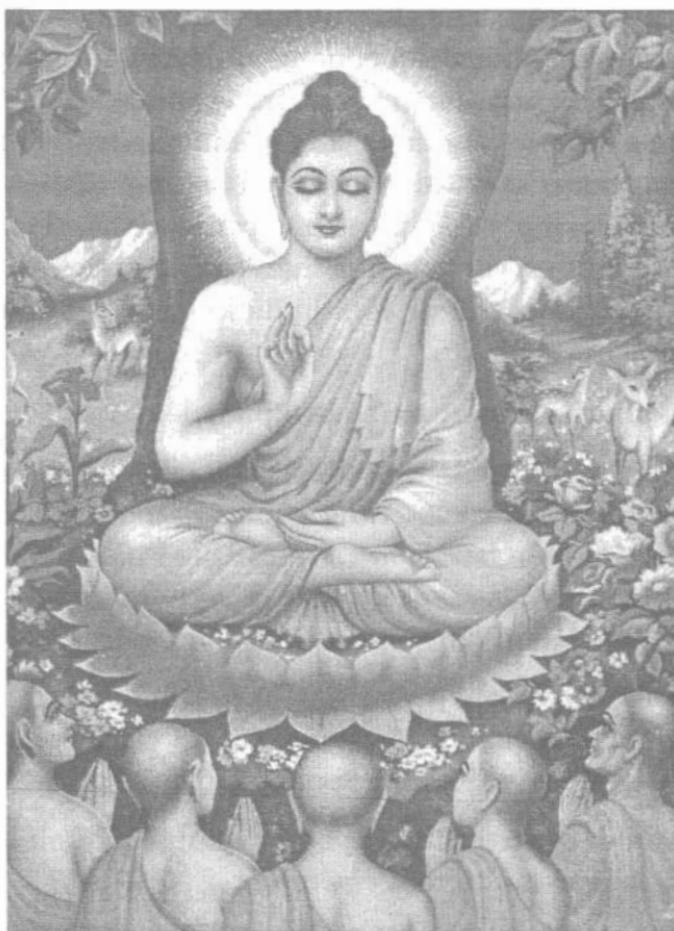
Sau đó phải khấn xin Thành hoàng, Thổ địa để họ không làm khó dễ linh hồn của gia tiên về hướng lê giỗ.

Người lạy đứng thẳng, chắp tay lên cao ngang trán, cong mình xuống, đặt hai tay vẫn chắp xuống chiếu, cúi rạp đầu xuống gần bàn tay đang chắp (dây là thế phủ phục), cất đầu vào mình thẳng lên đồng thời co hai tay vẫn lên chắp trước ngực và co đầu gối bên phải lên, đặt bàn chân phải lên chiếu để sửa soạn đứng dậy, đem hai bàn tay vẫn chắp xuống tì vào đầu gối bên phải mà đứng lên, chân trái đang quỳ tự nhiên theo cử động chót này cùng đứng thẳng lên. Người lạy, trước khi khấn đã lẽ bốn lạy, và sau khi khấn từ tư thế quỳ đứng lên, đã qua như lẽ được một nữa lạy, cho nên người ta thường nói là lạy "bốn lạy rưỡi" là vậy.

- Cách vái lạy khi cúng Phật

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, các đệ tử từ vua quan, đến dân chúng, mỗi lần được may mắn gặp Đức Phật Thích Ca, đều cúi xuống ôm chân Phật và đặt trán mình lên chân Ngài để tỏ lòng ngưỡng mộ, tôn thờ một bậc tối thượng: Bi, trí siêu phàm. Cử chỉ ấy là một cử chỉ vô cùng khiêm tốn, nhu thuận và hoàn toàn tin cậy đối với Đức Phật. Sau khi Phật nhập diệt, toàn thể tín đồ vẫn xem Ngài như còn tại thế, và cái cử chỉ cúi xuống ôm chân Phật vẫn còn tiếp nối tồn tại cho đến ngày nay và muôn ngàn năm sau. Cử chỉ ấy có công dụng làm cho tín đồ bao giờ cũng hình dung như Đức

Phật còn ngồi trước mặt mình để chứng giám cho tấm lòng thành kính của mình.



Để cho đúng với ý nghĩa trên, khi lạy Phật phải quỳ xuống, ngửa hai bàn tay ra như đang nâng hai chân Phật và cúi lưng xuống đặt trán mình trên hai lòng bàn tay. Trước khi lạy Phật, phải rửa mặt, súc miệng, lau tay chân, thay y phục và mặc áo tràng. Xong xuôi, mới đốt hương ra trước bàn thờ Phật, đứng ngay thẳng, tay

chắp để trước ngực, mắt nhìn tượng Phật, tâm tưởng đến các tướng tốt và những đức hạnh cao cả của Ngài, và tỏ bày nguyện vọng chân chính của mình, xá rồi cắm hương vào lư, đánh tiếng chuông và lạy Phật ba lạy. Lễ Phật như thế mới đúng pháp; trong kinh gọi là "thân tâm cung kính lễ", nghĩa là thân tâm hăng hái tề chỉnh, nghiêm trang, tâm thì hồn hở vui mừng và hết lòng thành kính như gặp được Phật còn tại thế. Trái lại, chúng ta lễ Phật với lòng ngã mạn (ngã mạn lê), hay với tâm cầu danh (cầu danh lê), thì đã không có kết quả gì, mà còn mang thêm tội.

Về phương diện lý thì có bốn phép lễ:

- Phát trí thanh tịnh lễ: Trong phép này, người hành lễ phải thấu suốt rằng cảnh giới của Chư Phật đều tùy tâm hiện bày, nên lạy một Đức Phật, tức là lạy tất cả Chư Phật, lạy một lạy, tức là lạy tất cả Pháp giới, vì Pháp thân của Phật dung thông.
- Biến nhập pháp giới lễ: Trong pháp này, người hành lễ phải tự quán thân, tâm cùng tất cả các pháp, từ hồi nào đến giờ đều không rời pháp giới.
- Chánh quán lễ: Trong pháp này, người hành lễ lạy Đức Phật ngay nơi tự tâm của mình.
- Thật tướng bình đẳng lễ: Trong phép lễ này, người lạy và đặng mình lạy, thể tính đều vắng lặng. Như thế mới thấu đáo và hợp lý Bát Nhã.

Bốn phép lễ này, lý cao khó nghĩ bàn, nếu chẳng phải bậc thượng căn, thượng trí, thì không thấu nổi và khó làm theo được.

Khi đi lễ Phật, ta lạy 3 lạy. Ba lạy tượng trưng cho Phật, Pháp, và Tăng. Phật ở đây là giác, tức là giác ngộ, sáng suốt, thông hiểu mọi lẽ. Pháp là chánh, tức là điều chính đáng, trái với tà ngụy. Tăng là tịnh, tức là trong sạch, thanh tịnh, không bợn nhơ. Đây là nói về nguyên tắc phải theo. Tuy nhiên, còn tùy mỗi chùa, mỗi nơi, và thói quen, người ta lễ Phật có khi 4 hay 5 lạy.

Trong trường hợp cúng Phật, khi ta mặc đồ Âu phục, nếu cảm thấy khó khăn trong khi lạy, ta đứng nghiêm và vái ba vái trước bàn thờ Phật.

Trong thế gian về mặt sự tướng, tức là về mặt hình thức, có ba cách lạy phổ thông mà người đời thường áp dụng. Trong ba cách lạy nói trên, có hai cách lạy mà người Phật tử chân chính cần phải để ý và tuyệt đối không nên áp dụng. Hai cách lạy đó là Ngã Mạn Lễ và Cầu Danh Lễ. Hai cách lạy này chính là những tật xấu không thể có nơi con người thánh thiện.

- Ngã Mạn Lễ: nghĩa là người lạy Phật hoặc lạy Ông, lạy Bà, lạy gia tiên, vì hoàn cảnh bắt buộc phải hành lễ, nhưng thâm tâm của họ không muốn lạy, do đó họ lạy với cử chỉ ngạo nghễ, thái độ kiêu căng, không có chút nào lễ độ cung kính cả. Đầu họ lạy xuống không sát đất và họ đứng lên cúi xuống một cách cầu thả cho qua việc. Họ vì sợ mất thể diện với bạn bè và sợ dơ bẩn quần áo quý giá của mình, nên buộc lòng phải lễ bái theo kiểu Ngã Mạn. Họ sợ mọi người chê trách mình là kẻ bất hiếu, bất nghĩa, bất tín, bất trung, cũng như họ quý trọng quần áo và bạn bè hơn chư Phật, gia tiên. Cách lạy đó gọi là Ngã Mạn Lễ.

- Cầu Danh Lễ: nghĩa là người lạy vì mong cầu danh vọng, quyền tước qua sự chú ý và ngợi khen của cấp trên cũng như lấy lòng quần chúng ủng hộ. Khi có cấp trên cũng như khi có quần chúng, họ siêng năng lễ lạy để cho mọi người thấy rằng mình có đạo đức, thương cấp nên nâng đỡ và quần chúng nên ủng hộ. Thật ra tâm của họ không có chút gì tin thành cả và ngược lại, một khi không có ai, họ lại biếng nhác giải dãi trong việc lễ lạy. Như vậy họ lễ lạy vì mọi người chứ thật ra không phải lễ lạy cho chính họ. Cách lạy này gọi là cầu danh lễ.

Đức Phật sở dĩ nêu lên trong kinh điển nhằm mục đích chỉ dạy cho người con Phật sau này phải ngăn ngừa và người con hiếu hạnh phải tránh xa.

- Thân tâm cung kính lễ: nghĩa là người lễ lạy phải thể hiện thân và tâm đều cung kính. Thân và tâm người lễ lạy đều cung kính thì sự lễ bái mới có giá trị. Nói cách khác, người lễ lạy phải chí thành cả thân và tâm, nghĩa là họ phải có đức tin trong sự lễ lạy thì sự cảm ứng rất dễ dàng với chư Phật, với các thánh hiền, với gia tiên. Ngược lại, tâm người lễ lạy nếu như thiếu cung kính thì thân họ sẽ hiện ra phong cách thiếu lễ độ dễ nhìn thấy (Hữu ư trung xuất hình ư ngoại, nghĩa là tâm ở trong như thế nào thì tướng hiện ra như thế đó). Người lễ lạy muốn cho thân và tâm đều cung kính thì phải theo cách lạy của Phật giáo mà ở trên đã giải thích và phải lạy thường xuyên để cho cung cách được thuần thực. Người lễ lạy đã thuần thực thì mới có khả năng nghiệp phục Tâm loạn động của mình. Thân tâm cung kính lễ là cách lạy cơ bản của Phật giáo về mặt sự

tướng, tức là về mặt hình thức mà người xuất gia cũng như kẻ tại gia phải hành trì cho nghiêm túc. Nhờ đó họ sau này mới đủ khả năng bước vào lĩnh vực Thánh giáo lê của các bậc Thánh chúng về mặt lý tính không cảm thấy trở ngại.

Lạy là nghi thức rất phổ thông trong dân gian, mang ý nghĩa bày tỏ lòng biết ơn và niềm tôn kính đến với các đấng thần linh, các bậc thánh hiền có công khai phá giang sơn, bảo vệ sơn hà xâ tắc, và gia tiên dòng họ tiếp nối. Dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Trung Hoa, nên việc lễ lạy, từ hình thức đến nội dung, từ lễ gia tiên ông bà ở nhà cho đến lễ lạy Trời, Phật, Thánh, Thần ở đình, chùa, lăng, miếu cũng đều bị ảnh hưởng theo.

Hầu hết các tôn giáo đều có lễ lạy nhưng với nghi thức và ý nghĩa khác nhau. Với Phật giáo, ý nghĩa và cách thức lễ lạy khác với các đạo giáo khác. Đạo Phật bắt nguồn từ Ấn Độ. Tại xứ này ngày xưa, dân chúng thường bày tỏ lòng tôn kính chân thành đến một người nào đó họ ngưỡng mộ kính mến bằng cách quỳ xuống sát đất, đặt trán mình lên chân của vị ấy. Đức Phật là vị Đạo Sư, là bậc giác ngộ được tôn kính đặc biệt tại xã hội Ấn Độ thời bấy giờ.

Lúc đức Phật còn tại thế, mỗi lần nghe pháp hay thưa thỉnh việc gì, chư Tăng thường chấp tay lạy ba lạy rồi thưa hỏi hay ngồi nghe pháp. Đức Phật mặc nhiên chấp nhận cung cách này như là một tục lệ có từ lâu đời của xã hội Ấn Độ. Tuy vậy Ngài cũng không đặt thành nghi thức lễ lạy mà để tùy tâm các đệ tử. Sau khi Phật

Niết Bàn, hình thức lễ nghi và sự tôn kính ấy vẫn được duy trì trong các hàng đệ tử của Ngài. Sự duy trì hình thức ấy với mục đích là luôn luôn xem đức Phật như còn tại thế. Chư Tăng mỗi khi tụng kinh ôn lại lời Ngài dạy, phải mặc áo cà sa trang nghiêm, lạy Phật ba lạy. Hàng đệ tử tại gia cũng theo quý chư Tăng lạy Phật như thế.

Tại sao lại lạy ba lạy mà không lạy hai lạy, bốn lạy hay năm lạy? Ba lạy chính là lễ lạy ba ngôi quý báu tức Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng. Người đời thường xem vàng, bạc, kim cương, hột xoàn, đôla, và danh lợi thế gian là quý báu. Nhưng thực tế cho biết những thứ này không đem lại hạnh phúc chân thực, không cứu được con người thoát khỏi sinh lão bệnh tử. Nhưng với ba ngôi quý báu Tam Bảo: Phật, Pháp, và Tăng có năng lực dẫn dắt con người thoát khỏi mọi phiền não và ra khỏi sinh tử luân hồi.

Phật là Giác, là thức tỉnh ra khỏi sự u mê. Đức Phật là người đã giác ngộ và giải thoát hoàn toàn. Ngài là một bậc đạo sư, một người chỉ lối dẫn đường cho mọi chúng sinh thoát khỏi sinh tử luân hồi. Vì thế người Phật tử lạy cái lạy đầu tiên là để tỏ lòng thành kính, ngưỡng mộ và nhớ ơn Phật, cùng là thề nguyện sẽ theo gương Ngài mà tu hành để về bến giác. Pháp là những lời Phật dạy các đệ tử, sau đó được ghi bằng chữ, gọi là Kinh và Luật. Còn Luận là những lời bàn luận của các vị Bồ tát, đệ tử của Phật để làm sáng tỏ thêm những lời Phật dạy. Vì thế người Phật tử lạy cái lạy thứ hai là lạy Pháp bảo nhằm bày tỏ lòng thành kính, biết ơn và tưởng nhớ đến những lời dạy của Phật, những lời dạy mà, nếu chúng ta thực hành sẽ có công năng đưa chúng

ta qua khỏi bể khổ, đến bến bờ giải thoát. Tăng là một đoàn thể sống chung với nhau ít nhất là bốn người, bỏ nhà xuất gia đi tu, giữ đầy đủ giới luật của Phật đặt ra, với mục đích tu hành giải thoát cho mình và cho tất cả chúng sinh. Vì thế cái lạy thứ ba là lạy Tăng Bảo, từ các vị Thánh Tăng xuất thế đến các vị Tỳ Kheo trụ thế tu hành chân chính, đạo đức trong sạch, và giới luật trang nghiêm, để tỏ lòng thành kính và biết ơn những vị này đã sống đời sống lý tưởng, đã hy sinh gia đình tiền của và danh vọng, đã xem tiền bạc châu báu như rắn độc, danh lợi như đôi dép rách, sắc đẹp như cạm bẫy, ăn ngon mặc đẹp như xiềng xích trói buộc, để tình nguyện thay Phật dẫn dắt chúng sinh trên đường đạo.

Ngoài ý nghĩa lễ lạy Phật, Pháp và Tăng nêu trên, ba cái lạy cũng còn mang ý nghĩa lễ lạy ba ngôi quý báu bên trong chúng ta và trong mỗi chúng sinh, vì chúng sinh cùng chư Phật đồng một thể tính sáng suốt (Phật tính), đồng một pháp tính từ bi và bình đẳng (Pháp tính), và đồng một đức tính thanh tịnh, hòa hợp (Thanh tịnh tánh). Về cung cách lạy cũng có nhiều thứ. Người Ấn Độ cũng như Trung Hoa có nhiều cách lễ lạy khác nhau. Riêng Phật giáo Việt Nam thường lạy theo phương cách "Ngũ thể đầu địa", tức là làm thế nào cho hai tay, hai chân và đầu chạm mặt đất. Đây là một phương cách lạy tôn kính nhất trong tất cả các cung cách lễ lạy. Khi lễ lạy, người Phật tử đứng ngay thẳng, hai chân khép sát vào nhau, hai bàn tay chắp sát lại nhau cho khít theo thế hiệp chưởng (không phải thế hình búp sen) tiêu biểu cho sự nhất tâm. Khi lạy Phật có người để hai tay trước ngực lạy xuống. Cũng có người

đưa hai tay lên trán rồi mới lạy xuống theo phương cách ngũ thể đầu địa, tức là khi lạy phải quỳ xuống, ngửa hai bàn tay ra như đang nâng hai chân Phật và cúi lưng xuống đặt trán mình lên trên hai lòng bàn tay. Đối với phụ nữ, thường là quì thẳng lưng rồi lạy, chứ không đứng, vì hình thể đặc biệt của phụ nữ, khác với nam giới nên thế đứng thẳng trông hơi lộ liễu.



Trong đạo Phật bao giờ sự và lý cũng phải viên dung. Chúng ta lạy Tam Bảo với tất cả thân tâm thành kính nhở ơn, thành kính nhở ơn Phật, thành kính nhở

ơn Pháp, và thành kính nhớ ơn Tăng. Thế còn cái tâm của chúng ta trong khi lạy phải như thế nào? Nghĩ ngợi gì? Tưởng nhớ đến ai, đến cảnh gì, vật gì? Hay là để tâm không nghĩ ngợi, không cầu mong điều gì? Chúng ta hãy nhớ lại bài kệ "Quán tưởng" mà chúng ta thường tụng trước khi đánh lễ:

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thủ đạo tràng như Đế Châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung,
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Đã được dịch ra là:

Phật, chúng sinh tánh thường rỗng lặng,
Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn,
Lưới đế châu ví đạo tràng,
Mười phương Phật hiện hào quang sáng ngời,
Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,
Cúi đầu xin thế nguyện quy y.

Như thế thì bản chất Phật và chúng sinh vốn là "không tịch" lặng lẽ, tạm gọi là chân tâm. Chỉ từ khi bắt đầu khởi niệm, là bắt đầu bị cuốn vào dòng vô minh, rồi thức mới hoạt động, mới suy nghĩ, mới phân biệt ra cái "ta" (năng) và cái "không phải ta" (sở), mới

nảy sinh ra tình cảm yêu ghét, tạo nghiệp, trả quả, xoay chuyển trong vòng sinh tử không thấy đường ra.



Phật thương xót chúng sinh mê muội "... trong trí bồ đề mà không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sinh ràng buộc..." (Lời sám hối), mới dạy cho chúng sinh tu hành để chấm dứt cái vòng luẩn quẩn đó bằng cách trì giới, tham thiền, niệm Phật, trì chú, mục tiêu đều để giảm bớt những thói quen chấp trước, phân biệt, yêu ghét, từ từ đi tới định tâm. Khi tâm đã "định" thì trí

huệ bát nhã mới có dịp hiển lộ. Cho nên nếu muốn báo đền ơn Phật, vâng lời Phật thì ít nhất là trong khi lễ lạy phải tuân theo lời Phật dạy, không suy nghĩ gì cả, chỉ theo dõi hành động mà thôi, lễ xuống thì chỉ biết là lễ xuống, đứng lên thì chỉ biết là đứng lên, chắp tay thì chỉ biết là chắp tay, v.v... không có nghĩ đến bất cứ ai, không tưởng nhớ đến bất cứ cái gì. Hễ một niệm tưởng dấy lên là hết "không tịch" rồi, là từ "nhất niệm vô minh" trôi lăn vào dòng vô minh miên viễn rồi.

Nói tóm lại, "Năng lễ, sở lễ tánh không tịch", nghĩa là người lạy và đặng minh lạy, thể tánh đều vắng lặng bình đẳng. Thật tướng vạn pháp đều thể hiện một cách bình đẳng, không phân biệt, không thấy có minh lạy và người để cho minh lạy. Nếu khi lạy Phật mà tâm còn vướng mắc một chút xíu mong cầu, hay một chút tư tưởng đến dòng họ gia tiên, dù mỏng như một sợi tơ cũng không đúng phép. Tâm phải ở trạng thái thanh tịnh vắng lặng. Phật giáo Việt Nam đã thực hiện phép lý lạy này từ ngàn xưa, thiết tưởng không có phép nào đầy đủ ý nghĩa và hợp với lý Bát Nhã hơn.

PHƯƠNG PHÁP ĐẶT BÀN THỜ
THỜ CÚNG



I. NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ KHÔNG GIAN THỜ CÚNG

Từ tâm thức đến cách thức bài trí nhà cửa, người phương Đông nói chung và người Việt Nam nói riêng luôn đặt nơi thờ cúng tại vị trí trang trọng nhất.

Trong một ngôi nhà truyền thống, bàn thờ cố định thường đặt tại Trung Cung (khu vực trung tâm của ngôi nhà). Bước vào cửa chính có thể gặp bàn thờ và bộ bàn ghế tiếp khách, là một xếp đặt quen thuộc, hài hòa với cấu trúc không gian nhà ở truyền thống vốn có hàng hiên và sân vườn bao bọc chung quanh.

Còn nhà ở hiện đại với diện tích và cấu trúc không gian khác xưa, điều kiện sống và quan niệm trong sinh hoạt cũng có nhiều thay đổi, cách bố trí bàn thờ trở nên đa dạng hơn, và cũng có nhiều vấn đề ưu tư hơn.

Nhà phố hiện nay phổ biến cách đặt phòng thờ trên tầng thượng, vừa thoáng khí vừa có khoảng rộng sân thượng để tập trung nhiều người vào các dịp giỗ Tết, giảm các va chạm trong sinh hoạt hàng ngày.

Nhưng cũng có một số gia đình không muốn đưa bàn thờ lên tầng cao với lý do: khó khăn cho người lớn tuổi khi chăm lo hương khói, quét dọn bàn thờ, và đặt lên cao quá sẽ có cảm giác xa cách.

Trường hợp nhà neo người, quá khó khăn hoặc nhà trệt, căn hộ chung cư... người ta thường gắn bàn thờ liền với không gian phòng khách có giải pháp thoát khói và chống ố vàng trên trần (như dùng tủ thờ có nóc, dùng tấm kính ngăn phía trên, bàn thờ kê cận cửa thông gió).

Đối với bàn thờ Thần tài và Thổ địa thường đặt ngay tại lối vào chính và ở dưới đất vì việc thấp nhang, nhất là nhang thơm, có tác dụng xua đuổi không khí ẩm ướt, côn trùng vào những buổi sáng sớm hoặc chiều tối (là khoảng thời gian chuyển tiếp âm dương, ánh sáng nhá nhem, vi khuẩn nhiều và độ ẩm tăng) đồng thời theo tín ngưỡng dân gian thì như vậy sẽ "nghinh tiếp Thần tài" được trực tiếp hơn.

Bàn thờ Thiên thì hầu như là lộ thiên hoàn toàn, có thể từ đơn giản là một bệ đá, đến cầu kỳ hơn là một trang thờ có mái.

Sân thượng hoặc ban công trước là nơi phù hợp đặt bàn Thiên, cũng là một điểm thấp nhang để xua đuổi âm khí, tạo thêm một nét ám áp cho sinh hoạt trong ngôi nhà Việt.

Bàn thờ nên có độ cao tỷ lệ với người trong gia đình, tránh làm quá cao (phải leo trèo thiếu an toàn) hoặc quá thấp (dễ bị va chạm và thiếu tôn nghiêm). Trường hợp có nhiều tầng thờ thì xếp đặt theo thứ tự từ cao xuống thấp theo ngôi thứ.

Tủ thờ thường có phần dưới và bên hông là tủ chứa đồ (gia phả, lịch giỗ kỵ, vàng mã hương đèn...). Nếu bệ thờ làm theo kiểu tấm đan bê tông thì cũng nên kê một tủ nhỏ hay bàn vào khoảng trống bên dưới để thuận tiện sắp xếp vật dụng vào dịp có giỗ Tết.

Phòng thờ có thể kết hợp với thư phòng, tiếp khách hay là nơi trà đàm, sinh hoạt gia đình trang trọng. Tránh bố trí chỗ ngủ hoặc nơi giải trí ôn ào chung với

phòng thờ vì thiếu trang nghiêm và không phù hợp với tính chất trường khí của phòng thờ vốn thuộc Âm.



Như vậy tùy theo hoàn cảnh gia đình mà cách bài trí phòng thờ, bàn thờ có thể linh hoạt phù hợp trên tinh thần trang nghiêm, ít bị ảnh hưởng bởi các sinh hoạt khác.

Trong ngôi nhà hiện đại - nhất là căn hộ chung cư - còn cần thêm sự giản dị và mỹ thuật, tránh làm bàn thờ theo lối trang trí lòe loẹt cầu kỳ. Bài trí bàn thờ phải nghiêm trang nhưng không u tịch, bởi vì nhà ở gia đình (tính chất dương) không bao giờ là một ngôi chùa hay đèn - miếu - phủ - am (thiên về tính âm, là "vãng sinh đường" cho khách thập phương).

Không gian thờ cúng, không gian mang tính tâm linh trong nhà ở luôn cần đặt yếu tố gần gũi và giáo dục truyền thống lên hàng đầu để kết nối các thế hệ và giữ vững gia phong nề nếp gia đình. Rất nhiều gia chủ ngày nay không muốn đặt bàn thờ ngay tại phòng khách nên thường lựa chọn một góc riêng vừa đủ kín đáo nhưng cũng không kém phần trang trọng. Trên thực tế, khu vực này không nhất thiết phải rộng mà chỉ cần vừa đủ để bài trí các vật dụng thờ cúng cần thiết, thậm chí chỉ là một góc nhỏ nằm ở hành lang hoặc nằm kẹp giữa các phòng.

Cách tổ chức hợp lý nhất cho một góc thờ cúng trong một căn hộ là thiết kế như một tủ kệ cố định. Nếu căn hộ được thiết kế sẵn khá hiện đại, tủ thờ cũng có thể kết hợp với những loại tủ kệ đa năng, thậm chí kết hợp với tủ trang trí, trưng bày các vật lưu niệm... Cách bố trí này sẽ giúp tủ thờ vừa trở nên hiện đại vừa dễ dàng hòa nhập với nội thất căn hộ mới nhưng lại tăng thêm tính tiện dụng cũng như tiết kiệm được nhiều diện tích trong nhà.

Góc thờ cúng cần được bài trí lạ mắt nhưng không kém phần trang trọng. Để phù hợp với việc bố trí này, các tủ thờ "hiện đại" thường cũng được thiết kế linh hoạt về kiểu dáng, màu sắc cũng như các chất liệu. Tuy nhiên, để thể hiện sự trang trọng cho nơi thờ cúng, cần chú ý đến sự "yên tĩnh" cần thiết cho khu vực này như tránh đặt nằm nơi "giao thông" lộn xộn cũng như "gần gũi" khu bếp núc, vệ sinh...

Điều còn lại cũng không kém phần quan trọng, là một nơi thờ cúng trong nhà không đơn thuần phụ thuộc vào "bề nổi" của công trình - một tủ thờ trang trọng đúng nghĩa hay một góc thờ cúng đơn giản, hiện đại - mà tất cả đều phụ thuộc vào sự thành kính, tín ngưỡng của mỗi gia chủ cũng như mỗi thành viên ở trong nhà.

Dù có hiện đại đến đâu thì mỗi ngôi nhà người Việt Nam đều muốn có chỗ để đặt bàn thờ. Vì thế, không gian thờ cúng là nơi bắt buộc phải nghĩ đến trong quá trình thiết kế một căn nhà. Tuy nhiên, hiện nhiều căn hộ chung cư không được nhà thiết kế và chủ đầu tư quan tâm đến điều này. Đa số khách hàng mua chung cư thường phải tự tìm kiếm một khoảng trống nhất định nào đó trong phòng khách hoặc không gian sinh hoạt chung, kê tủ thờ vào, hoặc gắn một trang thờ trên cao. Nhiều gia đình cẩn thận hơn, đi lên tầng trên xem ngay chỗ nhà mình làm bàn thờ thì nhà người ta làm gì? Bàn thờ nhà mình có nằm bên dưới giường ngủ hay nơi trẻ em chạy nhảy chơi đùa không, vì sợ bị "động bàn thờ". Với một chung cư có mặt bằng các tầng giống nhau thì thực ra không có nhiều những vị trí có thể đặt được tủ thờ, do việc ngăn chia ngay từ đầu. Tuy nhiên, mỗi gia đình có nếp sống, thói quen khác nhau, không thể áp đặt được.

Có gia đình đặt tủ thờ kiểu cổ điển đồ sộ, gia đình khác chỉ cần một tấm đan bê tông hoặc khung gỗ treo trên cao. Khi chuyển đến chung cư mới, tủ thờ là vật dụng được dùng lại nhiều nhất vì yếu tố kỷ niệm, vì ít hư hỏng nhiều so với các vật dụng khác có va chạm thường xuyên như bàn ghế, giường tủ... Nhưng vì vậy

mà nhiều lúc bộ bàn thờ cũ cũng trở nên rất lạc lõng trong không gian nội thất của căn hộ chung cư vốn khá hiện đại.



Bàn thờ nên đặt ở đâu trong căn hộ? Điều này tùy thuộc vào bố trí mặt bằng căn hộ, nhưng nhìn chung có một vài nguyên tắc cơ bản sau:

- Góc thờ, bàn thờ nên đặt trong khoảng giữa các mặt bằng căn hộ và không thuộc vào hẵn một phòng nào. Vì căn hộ không thể nào làm phòng thờ riêng biệt như trong nhà phố hay biệt thự, căn hộ nào cũng có khoảng đi lại ở giữa nhà, nên nếu khéo tính toán thì sẽ tránh tình trạng bố trí bàn thờ tùy tiện. Mặt khác, khoảng giữa các căn hộ sẽ không bị bí như trong các phòng đóng kín. Hơn nữa hiện nay nhiều căn hộ đã thiết kế theo kiểu trống hoàn toàn cho gia chủ tự ngăn

chia, vì thế góc thờ nên làm bằng những vật liệu có thể tháo ráp đơn giản như gỗ, kính hoặc dạng tủ đa năng.

- Việc chống ám khói cho trần và tường cũng khá đơn giản, chỉ cần tủ thờ thiết kế là loại có nóc bên trên thì sẽ giảm hẳn, vì khói bàn thờ không phải như khói bếp, số lượng ngày giờ thấp nhang cũng ít hơn đun nấu trong bếp. Có thể gắn một tấm kính bên dưới của nóc tủ (tức là làm một "tấm trần" cho tủ thờ) khi cần có thể tháo kính xuống lau chùi dễ dàng.

- Tủ thờ nên kết hợp với tủ trang trí trong phòng khách để có thể bố trí gần cửa sổ, tăng cường thông thoáng. Đồng thời không gian tủ thờ sẽ được hiện đại và tăng thêm tính tiện dụng, thay vì chỉ làm có mỗi một loại tủ thờ đồ sộ bằng gỗ chạm như hiện nay, vừa chiếm nhiều không gian, vừa không tận dụng được các công năng, lại có thể khó hòa nhập với nội thất căn hộ mới.

1. Không gian thờ cúng và nguyên tắc phong thuỷ

Người Á Đông chúng ta, hầu hết mỗi gia đình đều có một bàn thờ thờ cúng. Đối với kiến trúc hiện đại cũng luôn phải dành một không gian hợp lý cho bàn thờ bởi đó là một góc tâm linh của người Việt. Bố trí, sắp đặt cũng như chăm chút bàn thờ vừa là để mọi người thể hiện lòng hiếu kính và tưởng nhớ đến ông bà gia tiên Phật, Thánh, đồng thời bàn thờ có một vị trí rất quan trọng trong phong thủy đương trách. Mỗi độ xuân về, năm hết Tết đến việc chuẩn bị cho bàn thờ là việc được mọi người đặt lên hàng đầu. Phong thủy đặt ra một số các nguyên tắc cơ bản dành cho bàn thờ:

- Nguyên tắc "Nhất vị, nhị hướng":

Vị trí đặt bàn thờ phải là vị trí có điểm tựa vững chãi. Tốt nhất là nên có một phòng riêng gọi là phòng thờ, nếu không có thể bố trí trong phòng sinh hoạt, phòng khách, không nên bố trí tại phòng ngủ, phòng ăn, phòng bếp. Bàn thờ cần yên tĩnh, không cần động, nên không đặt gần các nút giao thông trong nhà, không đặt chân cầu thang, không đặt phía trên cửa sổ (sau lưng bàn thờ không bố trí cửa sổ, dưới gầm không bố trí cửa sổ hay cửa ra vào). Bàn thờ không đặt thẳng cửa chính, cửa sổ khiến gió thổi xộc vào, nếu phạm phải có bình phong chắn gió...

Về học thuật phong thủy chuyên sâu thì "Vị" ở đây chính là khi bàn thờ được đặt tại các cát cung của thuật định vị Cửu Cung Thần Sát như: âm quý nhân, dương quý nhân, Thiên Lộc (nếu ở đúng cung Tài thành Lộc cư Lộc vị là đặc cách), Thiên Mã. Trong đó Âm quý nhân được coi là vị trí đặt bàn thờ đại cát khánh, tiếp theo là Dương quý, sau đó là Lộc vị thứ nữa mới đến 16 cung Huyền không trạch vận (các cung Diên thọ, Tài lộc, Tử túc). Còn trong trường phái Bát trạch có câu: cát tọa, cát hướng đối với bàn thờ và thường bị hiểu lầm là "Vị". Nhưng về bản chất Nguyên khí từ dưới lòng đất bốc lên nên nó chính là khí của cửu cung trong vùng khí trường. Do đó khi xét về vị trí của vật thể là ta phải xét đến khí của Cửu Cung trong vùng khí trường chứ không phải là "phương toạ" trong Bát khí như nhiều chuyên gia phong thuỷ thường lầm hiểu. Vì "phương toạ" đó về bản chất vẫn chỉ là xét về Thực khí - Dương khí mà thôi. Thực khí là khí vốn đi nổi trên mặt đất,

biến đổi linh hoạt không ngừng nên Học thuật Phong thủy lấy Bát khí (Sinh khí, Diên niên, Thiên y, Phục vị, Tuyệt mạng, Lục sát, Hoạ hại, Ngũ quỷ) để tương trưng cho Thực khí. Thực khí phải dụng hướng mà hấp thu đồng thời nó phụ thuộc vào nhân khí - cơ địa của người ở. Những người ở Tây tứ mệnh nên dụng hướng của Tây trạch để đón được các cát khí (Sinh khí, Diên niên, Thiên y, Phục vị) còn những người ở Đông tứ mệnh nên dụng hướng của Đông trạch để đón được các cát khí hay có được Thực khí tốt. Xét về độ mạnh yếu thì Nguyên khí lực mạnh hơn Thực khí nhưng lại phát tác chậm. Thực khí lực nhẹ nhưng phát tác nhanh.

Dương cơ thì lại hấp thụ được cả hai khí trong đó có Dương khí - Thực khí nên phát tác nhanh nhưng Âm khí - Nguyên khí mới là khí có tương tác mạnh nhất.

Tỉ lệ so sánh về tính tương tác của hai khí này với Dương cơ thông thường là: Nguyên khí chiếm từ 70% đến 80% còn Thực khí chỉ chiếm từ 20% đến 30%. Nên bàn thờ cần bắt buộc phải được đặt tại các cát cung của Cửu cung khí trường đã nêu trên, chí ít cũng phải được đặt tại cung Vô nguyên khí hữu thực khí (Vùng khí trung bình).

Hướng của bàn thờ là hướng của đường thẳng đi qua tâm và vuông góc với mặt bàn thờ hay còn gọi là hướng ngược lại với người đứng thấp hướng. Hướng của bàn thờ theo bát trạch nên bố trí tại tứ cát: Sinh Khí, Thiên Y, Diên Niên, Phục Vị.

- Nguyên tắc sạch sẽ nhằm kích hoạt cát khí:

Bàn thờ là nơi ngự trị của Phật, Thánh và các bậc tiền nhân trong gia đình vì thế nó thường được đặt ở vị trí trung tâm và cao nhất trong nhà (trừ bàn thờ thần tài). Điều này không chỉ để tránh sự va chạm mà còn tránh gió, bụi bặm và côn trùng. Việc lau dọn sạch sẽ bàn thờ là công việc trước tiên và được thực hiện một cách cẩn thận, tỉ mỉ. Chổi quét hoặc khăn lau bàn thờ phải được dùng riêng. Nước lau bàn thờ thường được dùng từ nguồn nước sạch sẽ, cẩn thận hơn nên dùng nước mưa (thiên hà thủy) hay nước nấu từ lá tràu, lá bồ đề để lau, ngoài ra còn dùng rượu đậm thêm gừng tươi để tẩy trần. Không gian thờ tự là không gian thiêng liêng trong gia đình, là nơi lưu giữ nhiều ký ức tình cảm giữa các thế hệ, chính vì thế việc giữ gìn bàn thờ luôn sạch sẽ, mát mẻ không chỉ thể hiện sự chăm sóc và tôn kính của con cháu đối với ông bà gia tiên, Phật, Thánh mà còn là sự chăm sóc đến cái tâm linh ở mỗi con người. Từ việc đánh sáng lại bộ lư đồng, lau chùi khung ảnh, thay cát bát hương (nhang)... đều thể hiện cho nhu cầu giao hòa, gắn kết mật thiết giữa thế giới hữu tình và thế giới tâm linh thiêng liêng.

Việc bày bàn thờ ngày Tết lại được ưu ái dành cho người đàn ông, đơn giản vì việc ấy nặng nhọc hơn. Hơn thế, người đàn ông là chủ gia đình, phải đại diện chǎm lo nơi cư ngụ của gia tiên để tỏ lòng hiếu kính. Giữ nếp xưa, mọi nhà vẫn mời người lớn tuổi nhất họ hay nhất nhà ra khấn và thắp hương cho ông bà gia tiên trong những ngày quan trọng như: tất niên, cême giao thừa, mừng năm mới, cúng tiễn...

Bàn thờ phải luôn sạch sẽ và thường xuyên thấp nhang. Điều này đặc biệt quan trọng nếu bàn thờ hướng trực tiếp ra cửa chính. Tượng thần thánh hoặc vật thể thiêng liêng phải đặt trên bàn kê cao. Đèn trên bàn thờ luôn bật sáng để thu hút năng lượng dương. Điều này có tác dụng tốt hơn treo đèn chùm trong đại sảnh.

Bàn thờ nên đặt ở góc hướng Tây Bắc của ngôi nhà hoặc đối diện với cửa chính, đồng thời giữ bàn thờ luôn luôn sạch sẽ, thường xuyên quét tàn nhang.

- Bàn thờ không được nhìn thẳng vào cửa phòng vệ sinh.
- Phía trên bàn thờ không được bố trí phòng vệ sinh.
- Bàn thờ không được dựa lưng vào phòng vệ sinh hay bếp đun.
- Bàn thờ không được đặt trong phòng ngủ đặc biệt là phòng của vợ chồng.
- Bàn thờ không đặt ở phần đất lấn chiếm khoảng không
- Bàn thờ không đặt ở chỗ có đường đi lại
- Bàn thờ không kê dưới tầng phía trên là giường, bàn ghế, tủ quần áo phụ nữ
- Bàn thờ không đối diện trực tiếp với cầu thang, càng không nên nằm dưới chân cầu thang
- Bàn thờ không được để tối, đèn trên bàn thờ luôn bật sáng để thu hút năng lượng dương.

- Tượng thần thánh hoặc các vật thể linh thiêng (tranh ảnh hoặc tượng) không được đặt cùng chung tường với phòng vệ sinh.
- Tượng thần thánh hoặc vật thể thiêng liêng không được nằm bên dưới (tầng trệt) phòng vệ sinh (tầng lầu).
- Tượng thần thánh không được đặt đối diện trực tiếp với cửa phòng vệ sinh.
- Tượng thần thánh không đặt trực tiếp bên dưới xà nhà.
- Tượng thần thánh không đặt đối diện trực tiếp với cầu thang.
- Tượng thần thánh không đặt bên dưới cầu thang. Điều này có nghĩa là người trong nhà thường xuyên bước qua thần thánh.
- Tượng thần thánh không được đặt trong phòng ngủ đặc biệt là phòng của vợ chồng.
- Tượng thần thánh luôn đặt bên trong nhà hoặc có mái che đầu.

2. Vị trí đặt bàn thờ thờ cúng

Việc lập bàn thờ ở vị trí nào trong nhà cho phù hợp ý nghĩa mà vẫn có thẩm mỹ là điều rất quan trọng. Kiến trúc hiện nay đa phần thiên về việc tạo không gian sống tiện ích, trong khi chỗ lập bàn thờ lại thường khó dung hợp với khung cảnh sinh hoạt tại gia. Nhiều gia đình dành hẳn một căn phòng làm nơi thờ cúng, nhưng cũng có khá nhiều người lại muốn đặt bàn thờ ở

phòng khách để dễ dàng hơn trong việc tưởng nhớ đến người thân.

Những vị trí có thể thiết kế bàn thờ

Đặt bàn thờ vào giữa ngôi nhà tạo thành một không gian mở, có thể gần giếng trời, gần sân vườn và cũng là vị trí trang trọng và nghiêm túc. Khu vực này không nhất thiết phải rộng, chỉ vừa đủ để bài trí theo tín ngưỡng riêng.

Trong trường hợp nhà quá chật hoặc muôn đặt bàn thờ trong phòng khách, thì sự kết hợp này cần có những vật dụng, những họa tiết trang trí hài hòa. Trang thờ trên cao cũng là cách giản đơn nhưng nên thiết kế tương thích, có đường nét, chữ không chỉ là tấm đan phẳng lì. Có thể kéo tấm màn che không gian bàn thờ lại hoặc đặt đóng tủ chuyên dùng, phía trên bài trí bàn thờ, dưới để tivi, vật trưng bày... Cũng có thể sử dụng tủ cửa lùa đặt ở góc phòng khách, khi không hành lễ có thể kéo cửa lại.

Nếu diện tích sử dụng không cho phép, hãy chọn phòng trên cùng, dưới mái. Ở đó, có thể bài trí tùy ý theo tín ngưỡng. Vị trí cao thì trang trọng, thấp thì có cảm giác ấm cúng và gắn bó.

Theo quan niệm của người xưa, bàn thờ thường phải đặt ở gian giữa. Tuy nhiên ngày nay, việc đặt bàn thờ ở giữa nhà không còn phù hợp với phong thủy vì hương khói nghi ngút sẽ ảnh hưởng đến các thành viên trong gia đình. Chính vì vậy, việc đưa phòng thờ lên tầng trên cùng là hợp lý và trang nghiêm nhất.

Gỗ là đồ thích hợp nhất cho phòng thờ, màu càng sậm càng mang tính tôn nghiêm. Đối với nền của căn phòng, dù bằng gỗ hay trải chiếu, thảm, thì cũng cần phải sử dụng màu nhẹ, tránh tương phản mạnh làm "khuấy động" không gian vốn cần sự tĩnh lặng. Nếu được, có thể sử dụng kèo gỗ, mái ngói, vách lợp hoặc dùng những chất liệu thô mộc biểu trưng như đình, đền phượng Đông.



Tùy điều kiện từng gia đình mà chọn bàn thờ cho phù hợp. Những gia đình có diện tích nhà ở rộng, một tầng dành riêng để làm gian thờ, có thể chọn mua tủ thờ. Có loại tủ thờ được làm bằng gỗ đắt tiền như chạm giả cổ bằng gỗ trắc, lim.

Nếu diện tích nhà tương đối nhỏ, bạn nên chọn mua bàn thờ. Bàn thờ đa dạng và phong phú hơn tủ thờ, bao gồm nhiều loại như gỗ chạm, sơn son thiếp

vàng chạm, sơn trơn, gỗ trần... Loại bàn thờ này đáp ứng thị hiếu của nhiều người nhờ màu sắc tương đối dễ chịu và độ bền của lớp sơn bảo vệ (mặc dù gỗ bàn thờ chỉ là loại gỗ thường).

Ánh sáng góp phần quan trọng vào sự tĩnh tại của phòng thờ. Nên sử dụng nguồn sáng tự nhiên. Không dùng đèn có ánh sáng trắng. Đèn màu vàng ấm áp sát tường sẽ gây hiệu ứng tốt, nhưng hay nhất vẫn là đèn cây. Hình thức, kiểu dáng đèn cũng cần phù hợp với không gian.

Theo quan niệm phong thủy phương Đông, bàn thờ không nên đặt sát nhà tắm, và không nên nhìn ra hai hướng Đông Bắc, Tây Nam.

Thuật phong thủy cho rằng khi đặt bàn thờ, tượng thờ bạn nên chú ý tránh những điều sau:

- Bàn thờ không đặt sát nhà tắm.
- Đặt ở lối đi.
- Đặt trên nóc tủ.
- Dùng gỗ đã dùng rồi để làm bàn thờ.

Ngoài ra, bàn thờ gia tiên không nên đặt ở trung tâm nhà vì sợ hung (đũ). Vị trí này có thể dành cho bàn thờ Phật. Bàn thờ gia tiên và bàn thờ Phật không nên đặt đối nhau trong một gian phòng. Không nên treo ảnh người quá cao hơn bàn thờ.

- Thờ thần linh tốt nhất nên đặt trên tủ thờ hoặc có bàn chắt chắt. Bàn thờ nên đón ánh sáng, không nên tựa vào cửa sổ, hoặc chỗ ánh sáng chiếu đến.

- Bàn thờ không nên đặt ở chỗ chật hẹp, hoặc đối diện quá gần tường. Chỗ dựa sau lưng nhất định cần ổn định, không nên thường xuyên động mạnh hoặc có gì đó khua khoáng, tốt nhất là dựa tường.

- Bàn thờ không nên hướng ra cửa phòng, không nên đối diện nhà vệ sinh, bếp; không nên lưng tựa giường ngủ, bếp nhà vệ sinh, không nên đặt trong phòng ngủ. Nguyên nhân vì các nơi đó thường phát tán các khí không trong sạch, như thế là bất kính đối với Thần Phật.

- Lưng tượng Phật cũng không nên tựa phòng bếp, hoặc đặt trong phòng bếp. Bởi các vị Bồ tát thường ăn chay nên như thế sẽ làm ô uế đến các vị đó. Riêng Táo Quân thì nên đặt tại nơi bếp nấu.

- Bàn thờ đại kỵ vô căn tức là treo cách ly khỏi mặt đất. Không thể đặt trên cửa lớn. Bởi cửa lớn là nơi qua lại nếu đặt bàn thờ chỗ đó khí tất động liên tục khiến Thần Linh không yên vị được.

- Trang trí bàn thờ nên nghiêm trang giản dị, sạch sẽ, không nên cầu thả đặt các vật linh tinh lên.

- Bàn thờ nên thường xuyên giữ cho sạch sẽ, nên dọn mỗi ngày, nên cúng trà, hoa tươi, quả. Vì thấp hương mỗi ngày nên dễ phát sinh ô uế, sẽ sinh tạp khí, nên phải dọn dẹp thường xuyên.

- Vấn đề cao thấp, rộng hẹp của bàn thờ thì phải nghiên cứu sâu, tuy nhiên bàn thờ nên cao hơn đầu người sao cho mình không nhìn thẳng được vào mắt thần tượng.

- Sắc thái thần tượng nên là hồng hào tươi tắn, biểu hiện cho hỷ khánh cát tường, kỵ nhất là màu đen.

- Nếu đồng thời thờ gia tiên và thần linh thì bàn thờ nên chia làm 3 cấp, trên cao nhất thờ Thần, tiếp là gia tiên, dưới thờ Thổ địa. Kỵ nhất gia tiên và thần linh bằng nhau.

- Quan đế, Thổ địa Tài thần nên quay mặt ra cửa lớn, đó là truyền thống từ xưa. Bồ tát thờ tại nhà ở hoặc chỗ buôn bán quay ra cửa lớn thì tác dụng lại không lớn lắm.

- Thờ Quán thế âm Bồ tát thì có tam bát hướng: không hướng về nhà vệ sinh, không hướng cửa phòng, không hướng bàn ăn. Không nên thờ Quán thế âm Bồ tát và Quan Đế cùng một chỗ. Quán thế âm Bồ tát là luôn từ bi, không sát sinh. Quán thế âm Bồ tát không ăn ngũ huân (gia vị nặng mùi), chỉ nên cúng hương hoa tịnh quả hoặc trà xanh. Không dùng thịt cá để cúng.

- Bàn thờ kỵ đặt dưới xà ngang, mọi việc sẽ khó yên, hay gãy đổ.

- Bàn thờ không nên đối diện bể cá, vì hương đốt thuộc hỏa, bể cá thuộc thủy tạo thành thủy hỏa tương xung.

- Bàn thờ không đặt bên cạnh máy lạnh, như thế là thủy hỏa tương xung dễ dẫn đến quỷ thai, tranh cãi, trở mặt thành thù.

- Không nên đặt bàn thờ ở hướng đông bắc (Quy môn); tây nam (Âm Môn).

Bàn thờ nên đặt tại vị trí Huyền Vũ của nhà, trong nhà đứng quay mặt ra cửa bên trái là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ, đằng sau là Huyền Vũ, trước mặt là Chu Tước.

II. CÁCH THIẾT LẬP BÀN THỜ THỜ CÚNG

Thờ cúng là loại hình tín ngưỡng dân gian và có sức sống rất lâu bền. Tín ngưỡng này không chỉ chứa đựng những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của dân tộc mà còn thể hiện quan niệm của người Việt về thế giới, về nhân sinh. Do vậy, nó có ảnh hưởng tích cực tới đời sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Sự ảnh hưởng này được thể hiện thông qua hệ thống giá trị của tín ngưỡng thờ cúng được chuyển tải vào hoạt động giáo dục nhân cách con người Việt cũng như trong việc thoả mãn nhu cầu tâm linh của mỗi cá nhân.

Tục thờ cúng của người Việt ra đời từ lâu trên cơ sở niềm tin về sự bất tử của linh hồn sau khi con người đã chết. Thờ cúng đã trở thành một phong tục, là chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc làm người, đồng thời là một phần quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt Nam, đặc biệt là cuộc sống ở các làng quê.

Từ xa xưa, trong mỗi gia đình người Việt đều có bàn thờ gia tiên. Ngoài bàn thờ gia tiên ở chính ngôi nhà chính, còn có nhiều bàn thờ khác như bàn thờ Thổ công (người miền Nam gọi là bàn thờ Thổ địa), bàn thờ Thánh sư, bàn thờ bà Cô ông Mân, bàn thờ Thần tài, bàn thờ Tiền chủ, bàn thờ Thiên... Gia đình theo đạo Phật còn có bàn thờ Phật.

Nhưng người có căn đồng có bàn thờ Chư vị, hoặc lập hẳn một ngôi điện tại một gian nhà riêng để thờ. Nhiều gia đình còn lập bàn thờ Quan Trần triều (Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn) để ma quỷ sợ uy thần không dám lai vãng phá quấy. Mỗi bàn thờ có sự bài trí khác nhau, song đều có bình hương, bài vị và ống hương, đèn nến. Sau đây là một vài tín ngưỡng thờ cúng và phương pháp đặt bàn thờ thờ cúng:

1. Cách thiết lập bàn thờ gia tiên

* Tín ngưỡng thờ gia tiên

- Nguồn gốc của tín ngưỡng thờ cúng gia tiên:

Theo quan niệm của người Việt, con người coi phần hồn và phần xác sau khi chết đi, linh hồn sẽ tách khỏi thể xác: thác là thể phách còn là tinh anh. Sự tin tưởng vào linh hồn bất diệt và sống trong thế giới u minh, hay cõi âm là một tin tưởng có nguồn gốc sâu xa và rất phổ quát trong hầu hết các dân tộc tiền sử. Người tiền sử đối xử với người chết như khi họ còn sống và tin rằng linh hồn họ luôn luôn quanh quẩn cạnh người nhà để giúp đỡ và che chở cho những người ruột thịt. Những linh hồn ấy sống trong cõi âm nhưng vẫn quanh quẩn ở dương thế dù với mắt người không nhìn thấy được gọi là ma. Tục thờ linh hồn người chết này có từ rất sớm và tạo nên bản sắc tín ngưỡng truyền thống của Việt Nam. Qua thời gian, tục này có thay đổi nhưng trên cơ sở tin tưởng vào sự bất tử của linh hồn gia tiên thì vẫn không suy chay.

Có thể nói rằng tín ngưỡng thờ cúng gia tiên là một tín ngưỡng phổ biến ở các nước Đông Nam Á. Khi bị văn hóa Hán, tiêu biểu là Nho, Lão, Phật xâm lấn, bao trùm thì tín ngưỡng này không mất, nhưng lại biến đổi lớp vỏ ngoài và đã làm cho văn hóa Hán phải thích ứng theo tín ngưỡng cổ.

Từ căn bản, quan niệm duy lý của Nho giáo về siêu hình là công nhận có linh hồn, có quỷ thần, nhưng không đặt nặng trọng tâm suy tư vào đấy; kính quỷ thần mà xa ra. Thế mà chuyển sang sinh hoạt thì lại thờ người chết như đối với người sống (sự tử như sự sinh) tức là coi người chết như vẫn còn hiện diện trước mặt với đầy đủ ý thức tâm tình của người sống và nhất là có khả năng làm được nhiều điều mà người sống bị hạn chế. Biến thái cao nhất của tục thờ cúng gia tiên là những người đại biểu cho Nho giáo, hay dùng Nho giáo làm căn bản xây dựng hệ thống quyền lực cai trị, đã chủ trương việc tôn vinh những người có công có đức lúc sống bằng việc ban tên thụy, tế lễ long trọng trong dịp tang ma, ban tiền bạc, ruộng tế để con cháu thờ phụng. Không thể nói đó là thủ đoạn chính trị để mua sự trung thành của bồ tát, mà phải nghĩ rằng chính triều đình cũng chia sẻ một đức tin vong hồn của những bồ tát vẫn luôn luôn ở cạnh để vân giúp vua như lúc sinh tiền.

Nói đến đạo Nho thì phải nói đến chữ Hiếu. Con hiếu với cha mẹ không những lúc cha mẹ còn đang sống mà ngay cả khi cha mẹ đã chết rồi. Một vị quan dù lớn trong triều đình mà gặp tang cha mẹ, cũng phải xin nghỉ để cư tang, có khi còn làm túp lều bên cạnh mộ để gần gũi vong hồn mới mất của cha mẹ. Ngày nay chúng

ta coi là cổ hủ vì chỉ nhìn ở hiện tượng; nhưng thực ra đó cũng xem rất giống như tục thờ ma của một số bộ tộc còn sinh sống gần đây trên các vùng thượng du hay cao nguyên, là khi người thân chết, họ đặt vào áo quan làm bằng một thân cây đục rỗng, dựng ở góc nhà, như thế để sớm hôm ra vào vẫn như còn gần gũi như lúc còn sống. Một thời gian lâu sau mới đem chôn.

Quan niệm người chết đi sang một thế giới khác vẫn sinh hoạt tuy có thể thay đổi vị thế, như khi còn sinh tiền nên thân nhân phải lo cho người chết đầy đủ để cuộc sống ở thế giới mới không gặp khó khăn, thiếu thốn. Việc tùy táng do đấy có tính chất phổ quát không chỉ ở dân tộc Việt Nam, mà còn có ở nhiều dân tộc khác trên thế giới từ rất lâu đời vẫn còn tồn tại đến ngày nay, dù đã có vài thay đổi về chi tiết.

Khi đã phát triển thành một xã hội nông nghiệp định cư trên một địa bàn rộng lớn, thì việc thờ cúng gia tiên cũng tiến hành song song với sự hình thành rộng rãi gia tộc. Lúc ấy bắt đầu nảy sinh quyền hạn và bốn phận riêng của gia tộc cũng như cộng đồng. Những sinh hoạt tâm linh cũng thay đổi theo chiều hướng cái nào thích hợp với xã hội mới thì được chuyển hóa; cái nào không hợp thời sẽ bị đào thải. Tục thờ cúng gia tiên là một chuyển hóa quan trọng từ tín ngưỡng thờ linh hồn, và nó trở thành căn bản cho tổ chức gia đình, lớn hơn là họ hàng đối với xã hội đã định cư.

Người ta rất khó giải thích hay chứng minh sự hiện hữu của các vong hồn người thân, nhưng người ta vẫn tin tưởng và đã tạo nên một niềm tin vững chắc rằng

chết chưa phải là hết. Vong hồn vẫn sống với gia tộc nhưng với mức độ thiêng liêng hơn để có thể hoặc làm hại cũng tàn khốc hơn người sống hay phù hộ thì gặp may mắn hoặc gạt bỏ thì gặp tai ách. Ở mỗi thời đại, sự tin tưởng này có mang theo nhiều yếu tố của thời đại ấy.

Thờ cúng gia tiên không thuộc phạm trù triết học để bàn cãi rồi tin hay không tin. Nó đã là một bản chất của nhân loại. Tùy theo địa phương và thời đại, những biểu hiện có khác nhau, nhưng bản chất vẫn là sự thương yêu và dùm bọc người thân trong gia đình và lan ra đến họ hàng.

Cụ Phan Bội Châu là người nhiệt liệt chủ trương Duy tân. Cụ đã ở Nhật và trực tiếp quan sát được những đổi mới đã đưa Nhật đến địa vị cường quốc, cạnh tranh ngang ngửa với các quốc gia tiên tiến Tây phương, như một tấm gương sáng cho phong trào duy tân. Cụ đã dạy bảo từ thời ấy là phải duy trì nền tảng gia đình với tục lệ thờ cúng gia tiên bằng một câu nói rất đơn sơ nhưng rất nặng ý nghĩa: Tôi biết ít chữ, dạy lại cho con trẻ để sau này nó biết khấn gia tiên. Cả một nền Nho học không truyền lại điều gì mà chỉ dùng chữ Nho để khấn gia tiên vào ngày cúng giỗ. Cụ Phan muốn nói rằng dù nhận định cái học nhà nho đã hỏng rồi phải thay bằng cái học khác; nhưng nền tảng gia đình mà tinh thần là sự thờ cúng gia tiên phải duy trì, để như chất keo sơn gắn chặt các thành viên trong gia đình nhỏ với gia tộc lớn mà từ đó kết hợp thành tinh thần đoàn kết dân tộc.

Tục thờ cúng gia tiên tuy có nguồn gốc từ tín ngưỡng cổ sơ nhất của loài người, nhưng qua thời gian và địa phương lại có những thay đổi về nghi thức và phạm vi, nó biểu lộ rõ ràng sự tiến bộ trong tổ chức xã hội nông nghiệp.

Thông thường việc thờ cúng gia tiên của chung một họ diễn ra ở nhà thờ tổ và được giao cho một người gọi là thừa tự trông nom săn sóc bàn thờ, đèn nhang cúng vái ngày thường và tổ chức ngày giỗ để con cháu tụ họp đông đủ lễ gia tiên, sau đó thừa huệ cỗ bàn. Ta gọi là trước cúng sau ăn. Giỗ to nhỏ tùy theo ngôi vị trong gia tộc. Ngay những người chết trẻ thường được coi là linh thiêng nên thờ gọi là bà cô hay ông mãnh.

Đã có một thời do ảnh hưởng của văn hoá phương Tây nên một số người cho rằng tục thờ cúng gia tiên không hợp lý, mê tín.

Từ tín ngưỡng thờ linh hồn sơ khai trở thành Đạo thờ cúng gia tiên với đầy đủ đức tin và nghi thức đã làm nên sức mạnh tinh thần cho những thành phần trong gia tộc mà xét về nhiều mặt tích cực cũng như tiêu cực phải gọi là yếu tố căn bản của văn hoá Việt Nam.

Có thể nói rằng, tín ngưỡng thờ cúng gia tiên cùng huyết thống chỉ thực sự ra đời và phát triển trong thời kỳ thị tộc phụ hệ. Sự ra đời của thị tộc phụ hệ là kết quả của sự phân công lao động lần thứ hai giữa trồng trọt, chăn nuôi và thủ công. Trong chế độ phụ quyền, địa vị của người đàn ông được đặt lên hàng đầu, quyền thừa kế tài sản theo dòng họ cha và tiếp nối đến thế hệ sau đã củng cố vững chắc vị trí của người đàn ông trong

xã hội. Điều này đúng như đánh giá của một nhà nghiên cứu: "Những người này, bằng uy tín của mình đã củng cố và thiêng liêng hoá sự thờ cúng gia tiên đã có mạnh nha trong thời kỳ thị tộc mâu quyền". Khi trình độ sản xuất phát triển, của cải xã hội làm ra ngày càng nhiều làm xuất hiện một lớp tích luỹ được nhiều của cải và dẫn tới có quyền uy chi phối người khác và là mầm mống cho sự phân chia xã hội thành giai cấp. Trong xã hội có giai cấp, vị trí của người đàn ông trong gia đình và ngoài xã hội ngày càng được củng cố - cơ sở đích thực trong quá trình chuyển đổi từ việc thờ cúng gia tiên tô tem sang việc thờ cúng gia tiên là con người thực cùng chung dòng máu. Nền kinh tế tiểu nông theo kiểu tự cung tự cấp đã tồn tại lâu dài trong xã hội Việt Nam cũng là một cơ sở cho sự hình thành và duy trì tín ngưỡng thờ cúng gia tiên. Mỗi một gia đình là một cơ sở kinh tế độc lập, sản xuất và tiêu thụ. Các thành viên trong gia đình gắn bó chặt chẽ với nhau trong lao động sản xuất và trong đời sống lấy gia đình là trung tâm.

Điều kiện nhận thức và các yếu tố tâm lý khác:

Về nhận thức: Trong nhận thức dân gian, người Việt quan niệm rằng, con người có 2 phần: phần xác và phần hồn. Hai phần này vừa gắn bó, vừa tách biệt với nhau. Khi con người còn sống, hồn nhập vào xác điều khiển hành vi của con người. Khi con người chết đi, phần hồn rời khỏi phần xác, thể xác của họ hoà vào cát bụi, phần hồn vẫn tồn tại và chuyển sang sống ở một thế giới khác (cõi âm). Ở cõi âm (được mô phỏng từ cõi dương) mọi linh hồn đều có các nhu cầu như cuộc sống nơi trần thế.

Các yếu tố tâm lý khác:

Sự sợ hãi: Trong cuộc sống con người còn gặp nhiều khó khăn, rủi ro, bất hạnh, sa cơ, lỡ vận, bệnh tật hiểm nghèo... luôn đe doạ sự bình an của con người. Con người còn thiếu tự tin vào chính bản thân khi phải đối mặt giải quyết với các vấn đề trên trong cuộc sống của chính bản thân họ. Họ luôn mong muốn có sự giúp đỡ của các thế lực khác nhau, trong đó họ cần đến sức mạnh của ông bà gia tiên ở "thế giới bên kia" che chở, nâng đỡ. Từ quan niệm dân gian về linh hồn, người ta cho rằng, nếu không cúng tế linh hồn ông bà gia tiên đầy đủ thì những linh hồn này trở thành ma đói và sẽ mang lại rủi ro, quấy nhiễu cuộc sống của những người đang sống. Đồng thời, ở chế độ phụ hệ quyền lực của người đàn ông, nhất là gia trưởng, tộc trưởng đã làm nảy sinh ở phụ nữ, con cháu sự quy thuận lẩn cảm giác sợ hãi. Tâm trạng này không phải chỉ tồn tại ở vợ và con cháu khi họ đang sống mà cả khi họ đã chết. Trong cuộc sống của mỗi con người, càng về già, cái chết luôn là nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với mỗi người, con người không muốn nó diễn ra, ngay cả khi họ có cuộc sống nơi dương thế luôn gặp khó khăn và trắc trở, nhưng họ lại luôn phải đối mặt với nó. Thực hiện các lễ nghi thờ cúng gia tiên trong không gian thiêng đó, mỗi người được trải nghiệm và cũng như một lần được chuẩn bị tâm thế chấp nhận cái chết một cách thanh thản, bình tĩnh và nhẹ nhàng hơn.

Sự kính trọng, biết ơn: Nỗi lo sợ bị trừng phạt của con người không phải là yếu tố duy nhất và chủ yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển tín ngưỡng thờ cúng

gia tiên của người Việt. Nếu chỉ vì sợ hãi mà con người phải thờ cúng thì tín ngưỡng thờ cúng gia tiên đã không thể tồn tại lâu bền và đầy giá trị nhân văn như vậy. Yếu tố tâm lý có vai trò quyết định trong việc duy trì tín ngưỡng thờ cúng gia tiên của người Việt là sự tôn kính, biết ơn đối với các thế hệ trước, là tình yêu và lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà cha mẹ.

- Ảnh hưởng của một số tư tưởng tôn giáo đến tín ngưỡng thờ cúng gia tiên ở Việt Nam:

Ảnh hưởng của tư tưởng Khổng giáo (Khổng giáo do Khổng Tử sáng lập): Tư tưởng của đạo Khổng là đề cao chữ *hiếu* và coi đó là nền tảng của đạo làm người. Theo Khổng Tử, sự sống của mỗi con người không phải do tạo hoá sinh ra, càng không phải do bản thân tự tạo, mà nhờ cha mẹ. Sự sống của mỗi người gắn liền với sự sống của cha mẹ, sự sống của cha mẹ lại gắn liền với sự sống của ông bà và cứ như vậy thế hệ sau là sự kế tiếp của thế hệ trước. Vì thế, con người phải biết ơn không chỉ với cha mẹ mà cả đối với thế hệ gia tiên trước đó.

Ảnh hưởng của tư tưởng Đạo giáo (Đạo giáo do Lão Tử và Trang Tử khởi xướng): Trong quan niệm của Lão Tử và Trang Tử, bản chất của "Đạo" là nguồn gốc của vạn vật trên thế giới, là quy luật vận động của tự nhiên và được hai ông diễn tả nó như một thứ huyền bí, một nguyên lý tối cao vô hình. Trong Đạo giáo đã xây dựng nhiều nhân vật thần tiên có dáng dấp của con người. Thần tiên của Đạo giáo chính là những cá nhân đã được tôn vinh thành những nhân vật trường sinh bất tử, ở nơi bồng lai tiên cảnh, sống cảnh an nhàn, lại rất thắn

thông quảng đại có thể cưỡi mây, đạp gió, làm được những việc phi thường mà con người trần tục không thể làm được. Viễn cảnh thần tiên ấy đã trở thành niềm mơ ước, khát vọng của rất nhiều người đang sống ở một thế giới mà Phật giáo cho là "biển khổ". Nếu như Khổng giáo đặt nền tảng lý luận về giá trị đạo đức, về trật tự kỷ cương xã hội cho tín ngưỡng thờ cúng gia tiên của người Việt, thì Đạo giáo góp phần củng cố niềm tin vào sự tồn tại và năng lực siêu nhiên của linh hồn những người đã chết thông qua một số nghi lễ thờ cúng như: gọi hồn, bùa chú, ma chay, tang lễ, mồ mả và đốt vàng mã.

Ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo: Phật giáo có ảnh hưởng rất lớn đến sự giữ gìn và phát triển tín ngưỡng thờ cúng gia tiên ở Việt Nam, trước hết là quan niệm của Phật giáo về cái chết, về kiếp luân hồi và nghiệp báo,... Phật giáo cho rằng, sống chết là quy luật tất yếu của thế gian giống như mặt trời lặn rồi lại mọc, mọc rồi lại lặn mà thôi. Sống và chết chỉ có nghĩa là thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác. Chết là bắt đầu của một chu kỳ sống mới, một kiếp sống mới. Theo Đạo Phật, không có kiếp sống đầu và kiếp sống cuối cùng. Sau khi chết, linh hồn con người sẽ được tái sinh, đầu thai vào một kiếp khác. Kiếp đó là hạnh phúc hay đau khổ, tuỳ thuộc vào bản thân họ đã sống thiện hay ác trong quá khứ. Những tư tưởng cơ bản của Phật giáo có ảnh hưởng lớn lao đến sự phát triển của tín ngưỡng thờ cúng gia tiên của người Việt, nhưng không vì thế mà nó là sự sao chép y nguyên tư tưởng của Phật giáo. Người Việt Nam quan niệm rằng, cha mẹ và gia

tiên luôn lo lắng và quan tâm cho con cái ngay cả khi họ đã chết. Người sống chăm lo đến linh hồn người chết, và vong hồn người chết cũng quan tâm đến cuộc sống của người đang sống.

* Phong thuỷ cho bàn thờ gia tiên

Theo truyền thống của người Việt thì gia đình nào cũng có bàn thờ để thờ cúng già tiên, ông bà. Thờ cúng già tiên là một nét văn hóa tâm linh truyền thống của người Việt.

Ngôi nhà truyền thống của người Việt thường có ba hoặc năm gian trong đó gian giữa được coi là quan trọng nhất, là trung tâm của ngôi nhà. Những việc quan trọng như: thờ phụng, tiếp khách, sinh hoạt... đều diễn ra ở gian này.

Gian giữa lại luôn có cửa lớn ra vào, mở cửa là nhìn thấy trời đất lưu thông, âm dương hòa đồng. Bàn thờ là nơi thể hiện lòng thành kính của con cháu đối với gia tiên nên bàn thờ thường được lập ở chính gian giữa ngôi nhà. Bởi vậy gia chủ không được kê giường ngủ đối diện với bàn thờ.

Bàn thờ có được thiết kế như thế nào thì nhất thiết nó luôn ở vị trí trang trọng, có độ cao thích hợp để khi cúng mọi người tỏ được sự ngưỡng vọng thành kính của mình với gia tiên. Kiến trúc nhà ở nông thôn ít biến đổi, nên kiểu bàn thờ truyền thống vẫn giữ được những đặc trưng và đặt ở vị trí theo đúng phong thủy trong ngôi nhà. Nhưng với những ngôi nhà có kiến trúc hiện đại, nội thất hiện đại ở thành phố thì hiện nay cách bố trí và các đồ thờ cũng có nhiều biến đổi để phù hợp với toàn

cảnh của ngôi nhà mà vẫn giữ được tính tôn nghiêm nơi thờ cúng.

Vậy vị trí phòng thờ trong nhà ở hiện đại phải đặt ở đâu trong ngôi nhà cho đúng phong thủy? Trong ngôi nhà hiện đại xếp đặt gian thờ cũng phải tuân thủ chặt chẽ và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc truyền thống nêu trên, đó là: Tại vị trí cao, phía trên bàn thờ là nóc nhà và bầu trời, không có các phòng ốc khác đè lên, phía trước bàn thờ là các gian trang trọng, phía sau là cầu thang và không gian phụ như sân phơi, kho. Như vậy phòng thờ đặt tại tầng trên cùng sẽ đạt được các tiêu chí này.



Trong ngôi nhà hiện đại xếp đặt gian thờ cũng phải tuân thủ chặt chẽ và vận dụng linh hoạt các nguyên tắc truyền thống.

Nhà phố thường bị vây chặt bởi các nhà chung quanh, nếu đặt bàn thờ dưới tầng trệt ngay trong phòng khách bước vào sẽ khó thông thoáng, thấp nhang nhiều sẽ làm ố vàng cả trần nhà. Bên cạnh đó cần tránh trên đầu của bàn thờ là phòng vệ sinh, phòng trẻ em chơi đùa... bởi nó sẽ làm giảm tính tôn nghiêm của không gian trang trọng này. Và một lẽ nữa không nên để mọi người từ ngoài cửa nhìn thấy hết bàn thờ, bài vị, hình ảnh gia tiên.

Trong ngôi nhà truyền thống bộ bàn ghế tiếp khách thường được đặt ngay trước bàn thờ, nhưng trước khi vào chỗ này khách phải đi qua sân, rồi bậc thềm, hàng hiên sau đó mới đến không gian trong nhà, nhìn từ ngoài vào hầu như không thấy bàn thờ. Đó là do khuôn viên ngôi nhà xưa rộng, xen lấn cỏ cây xung quanh. Ngôi nhà hiện đại, nhà phố căn hộ không thể giống vậy được.

Bản chất trường khí phòng thờ (hay bàn thờ) thuộc tính âm mang tính chất hướng nội, không thích hợp với sự phô trương. Ngay cả trong ngày giỗ hay Tết thì thờ cũng cũng là việc riêng của gia đình đó, người ngoài muốn đến thấp nén nhang phải xin phép gia chủ. Về ngũ hành thì bàn thờ thuộc hành Hỏa và Mộc là hai hành hướng lên cao và cần sự chăm sóc mỗi ngày. Trừ bàn thờ Thổ địa - Thần tài là tín ngưỡng dân gian mọi nhà giống nhau, đặt gần cửa để nghênh tiếp tài lộc, còn lại bàn thờ gia tiên và tôn giáo riêng của mỗi gia đình (thờ phật, thờ chúa...) nên mang tính hướng nội, không cần phải đặt ngay trong phòng khách. Tu tại tâm, đó là điều cha ông vẫn thường khuyên con cháu. Như vậy là

theo phong thủy tốt nhất là đặt phòng thờ ở tầng áp mái.

* Vị trí bàn thờ gia tiên và cách xếp đặt

Với người Việt, trong mỗi khuôn viên bao giờ cũng có một ngôi nhà chính dùng vào những việc quan trọng như thờ phụng, tiếp khách, sinh hoạt, ngủ và cất chứa tài sản quý. Ngôi nhà ấy thường có số gian lẻ, hay trừ phần làm buồng thì số gian nhà ngoài là số lẻ, và như thế bao giờ cũng có một gian giữa. Chính phía trong của gian giữa bao giờ cũng được dành làm nơi thờ, còn phía ngoài là nơi tiếp khách quý. Đây là trung tâm của nội thất, chỗ trang trọng nhất, các sinh hoạt khác có diễn ra ở gian bên cũng đều hướng về đây. Gian giữa lại luôn có cửa lớn ra vào, mở cửa là nhìn thấy trời đất lưu thông, âm dương hòa đồng để rồi cảm hoá lê đới.

Bàn thờ gia tiên của người Việt cũng phần lớn là đặt ở hướng nam, hàm ý con cháu tôn vinh gia tiên là những bậc hiền tài theo tinh thần Thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ (Thánh nhân ngồi ngoảnh mặt hướng nam mà nghe thiên hạ tâu bày).

Tùy mô ngôi nhà, và cũng tùy mức sống chủ nhà mà bàn thờ có kích thước và hình thức khác nhau. Những gia đình nhà tranh vách đất với những đồ đạc trong nhà cũng đơn sơ, thì bàn thờ thường chỉ là vạt phên tre giữa hai cột trong của gian giữa, bên trong có bát hương nhỏ, đến ngày Tết có thể được dán tờ tranh chủ ở giữa vẽ những thứ như ở một bàn thờ nhà khá giả, hai bên dán câu đối, cũng tạo ra một cảnh sắc trang trọng và sáng sủa để khôi tui vong linh ông bà. Ở

những gia đình thuộc loại thường thường bậc trung trở lên, thì nơi ở là nhà ngói tường gạch. Ăn nhập với khung nhà bằng gỗ xoan sáng vàng hay gỗ lim đanh chắc, là những đồ gỗ, giường phản, có thể có sập gụ tủ chè sang trọng, thì bàn thờ được đóng đàng hoàng. Phần trong cùng là gác lửng đóng nối giữa hai cột trong, ngoài kê thêm sập thờ, nhang án, phía trên có treo hoành phi và hai bên treo câu đối sơn son thếp vàng. Trên bàn thờ có thể có khám, ngai hay ít ra cũng đặt bài vị được chạm khá cầu kỳ và sơn thếp cẩn thận. Trước bài vị được đặt bình hương sứ to để khi thắp những nén hương vừa gợi ra bầu trời sao, vừa dâng truyền ý nguyện con cháu lên những đấng anh linh ở thinh không, phía ngoài còn bát nước trăng và đĩa trầu cau. Có thể có thêm đỉnh trầm bằng đồng, bên cạnh có một hoặc hai chiếc độc bình vừa biểu hiện tâm thành vừa để cắm hoa trong ngày Tết và giỗ chạp. Hoa cắm thờ thường là hoa huệ biểu hiện trí tuệ với sự thanh cao cả ở hương và sắc, ngày Tết hay cắm cành đào rực hoa, vừa biểu hiện sắc xuân với bầu trời rạng rỡ, vừa theo quan niệm xưa là để trừ ma quỷ. Lại còn cây đèn bằng đồng (hoặc gỗ sơn) để khi thắp đèn nến thì gợi ra cả vũ trụ với mặt trời. Nhang án gia đình khá giả được làm khá công phu với những ô hộc chạm tứ linh, dù đơn giản cũng phải được sơn thiếp, có khi được tinh kích cõi rất cẩn thận.

Bàn thờ áy luôn gợi lên một chiều sâu tâm linh cây có gốc, nước có nguồn vừa nhân bản vừa vun đắp truyền thống, đồng thời là niềm tự hào của gia chủ về gia tiên và về cách dạy con cháu.

Bàn thờ gia tiên là biểu hiện nếp sống văn hóa, biết vun trồng gốc để cây đơm hoa đẹp, rồi kết trái ngọt, do đó nó cần thiết đối với mọi người, mọi nhà. Song ngôi nhà bây giờ đã khác trước, bàn thờ là một thành tố của nội thất cũng phải thích hợp với toàn cảnh. Ở nông thôn, ngôi nhà ít biến đổi, kiểu bàn thờ cổ truyền vẫn phát huy tác dụng, song với những ngôi nhà mái bằng thường có nhiều đồ gỗ kiểu mới và đồ điện hiện đại, thì chiếc hương án cầu kỳ lại không ăn nhập. Cũng thế, ở những khu tập thể, bên cạnh dãy nhà cấp 4 lụp xụp lại có những ngôi nhà cao tầng, mỗi gia đình một căn hộ với hướng nhà và hướng cửa khá tuỳ tiện. Ở đây, vấn đề bức bách là không gian, có thể dùng mặt tủ làm bàn thờ hoặc đóng cái giá gác vào vị trí trang trọng và có độ cao thích hợp để khi cúng thì mọi người tổ được sự ngưỡng vọng thành kính. Mặt tủ đã thành bàn thờ thì chỉ nên để đồ tế khí. Đã là bàn thờ phải có bát hương, có điều kiện thì thêm bình hoa, cây đèn, ống hương, hoa, đèn, nước, trái cây, đĩa xôi hoặc phẩm oán, và theo phong tục dân tộc thêm đĩa trầu cau.

Trong các gia đình, trừ trưởng tộc và trưởng chi vừa thờ tổ họ và tổ ngành vừa thờ gia tiên mình, các nhà con trưởng thì thờ máy thế hệ gần nhất, còn từ đời thứ 5 thì nhập chung vào lê tế Tổ, phần lớn các gia đình là con thứ, thì đồng thời theo thờ bố mẹ ở nhà con trưởng, còn thờ thêm ở nhà mình. Do đó nếu có chân dung gia tiên xa thì để ở nhà con trưởng, nhà con thứ chỉ cần thờ chân dung bố mẹ. Tuy nhiên, bàn thờ gia tiên là thờ chung, không cần thiết phải có chân dung, thường chỉ

có bài vị tượng trưng. Chân dung chỉ cần thiết ở bàn thờ tang.



Bàn thờ gia tiên là một bộ phận trong không gian gia đình, nó tham gia vào nội thất với tính chất trang nghiêm, lịch sự và thẩm mỹ. Mỗi gia đình tuỳ không gian cho phép, tuỳ tương quan với tiện nghi sinh hoạt khác có thể làm những bàn thờ thích hợp và đồ tế, khí phù hợp, làm sao cái đẹp ở đây phải đảm bảo văn hóa cả chiều sâu tâm linh và mặt bằng hình sắc.

Trước kia, các làng quê chủ yếu sống bằng ruộng đất, chăm sóc cây trồng và chăn nuôi gia súc. Chợ búa chỉ là nơi trao đổi các nông sản do gia đình làm ra ở dạng nguyên thuỷ, không chế biến thành hàng hoá. Một vài hàng quà bánh hoặc hàng xén có hình thức chuyên nghiệp, nhưng vẫn gắn bó với nông thôn, vốn liếng nhỏ mọn, vào dạng tiểu thương, khi cần huy động lao động

nông nghiệp, họ vẫn có thể tham gia thành thạo. Tất cả mọi tầng lớp dân chúng đều quanh quần trong luỹ tre làng, ít khi lên tỉnh, lên huyện. Họ hiểu rõ về nhau, vì "phi nội tắc ngoại" có "dây mơ rẽ má" với nhau.

Các gia đình quần tụ bên nhau, san sẻ chỗ ăn, chỗ ở với nhau. Có nhà lên tới mức "Ngũ đại đồng đường": đủ hai cụ, ông bà, cha mẹ, con cháu, lại còn các chú, các bác, các cô, các bá, các thím nữa. Thường thì hai cụ ở gian giữa ngôi nhà lớn; ông bà ở một chái hoặc nhà ngang; vợ chồng cháu trưởng ở một chái. Hai dãy nhà tách hưu chánh đường chia cho các bác, các chú, các thím ở. Nếu hai cụ còn khoẻ mạnh, minh mẫn thì cắt đặt công việc đồng áng cho con cháu, bằng không thì quyền ở ông bà hoặc anh trưởng. Công việc thì làm chung, sản phẩm thu hoạch được, chia theo tường bếp, nấu nướng riêng cho tiện sinh hoạt. Mọi người đều ý tứ, biết kính trên nhường dưới, nhất nhất nghe lời các bê trên chỉ bảo, rau cháo đùm bọc lấy nhau, không để điều tiếng gì khiến xóm làng dị nghị.

Với phuơng thức sinh hoạt như thế, nên ngày giỗ, ngày Tết phải tập trung ở ngôi nhà lớn. Tất yếu bàn thờ gia tiên phải đặt ở gian giữa chánh đường. Bàn thờ càng uy nghi rực rỡ bao nhiêu, càng nâng cao ý thức của con cháu đối với gia tiên, dòng họ sâu nặng bấy nhiêu. Các cụ đem gia phả ra dẫn giải về ngày kỵ nhật, nói rõ gốc tích và sự nghiệp của người đã khuất, giáo dục các hậu duệ lòng kính trọng, biết ơn, phấn đấu làm vẻ vang cho gia tiên và dòng họ. Người ta làm cỗ cúng bằng những sản phẩm nông nghiệp tự làm ra và chăn nuôi được. Khi cúng xong, mọi người hạ cỗ, ăn uống vui vẻ. Những

công việc lớn như tang ma, cưới xin, tậu ruộng, tậu trâu, sửa sang nhà cửa, mọi người trong gia đình được triệu tập bàn bạc. Đặc biệt việc tách hộ ra cư trú nơi khác, phải được thảo luận kỹ. Nếu hộ nào làm nhà, tậu đất, sinh sống độc lập, thì ngày giỗ, ngày Tết vẫn phải đến nơi gốc rễ để đóng giỗ, lễ Tết và sinh hoạt chung, ít nhất là một ngày. Bởi thế, bàn thờ gia tiên nhất thiết phải đặt ở chánh đường, nơi "đất cha ông". Sau này các thế hệ sáng nghiệp mất đi, lớp hậu duệ kế tục cắt cử người trông nom, hương khói, ngôi nhà ấy trở thành từ đường. Ở nông thôn, "đất cha ông" không bao giờ được "Bán, chác, đổi, nhượng", người ở đất ấy chỉ có thể tậu thêm các đất chung quanh láng giềng để mở rộng phạm vi lanh thổ.

Bởi thế, bàn thờ gia tiên có một ý nghĩa vô cùng to lớn, xác nhận lý lịch cả một dòng họ, phân định dòng đích và các chi phái, cho biết gia tiên là những ai? Đã từng đỗ đạt, hiển hách, "hộ quốc tý dân", có công với làng nước như thế nào? Các hoành phi, câu đối treo trên gian thờ đều có nội dung biểu dương công tích các bậc tiên liệt khai sáng, nêu tiêu chí cho các thế hệ nối tiếp làm theo, nhất là về mặt cần kiệm và phẩm hạnh.

Bàn thờ uy nghi, thờ phụng nhiều đời, có "thâm niên" hàng thế kỷ, có tác dụng giáo dục thế hệ nối tiếp biết giữ gìn nền nếp gia phong, tránh mọi tệ nạn xã hội, bảo vệ gia sản và truyền thống do các bậc tiên liệt tạo lập ra, phần đầu làm vang cho gia tiên, dòng họ. Cho nên, có những người vì hoàn cảnh phải phiêu bạt nơi phương trời xa xôi, nhưng nếu còn khoẻ mạnh, làm ăn khá giả, bao giờ cũng đau đáu nhớ quê hương, dốc tiền

của gửi về, để góp phần tu tạo lại từ đường, lập bàn thờ gia tiên thật uy nghi rực rỡ, quy hoạch lại nghĩa trang dòng tộc. Nếu gia tiên có những bậc được tôn vinh thờ ở đình làng, hoặc đã từng đứng ra hưng công chùa làng, thì những người xa quê vẫn "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", tự hào về gia tiên mình, nhiệt tình gửi tiền của về phục chế các di tích, danh thắng, coi như bốn phận phải đền đáp công ơn ông bà, cha mẹ, mảnh đất quê hương đã sinh ra mình. Cứ chỉ cao quý ấy thật đáng trân trọng.

Ngày nay, do phương thức sản xuất đã thay đổi, nhiều người không sinh sống bằng nông nghiệp, việc canh tác đã bị rời bỏ, lao động do tài trí cá nhân, không phụ thuộc vào việc cắt đặt, vào tư liệu sản xuất do gia trưởng điều phối, phải rời quê hương đi làm ăn ở nơi xa thì họ lập bàn thờ gia tiên ở ngôi nhà mình đang cư trú. Họ làm một cái giá xích đồng đóng trên tường, gọn gàng, giản dị. Đồ thờ chủ yếu là mấy cái ảnh, một bình hương lớn, lọ hoa, đĩa quả. Người xa quê làm mấy mâm cơm mời người cùng làng đến dự.

Ý nghĩa việc thờ gia tiên gói lại bằng chữ tâm có thể giữ phần tắc trách, có thể tránh lời dị nghị. Giỗ lớn hay giỗ bé, cuối cùng cũng chỉ là trước cúng, sau ăn. Việc tôn vinh người sáng nghiệp, nêu gương bậc tiên liệt, đoàn kết sum họp bà con họ hàng, anh em, giáo dục truyền thống, nêu tiêu chí phấn đấu cho các thành viên gia tộc, dần dần bị nhạt nhòa.

Bây giờ, nhà ở thành phố gồm nhiều tầng, chia làm nhiều gian, nhiều phòng. Bàn thờ được để riêng một

phòng trên tầng cao nhất, để không ai dám đạp lên đầu. Trang trí thật rực rỡ, thiết bị thật lộng lẫy, nhưng ít ai trông thấy, vì phòng thờ quanh năm bị khoá cửa, sợ trộm cắp lén vào, vì nơi ấy vừa cao, vừa khuất, cả nhà ít qua lại. Chỉ đến ngày giỗ, ngày Tết, ngày cưới con... mới mở cửa phòng thờ vài tiếng. Cô dâu, chú rể, váy áo lướt thướt, ôm hoa sóng đôi, leo từ 3 đến 5 tầng thang lên làm lễ gia tiên, hai bên nội ngoại khách khuya đều ngồi ở nhà dưới, ngoài sân để chờ, ít ai được chứng kiến.

Trước hiện thực áy, việc lập bàn thờ theo lối con đâu cha mẹ đấy, có tính tượng trưng, cốt cho tiện và cho gọn là một vấn đề cần phải suy nghĩ, để làm sao kinh tế - xã hội ngày càng phát triển thì tình cảm thiêng liêng, gia đình đầm ấm, "uống nước nhớ nguồn" vẫn mãi là truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta.

Theo quan niệm truyền thống của người Việt thì việc thờ cúng gia tiên là vô cùng quan trọng. Điều đó không chỉ thể hiện chữ hiếu của con cháu với gia tiên, cha mẹ mà còn theo đó, gia tiên vẫn phù hộ cho con cháu sau khi sang thế giới bên kia.

Nếu bàn thờ thu nạp được sinh khí tốt thì con cháu sẽ hưởng phúc, làm ăn phát đạt, mọi sự như ý. Trái lại, nếu bàn thờ đặt ở hướng xấu thì sẽ khiến gia đạo suy thoái, mọi sự không may mắn.

Theo như đánh giá của một chuyên gia Phong Thủy, chỉ sau khi áp dụng trong vòng từ 3 đến 4 tuần là có thể ứng nghiệm. Hướng bàn thờ là hướng ngược với chiềng người đứng khấn.

Hướng bàn thờ phải đặt ở vị trí cát và quay về hướng tốt như Sinh Khí, Thiên Y, Phúc Đức, Phục Vị.

Ví dụ: Chủ nhà nam sinh năm 1954 - Giáp Ngọ, lập bàn thờ trong nhà hướng Tây Bắc. Tuy rất tài giỏi song không được thăng chức, quan vận bế tắc. Tra bảng ta thấy tuổi này mệnh cung Khảm, hướng bàn là hướng Tây Bắc tức là cung Càn. Phối hợp Khảm với Càn thì phạm Lục Sát xấu.

Sau khi xem xét chuyển đổi hướng bàn thờ về hướng chính nam là cung Ly là cung Phúc Đức đối với mệnh cung này. Quả nhiên sau đó 3 tuần có tin vui thăng chức.

Bàn thờ gia tiên là bàn thờ chính trong mỗi gia đình Việt Nam, người ta còn có sự phân biệt giữa bàn thờ họ, bàn thờ chi và bàn thờ trong từng gia đình...

- Bàn thờ họ:

Tất cả con cháu cùng một dòng họ lập chung một bàn thờ vị thủy tổ, gọi là từ đường của dòng họ. Ngày xưa bài vị được ghi bằng chữ hán. Nhiều dòng họ không có nhà thờ riêng thì xây một đài lộ thiên dựng bia đá, tên thụy, hiệu các gia tiên. Mỗi khi có giỗ tổ, hoặc có tế tự của một chi họ, thì cả họ hoặc riêng chi họ đó ra đài lộ thiên cúng tế. Đài lộ thiên này là nơi để cúng tế, hoặc tổ chức các trò vui trong ngày giỗ tổ dòng họ hoặc một chi họ. Cúng tế xong sẽ về nhà tộc trưởng hoặc trưởng chi cùng ăn uống. Những dòng họ lớn, giàu có thường tổ chức trò vui vào hôm Tiên thường.

Có nhiều họ có nhà thờ riêng với bàn thờ thủy tổ để cho chi trưởng nam đời đời giữ hương hỏa, và chỉ khi nào ngành trưởng không có con trai nối dõi thì việc cúng bái mới chuyển sang chi dưới. Có họ, ngoài bàn thờ Thủy tổ chung, con cháu luân phiên nhau thờ tổ ở nhà riêng của mình. Song chỉ là trường hợp của những người đi xa quê hương, không thuận tiện dự ngày giỗ tổ hàng năm và lê tổ trong dịp Tết được.

Bàn thờ họ gồm hai lớp:

Lớp trong kê sát ngang tường hậu, gồm: chiếc rương hòm thật lớn cao khoảng 1 mét, dài khoảng trên 2 mét, rộng gần 2 mét. Mặt trước chiếc rương đóng nẹp chia làm 3 ô. Các ô này có khi là ba chữ đại tự, có khi là những bức tranh được dán trong dịp lễ tết. Trên những nẹp có những đồng tiền. Trong rương đựng bát đĩa, nồi, sanh đồng để dùng khi giỗ tết.

Những gia đình khá giả thay chiếc rương bằng một chiếc bàn thờ to, một chiếc sập sơn thép vàng lóng lẫy được kê trên bộ mế cao khoảng 1 mét. Phía trước có tấm màn đỏ che những mâm thau, đồ đồng cùng bát đĩa, được xếp dưới gầm sập. Kê giữa chiếc rương hoặc sập có ít nhất hai chiếc mâm nhỏ chân quỳ, mặt hình chữ nhật: một chiếc bề dài độ 8 tấc, bề rộng khoảng 6 tấc. Chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn một chút kê đằng sau chiếc thứ nhất. Cả hai chiếc cao chừng 4 tấc trông giống như hai chiếc bàn nhỏ, thấp, dùng để bày đồ lễ. Trong những ngày giỗ tết, cỗ được bày trên bàn thứ nhất, còn hoa quả, trà nước bày ở chiếc mâm thứ hai nhỏ hơn.

Lớp trong là Thần chủ đựng trong lòng khám kê trên một chiếc bệ có độ cao bằng hai chiếc mâm. Có nhiều gia đình không thờ thần chủ, chỉ kê ở nơi đây một chiếc kỷ, hoặc chiếc ngai tượng trưng cho ngôi vị gia tiên.



Đối với những gia đình giàu có, những đồ thờ này được sơn son thếp vàng. Riêng chiếc ngai hay tay ngai đều mang hình đầu rồng. Rồng đứng đầu tứ linh được dùng trang hoàng cho đồ tự khí. Trên chiếc mâm nhỏ, kê bên trong ở trước thần chủ, hay chiếc ngai có một cái tam sơn, một thứ đồ thờ để đặt trầu, chén rượu, ly nước, đĩa hoa quả trong những khi cúng giỗ.

Lớp bàn thờ bên trong được ngăn với lớp bên ngoài bằng một bức y môn, tức là một chiếc màn thờ màu đỏ bằng vải tùy theo gia cảnh. Chiếc y môn

treo cao thông xuống che kín toàn bộ bàn thờ lớp bên trong.

Lớp ngoài bắt đầu từ y môn trở ra, bao gồm: một hương án kê gần sát y môn. Bình hương để cắm hương khi cúng bái. Đèn sau bình hương là một chiếc kỷ nhỏ, cao độ 3 phân, dài 50 phân, rộng 25 phân. Đặt ba chiếc dài có nắp và trên nắp có núm cầm lên trên chiếc kỷ nhỏ này. Khi mở nắp dài ra nắp kê xuống dưới, dài đặt lên trên. Đài làm bằng gỗ được tiện rỗng dưới để khi đặt lên trên nắp dài. Đài sẽ ăn khớp với nắp. Ba đài này dùng đựng chén rượu nhỏ lúc cúng giỗ, còn ngày thường dài được đậy nắp để tránh bụi bặm.

Hai bên thường để hai cây đèn, chân tiện và lưng chừng có vành rộng ra gọi là đĩa đèn. Ngày xưa, trong những lần cúng giỗ, người ta đặt lên hai cây đèn này hai đĩa dầu lạc đốt bắc. Sau này, thay bằng hai ngọn đèn Hoa Kỳ. Ngày nay, người ta mắc trực tiếp bóng điện vào hai cây đèn.

Gần hai bên bình hương, ngoài hai cây đèn còn có hai con hạc đồng chầu hai bên. Trên đầu hai con hạc có chõ để thắp nến. Ở mép ngoài hai cây đèn, gần hai đầu hương án là hai ống đựng hương. Hai ống hương bằng gỗ tiện miệng loe. Ngoài các thứ trên còn có lọ độc bình hoặc song bình bày trên hương án để cắm hoa. Còn nếu dùng độc bình thì đối diện với độc bình là một chiếc mâm bồng bày ngũ quả khi cúng giỗ.

Tất cả những thứ như bàn, kỷ và chiếc ngai, đồ thờ trên hương án như kỷ nhỏ, đặt đèn, ống nương... đều làm bằng gỗ mít để ít bị mối mọt, còn sang hơn thì sơn

son thép vàng. Các gia đình giàu có dùng những đồ trên bằng đồng, gọi là bộ tam sự, ngũ sự hay thất sự. Trong bộ tam sự, chiếc đỉnh đồng thay thế cho bình hương. Hai bên đỉnh là hai con hạc đồng, mỏ ngậm bông hoa, trên đầu có chõ cắm nến. Nếu là ngũ sự có thêm hai ống hương và thất sự thì có thêm đèn.

Ngoài ra, các gia đình giàu có còn bày giá binh khí trước bàn thờ có cẩm bát bảo lộc bộ (là 8 binh khí của quân sĩ thời xưa). Những đồ tự khí đôi với từng gia đình là vật quý vô cùng thiêng liêng, dù túng thiếu đến đâu không một ai dám đem cầm bán.

Chiếc y môn: Y môn là bức màn vải đỏ, dùng làm bức màn ngăn cách lớp bàn thờ bên ngoài và lớp bàn thờ bên trong. Y môn gồm hai cánh, xung quanh có thêu, được treo thông xuống che kín lớp bàn trong. Y môn có thể làm bằng nhiều, the hoặc vải màu đỏ. Trên cùng y môn có một dải lụa hoặc nhung the thêu hoặc dán chữ đại tự.

Đèn treo: Người ta thường treo trước y môn một chiếc đèn, dân gian gọi là tự đăng. Vào dịp giỗ tết, chiếc đèn này được thắp suốt ngày đêm. Bởi người xưa cho rằng trong những ngày này, hương hồn những người đã khuất luôn ngự trị trên bàn thờ. Và ngọn đèn tượng trưng cho sự hiện diện của gia tiên. Đèn treo ngày xưa thường là một đĩa dầu lạc hay dầu vừng... được đặt trong một chiếc đèn lồng, sau là đèn ba dây thắp dầu lửa. Ngày nay, phần lớn người ta dùng đèn điện hoặc nến.

Thần chủ: Trên bàn thờ tổ của một dòng họ bao giờ cũng có riêng một thần chủ, thần chủ này được thờ phụng mãi mãi. Đôi với những gia đình giàu sang, muốn lập bàn thờ tại gia, lập thần chủ để thờ thì phải có đủ thần chủ của cụ kỵ, ông cha, tức là cao, tầng, tổ khảo. Thần chủ làm bằng gỗ tát (gỗ của loại cây sống ngàn năm), dài khoảng hai phân rưỡi, ở giữa đế tên họ, chức tước, còn hai bên ghi ngày giờ sinh, tử của tổ tiên.

Thần chủ thường được để trong lòng khám, khi nào cũng giỗ thì mới mở ra. Thần chủ chỉ để thờ 4 đời trở xuống. Sang đời thứ 5, thần chủ của cao tổ được nâng lên bậc tầng này gọi là Ngũ, đại mai thần chủ, nghĩa là thần chủ sang đời thứ năm được chôn đi.

Gia phả: Bất cứ bàn thờ nào trước đây đều cất giữ cuốn sổ ghi chép thế thứ trước sau của gia tiên, và các thế hệ nối tiếp từ đời này qua đời khác. Cuốn sổ đó được gọi là cuốn gia phả. Sổ gia phả ngày xưa được dùng bằng giấy sắc, viết rất rõ ràng, nắn nót để tỏ lòng thành kính đối với gia tiên, thường được đặt trong khám hoặc trong một lớp riêng để trên bàn thờ. Những dòng họ to, gia phả được chép hoặc in sao thành nhiều bản cho mỗi chi họ một bản để con cháu hiểu rõ về gia tiên mình.

Trong gia phả, mỗi vị tổ tiên đều được ghi những dòng trích ngang, ngày tháng sinh tử, tên họ, chức tước, có khi còn ghi cả tính tình, sở thích của các vị lúc sinh thời. trong đó còn ghi rõ vị nào tên gì, sinh ra những ai, ngành trưởng, ngành thứ là những ai.

Trong gia phả ghi chép đầy đủ cả công trạng của tổ tiên, sinh ở đâu, táng ở đâu, được nơi nào thờ phụng

làm phúc thần hay thành hoàng làng đối với những người đã từng là công thần, có công với dân với nước.

Hoành phi: Trong các nhà thờ họ đều treo một tấm biển gỗ nằm ngang phía trên mặt trước cửa bàn thờ. Chiều ngang tấm biển ăn suốt gian nhà, dài khoảng 3 mét, rộng khoảng 1 mét đến 1,2 mét. Trên tấm biển đó khắc những chữ lớn, thường chỉ khắc được từ 3 đến 4 chữ là cùng. Tấm biển đó được gọi là bức hoành phi.

Bức hoành phi thường được sơn son thếp vàng, sơn đen chữ đỏ hoặc vàng hay chữ khảm xà cừ. Có gia đình cầu kỳ làm bức hoành phi theo hình thức cuốn thư rất đẹp. Gia đình nghèo có thể làm hoành phi bằng gỗ thường, hoặc tấm cót ép, đóng nẹp vuông vắn, dán lót tấm giấy đỏ, viết đại tự thay cho bức hoành phi. ý nghĩa của đại tự viết trên hoành phi mang nội dung ca tụng công đức của gia tiên hoặc tỏ lòng kính trọng của con cháu đối với gia tiên như:

Kính như tại: có nghĩa là con cháu kính trọng gia tiên, như gia tiên luôn luôn tại vị trên bàn thờ.

Phúc mân đường: Có nghĩa là gia đình đầy đủ phúc đức.

Bách thế bất thiên: bao giờ con cháu ăn ở cũng đúng mực, không thiên lệch.

Trên bức hoành phi còn có ghi niên hiệu năm làm vào mùa, tháng nào. Nếu là bức hoành phi do một người con cháu nào đó cúng thì có ghi tên tuổi người đó. Hoành phi có ghi tên người cúng phần lớn là hoành phi treo tại các nhà thờ tổ họ hay trưởng chi họ.

Câu đối: ở hai cột phía trước bàn thờ hoặc trên tường có treo mỗi bên một câu đối. Nhà khá giả thường viết câu đối sơn son thếp vàng hay sơn đen khảm xà cừ. Còn nhà nghèo thường chỉ viết câu đối trên giấy hồng. Nói chung, các bức hoành phi hay câu đối đều được viết bằng chữ hán. Nhưng cũng có gia đình viết cả câu đối và hoành phi bằng chữ nôm. Cũng như bức hoành phi, nội dung câu đối ca tụng công đức của gia tiên, ví như:

Tổ tông công đức thiêng nhiên thịnh

Tử hiếu tôn hiền vạn đại xưng

Có nghĩa là:

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh

Hiếu hiền con cháu vạn đời ngay

Hay câu đối treo ở một gia đình mà ông cha xưa có công với nước:

Gia tiên phượng danh lưu quốc sử

Từ tôn tính học kế gia phong

Đại ý là:

Tiên tổ danh thơm ghi sử nước

Cháu con cố gắng học nói cơ nhả

- Bàn thờ chi

Nhiều họ lớn chia thành nhiều chi. Mỗi chi lại đông con cháu nên ngoài việc tham gia ngày giỗ tổ toàn họ còn có ngày giỗ tổ riêng của chi họ. Các chi đều có nhà thờ riêng, gọi là bản chi từ đường. Hiện nay, trên bàn

thờ nhiều gia đình ở nông thôn vẫn còn đặt bức hoành phi mang dòng chữ nói rõ đó là từ đường của chi họ nào. Từ đường có nghĩa là nhà thờ. Trên bàn thờ này có bài vị của ông tổ, nên gọi là Thần chủ bản chi. Thần chủ này cũng như Thần chủ của thủy tổ họ sẽ được thờ mãi mãi. Người trong chi họ có dành một số ruộng để lấy hoa lợi cúng giỗ, ruộng này gọi là Ký điền.

- Bàn thờ gia đình

Bàn thờ riêng của từng gia đình còn gọi là gia từ, hay bàn thờ gia tiên. Những gia đình giàu có mới xây nhà thờ riêng cho gia đình. Còn phần lớn, bàn thờ gia tiên được thiết lập ngay ở gian giữa nhà chính. Những người con thứ không cần phải có bàn thờ gia tiên vì không phải cúng giỗ, nhưng vì lòng thành kính với tổ tiên, họ vẫn lập bàn thờ để cúng vọng.

- Bàn thờ cho người mới qua đời

Những người mới qua đời không được thờ chung với bàn thờ gia tiên, mà phải lập bàn thờ riêng ở gian bên. Bàn thờ người mới chết sơ sài hơn bàn thờ gia tiên, chỉ có bàn hương một bệ dài, lọ hoa và bài vị. Ngày nay, ngoài bài vị còn có bức chân dung hoặc bức tượng người quá cố. Bàn thờ riêng này có treo các bức trướng, câu đối của gia chủ hoặc của bạn bè thân hữu phúng viếng.

- Bàn thờ bà cô, ông mānh

Theo quan niệm của người Việt Nam, bà cô, ông mānh là những con cháu trong gia đình chết yểu, chưa dựng vợ, gả chồng, gặp giờ linh trở nên linh thiêng. Sự linh thiêng này chỉ biết được qua sự báo mộng của

người đã khuất, được những người trong gia đình xác nhận qua một vài hiện tượng kỳ lạ xảy ra trong gia đình sau khi người này chết.

Thực tế, bà cô, ông mãnh chết ngoài ba năm cũng được thờ chung trên bàn thờ gia tiên, nhưng vì tuổi nhỏ, không dám về hướng lễ với các cụ trên một bàn thờ chung, cũng giống như trên trần thế, ngày giỗ tết, con trẻ không được ngồi chung, ngang hàng với người lớn. Vì vậy, bàn thờ bà cô, ông mãnh thường được đặt dưới gầm hương án của bàn thờ gia tiên. Bàn thờ này rất đơn giản, chỉ có một chiếc bệ đặt trên bài vị. Thậm chí, nhiều gia đình không có cả bài vị. Trước bài vị là một bình hương nhỏ, có một vài ba chiếc đài để đặt ly rượu, đĩa trái cau, tách nước khi cúng, một cây đèn nhỏ. Những gia đình có nhiều bà cô, ông mãnh được thờ chung một bàn thờ với một bát hương riêng.

Gặp lúc gia đình có trẻ nhỏ khóc ở, người ta thường khấn xin bà cô, ông mãnh phù hộ cho đứa trẻ ốm đau được mau khỏi. Khi cúng bà cô, ông mãnh, gia trưởng chỉ lâm râm khấn, không lễ vì bà cô ông mãnh thuộc hàng cháu con.

Ý nghĩa xếp đặt trên bàn thờ gia tiên:

Trước tiên bàn thờ là nơi tưởng nhớ, nó như một thế giới thu nhỏ của người đã khuất. Hai cây đèn tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng, hương là tinh tú. Từ những đặc tính cơ bản này, người Việt đã hội dân vào bàn thờ nhiều hình tượng phụ mang tính thiêng liêng khác.

Có thể kể tới một trục vũ trụ là khúc trầm hương dưới dạng khúc khuỷu vươn lên trong bát hương. Trục này mang ý nghĩa tinh thần, được coi như gạch nối giữa trời với đất, cho âm dương đối đai đem tới một nguồn hạnh phúc. Hai bên bát hương, phía sau hai cây đèn thường có hai cành hoa cúc giấy, với nhiều bông nhỏ bao quanh một bông lớn. Hai cành hoa này tượng trưng cho ngày dương (hoa vàng bên trái), âm (hoa bạc bên phải).

Nhiều gia đình còn đặt xen giữa đèn và hương là hai cái đĩa để đặt hoa quả lễ, phía trước bát hương để một bát nước trong, coi như nước thiêng. Những nhà giàu có, dangle sau bát hương thường có đỉnh trầm bằng đồng trang trí nhiều hình được thiêng liêng hoá như lân ở đỉnh, tượng trưng cho sự thông minh, sức mạnh, để kiểm soát tâm hồn người hành lễ, hổ phù mang tư cách cầu no đủ, cây trúc biểu hiện tính quân tử.

Cành đào được cắm trên bàn thờ có huyền lực trừ ma tà và mọi xấu xa, màu đỏ chứa một sinh khí lớn lao. Vì thế hoa đào thắm là lời cầu nguyện và lời chúc phúc đầu xuân. Việc cầu phúc đôi khi được hội vào lọ cắm một cành hoa tre, nhuộm ngũ sắc gần giống như cây đũa trên bát cơm cúng cho kiếp đời đã qua. Ở nhiều nơi, trên bàn thờ còn có khǎm (gần giống chiếc am nhỏ, bằng gỗ có cánh cửa đựng bài vị gia tiên) được chạm trổ với tứ linh long, ly, quy, phượng cùng hoa cỏ thiêng...

Những gia đình nông thôn nghèo, không có khǎm, người ta thường treo lên tường phía trên bàn thờ một

tranh dân gian vẽ ngũ quả, chiếc cuốn thư... để cầu sự no đủ, đồng thời làm sáng, ấm ngôi nhà.

Những nhà theo đạo Phật ít bày đồ mặn trên bàn thờ chính, mà thường đặt thấp hơn để tránh sự uế tạp và để hôn gia tiên dễ siêu thoát. Cây mía được đặt ở bên bàn thờ tượng trưng cho chiếc gậy để các cụ chống về vui với con cháu.

Thực ra, từ xưa, cây mía đã là cây linh thiêng gắn với câu chuyện tạo thiên lập địa của cư dân hải đảo. Mía được du nhập vào đất Việt trở thành một thứ vũ trụ, gạch nối tầng trên với tầng dưới, để dẫn linh hồn gia tiên từ trên trời về với con cháu. Khi phát hiện ra lửa, người ta nhận thấy chỉ có khói bay lên và dần dần khói lửa đã đi vào hội lễ, từ đó nảy sinh nến và hương trong thờ cúng. Trước bàn thờ, người ta thường thắp 2 ngọn nến tượng trưng cho hai vầng nhật Nguyệt, tiếp đó là một nén tâm hương để hướng tới mọi điều tốt lành vì tâm hương có nghĩa là ngũ hương. Nhưng cũng có nhiều người thắp 3 nén hương nhằm cầu cho một sự việc nào đó được tiến triển vì số 3 lẻ dẫn tới chuyển động, biến đổi, phát triển. Hướng bàn thờ cũng được người Việt rất quan tâm. Thông thường hướng nhà theo đạo Phật thì hướng nam là nơi của bát nhã, tức trí tuệ, hướng của sự sáng tạo, của sinh lực tràn trề, đầy dương khí.

Nhiều khi cũng đặt bàn thờ hướng tây vì người ta cho rằng hướng này hợp với sự đổi dải của âm dương, nên yên ổn và phát triển, nghĩa là vị thần được an toạ. Suy cho cùng, tất cả vì lòng người, vì một tâm hướng

thiện. Bàn thờ gia tiên là vẻ đẹp của văn hoá truyền thống. Người Việt hiểu sâu sắc rằng có quá khứ mới có hiện tại và tương lai. Ta nhìn vào nơi thờ gia tiên để thấy truyền thống và vẻ đẹp truyền thống dân tộc.

Thông thường thì bàn thờ gia tiên được bố trí ở gian giữa của ngôi nhà, cũng có thể bố trí gian ở bên trái từ ngoài sân nhìn vào. Những gia đình giàu có, sang trọng thuộc lớp trung lưu thì đồ thờ gồm một bộ "tam sự" (một cái đỉnh (lư), cặp chân đèn bằng đồng để cắm nến, hay một bộ "ngũ sự" có thêm lọ độc bình, chân bệ để đèn. Nếu là bộ "thất sự" thì có thêm ống đựng hương, ống cắm đúua là một nồi hương để cốt trầm. Tất cả đều đúc bằng đồng. Những gia đình khá giả còn có đôi hạc nhỏ cũng bằng đồng. Đồ thờ, nếu không có điều kiện sắm bằng đồng thì làm bằng gỗ tiện và thường sơn đỏ.

Thông thường người ta chia gian thờ làm ba lớp. Lớp ngoài là bộ phận phản để mọi người đến làm lễ, không đặt phản thì để trống nền nhà, khi cần có thể bày thêm bàn ghế, hay trải chiếu. Lớp thứ hai là hương án, trên đặt bộ đồ "tam sự" hay "ngũ sự" lớp thứ ba ở trong cùng mới thực sự là bàn thờ người đã khuất, trên để khâm sơn son, bài vị, hộp hay ống đựng gia phả, khay đựng vật cúng, đài rượu và có thể có ảnh chân dung người quá cố.

Ngoài bàn thờ, người ta có che một chiếc màn gọi là y môn. Khi cúng lễ xong, phải bỏ màn xuống để che khuất bàn thờ, một lát sau mới hạ cỗ bàn. Ý nghĩa của hành động này theo quan niệm xưa "sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn", kính mời các vị gia tiên, ông bà về

chung hướng vật phẩm do con cháu dâng cúng. Khi các ngài "ăn uống" phải che màn lại, để người ngoài không nhìn thấy.

Ngày xưa, những gia đình giàu có, điền chủ, quan lại, công chức cũ, trong gian dành để thờ tự còn được trang hoàng những bức hoành phi, liên đối sơn son thếp vàng. Ngoài ý nghĩa trang trí, những thứ bày biện ở nơi đây còn nhằm tăng sự tôn nghiêm, biểu tỏ lòng tri ân của con cháu đối với tiền nhân.

Vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, cùng với sự xâm nhập của kinh tế thị trường, văn hóa phương Tây cũng tràn vào thuộc địa. Hiện tượng đô thị hóa dần dần rõ nét. Đồng thời cũng xuất hiện nhiều ngôi nhà hiện đại theo kiến trúc châu Âu - thường gọi là nhà Tây - của các quan chức, nhân viên làm việc cho Pháp không chỉ ở thành phố, thị trấn mà cả ở vùng quê. Ở những ngôi nhà này, không gian thờ cúng được bố trí trong những gian phòng, diện tích hẹp. Do đó, đã ra đời một loại tủ thờ được cách tân từ tủ đứng của Pháp, chỉ khác ở chỗ không có hai cánh cửa mở, hay đẩy ở phía trước, mà chỉ có cửa mở ở hai bên hông (có người giải thích cách thiết kế này là nhằm tôn kính gia tiên). Dần dần, kiểu tủ thờ này được "dân tộc hóa" thêm bằng những hoa văn hay hình ảnh mai, lan, cúc, trúc và sang hơn là cẩm xà cừ và được nhiều gia đình khá giả ưa chuộng.

* Nguyên tắc bài trí bàn thờ gia tiên ngày Tết

Thờ gia tiên là một nét đẹp văn hóa của người Việt xưa nay. Thông thường, bàn thờ được đặt ở nơi cao ráo, sạch sẽ và trang trọng nhất. Bàn thờ gia tiên chính là

một cách thể hiện chữ Hiếu của nhân dân. Không chỉ nhớ về nguồn cội, nhân dân ta coi gia tiên của gia đình chính là các vị thần linh thiêng luôn ở bên cạnh để phù hộ độ trì cho con cháu.

Trên bàn thờ gia tiên, ở chính giữa đặt bát hương (tượng trưng cho tinh tú) và trên bát hương có cây trụ để cắm hương vòng (tượng trưng cho trục vũ trụ), hai bát hương khác đặt ở bên trái và bên phải tạo nên tư thế tam tài; ở hai góc ngoài bao giờ cũng có hai cây đèn dầu (hoặc nến) tượng trưng cho mặt trời bên trái và mặt trăng ở bên phải. Khi cần giao tiếp với gia tiên (có lúc thỉnh cầu, có lúc sám hối...) người ta thường đốt nến (đèn dầu) và thắp hương. Mọi nguyện cầu theo các vòng khói hương chuyển đến ông bà gia tiên.

Lễ vật dâng cúng thường bao gồm vài bộ quần áo, giấy tiền vàng mã cho các cụ, một vài cái chung (ly nhỏ, thấp) và một bình trà; đĩa hoa quả lớn đặt ở trung tâm bàn thờ, một bình hoa lớn và một bình rượu ngon. Xung quanh, ta có bày thêm bánh mứt cho cân đối và đẹp mắt.

Chú ý vào những ngày Tết trên bàn thờ phải có hoa tươi, ngày thường hoa giả cắm xen hoa tươi (lòng giã thành chân). Ngoài ra còn có hoa làm bằng giấy bạc, giấy vàng ánh kim (một bạc, một vàng biểu tượng cho một âm một dương, âm dương giao hòa) để có thể dùng được lâu. Đối với hoa tươi người Việt Nam thường sử dụng hoa cúc, hoa huệ, hoa lay-ơn, hoa mai, hoa đào trong cúng gia tiên ngày Tết...

Khi bài trí cần chú ý bày đặt các lề vật cung như trang hoàng bàn thờ hai bên trái (tả), phải (hữu) cần ngang bằng nhau nếu bàn thờ có thờ gia tiên (tổ tì, tổ kháo, cao tầng tổ tì, cao tầng tổ kháo...) và thờ bà cô, ông mãnh - những người chết trẻ (thúc bá, đệ huynh, cô di tì muội...). Trường hợp chỉ có bát hương thần linh (thờ các gia thần: thổ địa, thổ kỳ) thì theo nguyên tắc tả (Thanh Long), hữu (Bạch Hổ) nghĩa là bên trái phải bài trí cao hơn bên phải. Chú ý xét trái, phải là xét từ vị trí từ bàn thờ nhìn ra ngược với vị trí người hướng mặt vào khán.

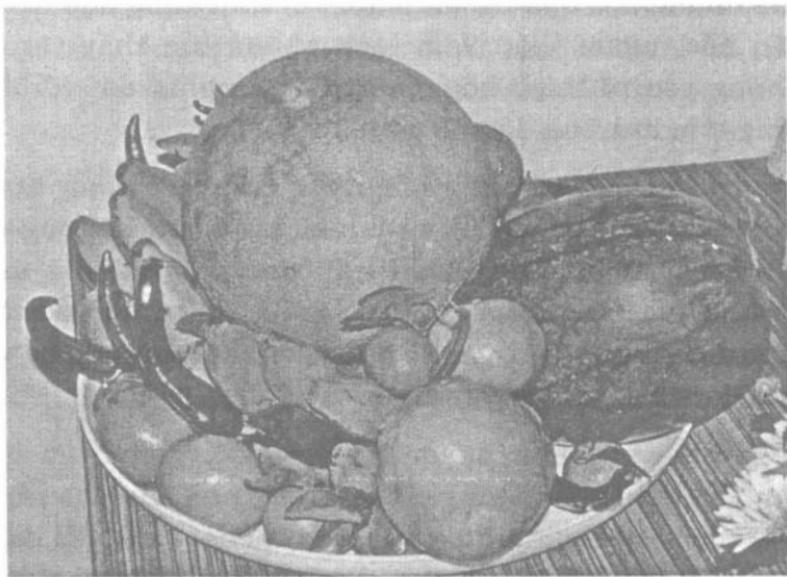
Khoảng sáng ba mươi Tết, việc bày biện bàn thờ Tết phải được hoàn tất. Tuỳ theo điều kiện kinh tế hay văn hóa từng miền mà trên bàn thờ có thêm cặp dưa hấu xanh, gói thuốc lá, cặp bánh chưng hay bánh té...

Việc thắp sáng cho bàn thờ ngày Tết cũng được bắt đầu từ ngày ba mươi. Có nhà sử dụng loại hương vòng, hay hương que loại lớn, cháy liên tục trong nhiều ngày với nhiều ý nghĩa biểu trưng như các vì tinh tú đang tỏa sáng, sự chăm lo ân cần của con cháu...

Hương khói còn tạo nên một không khí ấm cúng nơi gian thờ, gắn kết tình cảm và ước nguyện hạnh phúc của mọi người trong một gia đình. Hương dùng cho những ngày Tết cũng thường là các loại hương có mùi thơm đặc biệt ví dụ như hương bài, hương trầm, hương nhài... là những loại hương có mùi thơm hết sức đặc trưng cho nhân dân ba miền ở Bắc Trung Nam.

Bài trí mâm ngũ quả:

Mâm ngũ quả gồm 5 loại quả có 5 màu khác nhau như chuối xanh, bưởi vàng, hồng đỏ, lê trắng, quýt da cam tượng trưng cho ngũ phúc: Trường thọ (sống lâu và có phúc thọ luôn bên mình) - Phú quý (giàu có, địa vị cao được người khác tôn kính) - Khang ninh (sức khỏe tốt, tâm thần bình an) - Hảo đức (làm việc thiện, tích lũy âm đức rộng rãi) - Thiện chung (luôn tâm thanh thản cho đến khi nhắm mắt xuôi tay). Hình ảnh bày mâm ngũ quả xuất phát từ lý thuyết về ngũ hành: thuỷ - hỏa - mộc - kim - thổ những yếu tố tạo nên vũ trụ và sự vận hành của nó.



Mỗi một miền lại có một quan niệm riêng về ý nghĩa mâm ngũ quả. Người Nam bộ có cách đọc chại âm hay đơn tiết hóa một số từ, ví dụ chỉ tên quả măng cầu thì gọi đơn tiết hóa là Cầu (măng cầu: thoả mãn trong sự cầu xin) - sung (Sung: chỉ sự sung túc, sung mãn) -

vừa (đọc chệch âm là dừa: quả dừa) - đủ (đơn tiết hóa của du đủ và xài (là cách đọc chệch của âm xoài).

Trong khi đó, người miền Bắc hướng đến ý nghĩa biểu trưng nhiều hơn, quả phật thủ hay nải chuối như bàn tay che chở của đức phật cho tất cả mọi người; quả bưởi, dưa hấu thể hiện cho sự đầy đặn, trọn vẹn cảng đầy sức sống; màu sắc thắm tươi của quýt, hồng tượng trưng cho sự may mắn, phồn thịnh cát tường.

Ngày nay, mâm quả trên bàn thờ ngày Tết của người Việt phong phú hơn về chủng loại bởi sự góp mặt của những hoa quả ngoại nhập. Với tính dung hợp trong văn hóa, người Việt Nam luôn có thể tìm thấy tất cả những yếu tố thích hợp, có giá trị ý nghĩa đối với đời sống tâm linh của dân tộc mình.

Những sản vật đẹp mắt nhất, tinh tuý nhất, được dâng bày với những tình cảm hiếu kính, trang trọng và thiết thân nhất. Bàn thờ Tết không chỉ là nơi mà mọi người bày tỏ tình cảm gia đình, huyết thống mà đó còn là nơi chúng ta gửi gắm những lời chúc may mắn và một năm mới an khang, thịnh vượng hơn.

Nhiều gia đình người Trung Quốc, Việt Nam lập bàn thờ thần thánh và gia tiên trong nhà. Họ cho rằng vị trí đặt bàn thờ thuận lợi nhất là tại đại sảnh đối diện trực tiếp với cửa chính sao cho mỗi khi bước vào nhà đều nhìn thấy bàn thờ. Tuy nhiên, để phù hợp với phong thủy, bàn thờ nên đặt ở hướng tây Bắc của ngôi nhà hoặc của căn phòng. Bởi vì, đây là hướng tượng trưng cho trời.

Bàn thờ gia tiên ngày Tết được nhân dân ta rất coi trọng, ở chính giữa bàn thờ thường đặt bát hương (tượng trưng cho tinh tú) và trên bát hương có cây trầu để cắm hương vòng (tượng trưng cho trục vũ trụ); ở hai góc ngoài bao giờ cũng có hai cây đèn dầu (hoặc nến) tượng trưng cho mặt trời ở bên trái và mặt trăng ở bên phải. Khi cần giao tiếp với gia tiên (có lúc thỉnh cầu, có khi sám hối...), người ta thường đốt nến (đèn dầu) và thấp hương. Mọi nguyện cầu theo các vòng khói hương chuyển đến.

Đặc trưng của văn hóa nông nghiệp cũng được thể hiện ở trên bàn thờ gia tiên của người Việt. Thông thường, ở ngay sau bát hương đặt một chiếc Tam sơn trên đó đặt ba cái đài nhỏ đựng ba chén nước trong. Nếu không có đủ như vậy, mỗi lần thấp hương chủ lễ cũng vẫn phải thay ba chén nước mới để tỏ lòng thành kính trăng trong. Phía sau Tam sơn, thường có một cái đỉnh ba chân, nắp đỉnh được vẽ hình con lân với ý nghĩa sức mạnh bề trên kiểm soát tinh thần con cháu khi đứng trước bàn thờ.

Bàn thờ gia tiên luôn cần được thanh tịnh. Vì thế, đồ tế lễ chỉ có thể là hương, hoa, trà, quả... Những ngày Tết, con cháu muốn dâng cúng cỗ mặn phải đặt ở một chiếc bàn phụ phía trước và thấp hơn bàn thờ chính.

Tết là thời điểm quan trọng trong năm cho nên bàn thờ ngày Tết cũng trở nên đặc biệt. Việc trang hoàng bàn thờ tùy thuộc điều kiện hoàn cảnh mỗi nhà nhưng dứt khoát nhà nào cũng phải bày mâm ngũ quả. Thông thường ngũ quả gồm 5 loại quả có 5 màu khác nhau

như chuối xanh, bưởi vàng, hồng đỏ, lê trắng, quýt da cam tượng trưng cho mong ước: phú (giàu có) - quý (sang trọng) - thọ (sống lâu) - khang (khỏe mạnh) - ninh (bình yên).

Còn thời điểm nào thiêng liêng hơn khi cả nhà thành kính đứng trước bàn thờ gia tiên thắp những nén hương trầm ngào ngạt. Tình người nồng ấm, tình đời rộng mở. Và một năm mới tràn đầy hy vọng bắt đầu...

* Lập bàn thờ vọng

Bàn thờ vọng ngày nay khá phổ biến, áp dụng cho con cháu sống xa quê, hướng vọng về quê, thờ cha mẹ ông bà tổ tiên, hương khói trong những ngày giỗ, Tết. Ngày xưa, với nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp, người nông dân suốt đời không rời quê cha đất tổ, chuyển cư sang làng bên cạnh cũng đã gọi là biệt quán, ly hương, vì vậy bàn thờ vọng chỉ là hiện tượng cá biệt và tạm thời, chưa thành phong tục phổ biến.

"Vọng bái" nghĩa là vái lạy từ xa. Ngày xưa, khi triều đình có những điển lễ lớn, các quan trong triều tập trung trước sân rồng làm lễ, các quan ở các tỉnh hoặc nơi biên ải, thiết lập hương án trước sân công đường, thắp hương, nến, hướng về kinh đô quỳ lạy Thiên tử. Khi nghe tin cha mẹ hoặc ông bà mất, con cháu chưa kịp về quê chịu tang, cũng thiết lập hương án ngoài sân, hướng về quê làm lễ tương tự.

Các bàn thờ thiết lập như vậy chỉ có tính chất tạm thời, sau đó con cáo quan xin về cư tang ba năm. Các thiện nam tín nữ hàng năm đi trẩy hội đền thờ Đức Thánh Trần ở Vạn Kiếp, đức Thánh Mẫu ở Đền Sòng...

dần dần về sau, đường sá xa xôi, cách trớ, đi lại khó khăn, cũng lập bàn thờ vọng như vậy. Nơi có nhiều tín đồ tập trung, dần dần hình thành tổ chức. Các thiện nam tín nữ quyên góp nhau cùng xây dựng tại chỗ một đền thờ khác, rồi cử người đến bàn thờ chính xin bát hương về thờ. Những đền thờ đó gọi là vọng từ.

Bàn thờ vọng ông bà cha mẹ chỉ được tập trung trong trường hợp sống xa quê. Những người con thứ, bất cứ giàu nghèo, sang hèn thế nào, nếu ở gần cánh cửa trưởng trên đất tổ phụ lưu lại, thì đến ngày giỗ, ngày Tết, con thứ phải có phận sự hoặc góp lễ, hoặc đưa lễ đến nhà thờ hay nhà con trưởng làm lễ, cho dù cửa trưởng chỉ thuộc hàng cháu, thì chú hoặc ông chú vẫn phải thờ cúng ông bà tại nhà cửa trưởng. Do đó không có lệ lập bàn thờ vọng đối cửa thứ ngay ở quê nhà. Nếu cửa trưởng khuyết hoặc xa quê, thì người con thứ hai thế trưởng được lập bàn thờ chính, còn bàn thờ ở nhà người anh cả ở xa quê lại là bàn thờ vọng.

Khi sống cũng như đã mất, ông bà cha mẹ bao giờ cũng mong muốn anh chị em sống hòa thuận, một nhà đầm ấm. Thỉnh vong hồn về cầu cúng lê bái, mà anh chị em ở gần nhau không sum họp, mỗi người cúng một nơi, thì đó là mầm mống của sự bất hòa, vong hồn làm sao mà thanh thản được.

Việc lập bàn thờ vọng chưa phải là phong tục cổ truyền, chưa có nghi lễ nhất định, mà chỉ là kinh nghiệm truyền cho nhau và tuỳ vào hoàn cảnh thuận tiện mà vận dụng: Khi bắt đầu lập bàn thờ vọng phải về quê chính báo cáo tiên tại bàn thờ chính. Sau đó xin

phép chuyển một lư hương phụ hoặc máy nén hương đang cháy dở mang đến bàn thờ vọng rồi thắp tiếp.

Nếu có nhà riêng, tương đối rộng rãi khang trang, thì bàn thờ đặt hẳn một phòng riêng chuyên để thờ cúng cho tôn nghiêm, hoặc kết hợp đặt ở phòng khách, nhưng cao hơn chỗ tiếp khách. Nếu đặt bàn thờ gia thần riêng, thì phải đặt thấp hơn bàn thờ gia thần một ít. Bàn thờ vọng thường đặt hướng về quê chính, để khi người gia trưởng thắp hương vái lạy thuận hướng vái lạy về quê. Thí dụ người quê miền Trung sống ở Hà Nội thì đặt bàn thờ vọng phía Nam căn phòng hay ngoài sân, ngoài hiên.

Không nên đặt bàn thờ trong buồng ngủ, trừ trường hợp nhà chật hẹp quá thì phải chịu. Không nên đặt cạnh chỗ uế tạp, hoặc cạnh lối đi. Đối với những gia đình ở khu tập thể nhà tầng, nếu câu nệ quá thì không còn chỗ nào đặt được bàn thờ. Những người sống tập thể, chỉ đặt một lọ cắm hương đầu giường nằm của mình cũng đủ, miễn là có lòng thành kính, chẳng cần phải câu nệ hướng nào, cao thấp rộng hẹp ra sao.

2. Cách thiết lập bàn thờ Phật

* Tín ngưỡng thờ Phật

Đối với đạo Phật, trong quá trình du nhập và phát triển ở Việt Nam, mặc dù không loại trừ tín ngưỡng dân gian (một vài chùa còn phuơng tiện dung hợp các tín ngưỡng dân gian như thờ Thần, thờ Mẫu) nhưng với triết lý, phuơng thức tu tập, hành đạo... hoàn toàn khoa học, minh triết, thực tiễn và nhân bản. Trọng tâm của

đạo Phật là phát huy trí tuệ để thấu rõ nhân quả nghiệp báo, duyên sinh cùng các nguyên lý vận hành của thân, tâm và thế giới đồng thời tự thân nỗ lực chuyển hóa ba nghiệp thanh tịnh. Sự diệt khổ hay thành tựu an lạc, hạnh phúc trong đời sống của người Phật tử hoàn toàn dựa trên sự tinh tấn tu học của bản thân và không hề lệ thuộc vào sự chi phối của thánh thần hay các thế lực siêu nhiên.

Sau khi đã quy y, người Phật tử chỉ duy nhất nương tựa vào Tam bảo. Chư Phật, Chánh pháp và chư Tăng là ba đối tượng quan trọng cho Phật tử quy hướng. Nhờ ánh sáng Tam bảo mà mỗi người con Phật nhận ra phương pháp, con đường để tùy duyên thực tập, chuyển hóa thân tâm. Dù Phật giáo vận dụng nhiều pháp môn phương tiện để phù hợp với nhiều căn cơ đồng thời có kết hợp tha lực (như năng lực cứu độ của chư Phật và Bồ tát) trong tu tập nhưng nỗ lực của tự thân vẫn là quan trọng nhất. "Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi/Như Lai chỉ là bậc Thầy chỉ đường" là phương châm tu học của tất cả những người con Phật.

Mặt khác, nhân quả nghiệp báo do mỗi người tạo ra quyết định đời sống hiện tại và tương lai của họ, không có bất cứ thánh thần hay thế lực siêu nhiên nào có thể can thiệp được. Tin Phật đúng nghĩa là tin tưởng vào khả năng giác ngộ và năng lực chuyển hóa của bản thân mình. Thực tập sống đạo đức, tin nhân quả nghiệp báo, mở rộng lòng từ với tha nhân, tịnh hóa thân tâm và nhất là phát huy tuệ giác của chánh kiến để loại trừ mê tín, tà kiến nhằm xây dựng đời sống văn minh, an lạc mới đích thực là người Phật tử chánh tín.



* Cách thức thờ Phật, cúng Phật

Xưa nay, những bậc có công ơn lớn đối với đất nước, xã hội đều được tôn sùng, ngưỡng mộ. Sự tôn sùng ngưỡng mộ này do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là lòng tri ân và sự mong muốn được noi theo gương sáng. Tục ngữ có câu: "Ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây, uống nước phải nhớ người đào giếng". Lòng tri ân là một đức tính quý báu, mà những người có chút công bằng không thể thiếu được.

Sự thờ cúng trong các tôn giáo cũng không nằm ngoài những lý do đã kể trên. Nhưng ở các tôn giáo, sự thờ cúng có tính chất thường trực và thiết tha hơn, vì các vị Giáo chủ là những bậc có công lớn đối với nhân loại và là những gương sáng mà tín đồ cần đặt ở trước

mắt để soi sáng đời mình. Trong các vị giáo chủ, thì Đức Phật là vị được nhiều tín đồ sùng mộ nhất. Sự sùng mộ ở đây biểu hiện trong sự thờ, lạy và cúng Phật.

- Thờ Phật: Phật là những bậc đã dày công tu luyện phước đức và trí tuệ, cho nên hoàn toàn sáng suốt và có đầy đủ đức hạnh cao quý. Các Ngài đã dùng đức và trí ấy để dẫn dắt chúng sinh ra ngoài biển khổ luân hồi, và mang đến sự sáng suốt an vui. Ở Đức Phật hội đủ ba đức tính căn bản mà một con người muốn được toàn thiện, toàn mỹ, toàn chân, không thể thiếu được. Một bậc siêu phàm xuất chúng, có những lời dạy quý báu, những cử chỉ cao thượng, những hành động sáng suốt, một đời sống gương mẫu như Phật, mà chúng ta không tôn thờ, thì còn tôn thờ ai nữa?

Nhưng chúng ta phải thờ Phật như thế nào mới đúng nghĩa? Người ta thường nói: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng". Chúng ta thờ Phật là muốn luôn luôn được có bên mình ngọn đèn trí tuệ của Ngài, cái hương từ bi của Ngài, để được sáng lây, thơm lây, chứ không phải chúng ta có mục đích cầu cạnh Ngài để Ngài ban phước, trừ họa, để Ngài che chở cho chúng ta mua may bán đắt một cách bất lương, hay để chúng ta dựa vào thế lực của Ngài, tha hồ làm những điều bất chính. Nếu chúng ta thờ Ngài với mục đích sai lạc như vừa nói ở trên, thì không những chúng ta đã phỉ báng Đức Phật, mà còn tự tạo tư tưởng không tốt cho chúng ta nữa.

Đức Phật nào cũng có nghĩa vô lượng quang, vô lượng thọ bao la cùng khắp và công đức tu hành phước

trí vô lượng vô biên cả, nên hễ thờ một Đức Phật là thờ tất cả các Đức Phật. Nhưng chúng ta cũng nên tuỳ theo thời kỳ giáo hóa của mỗi Đức Phật và pháp môn tu hành mà thờ cho xứng lý, hợp cơ. Thí dụ như hiện nay, chúng ta ở vào thời kỳ giáo hóa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì lẽ có nhiên, chúng ta phải thờ Ngài trước hết. Nếu tín đồ nào tu về "Tịnh Độ Tông", chuyên về pháp môn "Trì danh niệm Phật" để cầu vãng sanh, thì tín đồ ấy phải thờ Đức Phật A-Di-Đà. Hoặc nếu Phật tử muốn thờ tất cả Phật trong ba đời, thì nên thờ Đức Phật Thích Ca, Đức A-Di-Đà và Đức Di-Lặc, gọi là thờ "Tam Thế Phật".

Như vậy, nếu muốn thờ tượng Phật, thì nhiều nhất là ba vị. Và nên nhớ rằng, trong khi thờ Tam Thế Phật, phải sắp đặt chung một bàn. Nếu tượng lồng kính thì nên treo ngay thẳng, không được cái cao, cái thấp, cũng không được cái to, cái bé; còn như tượng gỗ, tượng đồng tượng sành, thì để ngang hàng cùng với nhau. Bàn thờ Phật phải đặt chính giữa nhà, bàn thờ gia tiên ở phía dưới hoặc sau đúng câu: "Tiền Phật hậu Linh" hay "Thượng Phật hạ Linh". Nếu nhà lầu thì thờ Phật ở tầng trên. Tại bàn thờ Phật không nên để tạp vật nào khác, ngoài bình hoa, lư hương, châm đèn và dĩa quả. Những vật này mỗi ngày đều chăm sóc lau chùi sạch sẽ luôn. Lần đầu tiên thỉnh Tượng Phật, tín đồ phải làm lễ thượng tượng, cũng gọi là lễ an vị Phật. Lễ này không bắt buộc phải tổ chức linh đình, chỉ nên làm một cách đơn giản, nhưng không kém phần trang nghiêm và tinh khiết. Muốn được hai đặc điểm ấy, chủ nhà phải dọn

mình sạch sẽ: ăn chay, giữ giới và mời thêm thiện hữu trí thức đến hộ niệm một thời kinh. Và bắt đầu từ ngày làm lễ an vị Phật trở đi, tất cả mọi người trong nhà, mỗi ngày ra vào trông thấy tượng Phật, nên nghĩ nhớ đến đức hạnh cao cả của Ngài mà chỉnh đốn lại thân tâm mình. Mỗi ngày đều lo cải thiện lại sự cư xử với nhau, đổi nội cũng như đổi ngoại, phải luôn luôn thấm nhuần tinh thần từ bi, bác ái và bình đẳng. Như thế mới xứng đáng với danh nghĩa của một gia đình có thờ Phật. Thờ phụng lâu năm, tượng Phật bị hư rách, không thể sơn phết hay sửa chữa lại được, thì nên thay đổi tượng mới. Khi có tượng mới rồi thì tượng cũ phải dâng vào chùa chờ dịp nhập tháp, chứ không nên bạ đâu bỏ đó.

- Cúng Phật: Nói cho đủ nghĩa là cúng đường Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Cúng đường có nghĩa là cung cấp và nuôi dưỡng.

Ý nghĩa của việc thờ cúng Phật: Có người sẽ hỏi: Tại sao Đức Phật đã là bất diệt mà lại còn phải cúng đường? Thật ra, Đức Phật đã thoát ra ngoài vòng sinh tử, thì đâu còn hạn cuộc trong sự ăn uống. Nhưng đây chỉ là một hình thức để ngụ ý rằng, mặc dù Phật đã nhập diệt lâu rồi, nhưng đối với chúng ta, bao giờ cũng xem như Ngài còn tại thế. Xưa, các đệ tử, các đàn na thí chủ đã cúng đường Ngài như thế nào, nay chúng ta vẫn tiếp tục cái cử chỉ ấy. Sự cúng đường này làm cho chúng ta gần với Phật, có cảm tưởng như bao giờ cũng ở bên cạnh Phật. Cúng nhân sự thờ phụng, lễ bái cúng đường này mà chúng ta được kết duyên lành với Phật, hình dung rõ rệt cuộc đời của Ngài để quyết noi theo bước chân của Ngài.

Phải cúng Phật với những gì?

Vẫn biết rằng chúng ta nên cúng dường Phật để hình dung như Ngài còn tại thế, nhưng nếu chúng ta, mỗi khi cúng Phật, lại bày biện đủ thức ăn uống, nào yến tiệc cỗ bàn linh đình thì thật là phí của, phí công mà lại còn làm sai lạc ý nghĩa sâu xa của sự cúng Phật. Vậy muốn cúng Phật đúng nghĩa thì chỉ nên dùng hương thơm, đèn sáng, hoa tươi, quả tốt, nước trong và đôi khi thêm cơm trắng là đủ.

Đoạn trên là nói về Sư, về hình tướng bên ngoài để cúng Phật. Còn về phương diện Lý, thì phải dùng năm món diệu hương để cúng Phật như sau:

+ Giới hương: Pháp thân của Phật rất thanh tịnh, nếu về mặt Sư, chúng ta đã dùng hương trầm đốt cúng, thì về mặt Lý, chúng ta cũng phải trì giới cho trang nghiêm thanh tịnh, để cúng dường được đủ cả về Sư và Lý.

+ Định hương: Thân tâm chúng ta bị mê nhiễm và thường loạn động trong mọi hoàn cảnh. Nếu để buông trôi mãi trong tình trạng ấy, thì chúng ta chẳng tu hành gì được. Vậy hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây, hằng sát na chúng ta phải cố gắng tập định tĩnh tâm hồn, đừng để cho những ý nghĩ, hành động xấu xa xâm chiếm tâm hồn và làm cho chúng ta phải loạn động. Làm cho tâm tư lắng xuống, như thế là dùng Định hương cúng Phật.

+ Huệ hương: Huệ hương cúng Phật là lúc nào cũng phải lưu tâm vào ba món sáng tỏ: Văn huệ, Tư huệ, và

Tu huệ. Văn huệ là lắng nghe lời giáo huấn quý báu của Chư Phật và thánh hiền Tăng. Tư huệ là đem những lời quý báu nói trên ra suy xét, nghiên ngẫm, biết thế nào là phải, thế nào là quấy, cái nào là chân thật, cái nào là lừa dối để khỏi lầm lạc vào đường tà. Tu huệ là quyết tâm thực hành những điều mình cho là phải, trừ bỏ những điều mình cho là trái, thực hiện đúng giáo lý sáng suốt của Đức Phật.

+ Giải thoát hương: Giải thoát hương cúng Phật là quyết tâm phá trừ ngã chấp, nguồn gốc của bao sự đau khổ luân hồi. Chúng ta phải luôn luôn quán vô ngã, không nhận chiếc thân tú đại này là mình, cũng không nhìn cái nghiệp thức phân biệt là mình, để được thoát ly ra ngoài vòng sinh tử luân hồi.

+ Giải thoát tri kiến hương: Chúng ta đã biết quán vô ngã, để phá trừ ngã chấp thì được giải thoát, song vẫn còn "Pháp chấp" ràng buộc, nên chưa đến được cảnh giới tự tại, vô ngại như Phật. Còn Pháp chấp nghĩa là còn thấy các pháp như: đất, nước, gió, lửa là có thật; còn thấy vui buồn sướng khổ là có thật. Khi nào chúng ta nhận được rằng chúng ta còn ở trong nghiệp người, khác với các loài khác, như cá chẳng hạn, thì nước đâu phải là nước như chúng ta quan niệm, mà chính là lâu đài, nhà cửa; đối với loài mọt, thì gỗ đâu phải như chúng ta quan niệm, mà là những thức ăn và nhà ở. Cho đến vui, buồn, sướng, khổ đều là đối đai với nhau mà sinh ra. Vậy thì Pháp cũng như Ngã, đều là giả dối, không có thật, mà chỉ là những danh từ sướng mà thôi. Luôn luôn, quán như thế, để được giải thoát ra

khỏi sự chấp Pháp, như thế gọi là "Giải thoát tri kiến hương" cúng Phật.

Cúng đường Pháp bảo: Pháp bảo là các Pháp của Phật đã giảng dạy, để cho chúng sinh y theo đó mà tu hành. Muốn cúng đường Pháp bảo, trước hết chúng ta phải học Kinh, Luật, Luận và nghiên cứu giáo lý để nhận định thế nào là Pháp bảo, là chính giáo.

Cúng đường Tăng bảo: Nếu chúng ta đã thành tâm thờ cúng Phật, thì tất nhiên chúng ta phải kính trọng Tăng. Chư Tăng đã thay Phật mà truyền giáo lý của Ngài lại cho chúng ta, lẽ nào chúng ta lại làm ngơ không biết đến? Chúng ta không nên phân biệt Tăng ở xứ nào, chùa nào hay phái nào. Vì Tăng nào có đủ giới đức chúng ta cũng sẵn sàng cung phụng cả, như thế gọi là cúng đường Tăng bảo.

* Vị trí đặt bàn thờ Phật

Đối với bàn thờ Phật vị trí càng trang nghiêm càng tốt. Điều này thể hiện tâm thành kính của ta. Tâm có thành thì mới linh ứng. Nhiều nhà quá nhỏ hẹp, không có chỗ nào riêng biệt trang nghiêm, họ lập bàn thờ ngay trong phòng ăn, phòng khách, phòng học, thậm chí nhiều người không có bàn họ để dưới đất thờ cũng được. Đây là vì hoàn cảnh eo hẹp chứ không phải bất kính.

Còn nhà cao cửa rộng, có nhiều chỗ trang nghiêm, sáng sủa mà mình lại đặt bàn thờ Phật chỗ tối tăm, heo hút, ồn ào... thì không nên, vì sẽ mất đi sự cung kính.

Phải có tâm cung kính Tam Bảo. Đã cung kính thì phải thể hiện rõ rệt qua hình thức. Không nên bừa bãi.

Tất cả đều để giữ tâm cung kính, tâm thành của mình đối với Tam bảo.

Ví dụ, khi tới chùa ta phải nghiêm trang, cung kính lạy Phật, không được nói chuyện trong chính điện, phải tắt điện thoại khi vào Niệm Phật Đường, trong các buổi lễ không được nói chuyện riêng, trước tượng Phật không được đứng chắp tay phía sau, không được ngông nghênh cười giỡn.

Những người tới chùa mà nói cười huyên náo, cử chỉ không nghiêm trang, vì chính họ ngạo mạn, bất kính Tam bảo. Hình tướng bên ngoài thể hiện bản chất bên trong. Như vậy là không nên.



Bàn thờ Phật nên tìm chỗ thanh tịnh nhất, trang nghiêm nhất, sáng sủa nhất. Tượng Phật luôn luôn hướng ra ngoài sáng, nếu thuận theo hướng nhà thì càng hay, hoặc ít ra phải có ánh sáng tự nhiên chiếu

vào bàn thờ mới tốt. Không nên bài trí tượng Phật quay vào bóng tối.

Cũng có thể thiết kế thêm hình Phật, chọn chỗ nào tốt nhất treo hình Phật, rất tốt.

Nếu thiết kế bàn thờ Phật thật trang nghiêm thì tâm ta sẽ trang nghiêm. Mỗi lần nhìn bàn thờ Phật là mỗi lần tâm ta được trang nghiêm, thanh tịnh, vui vẻ. Nếu bàn thờ không trang nghiêm thì thường tạo trong tâm sự buồn phiền, mất vui. Nếu chính ta có định lực, có đủ thanh tịnh thì người nhà của ta cũng bị ảnh hưởng, từ đó sinh ra buồn phiền, khó chịu trong tâm, chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến ta không ít.

Những điều này đều ảnh hưởng tới tiến trình tu tập của ta cả. Đây là điều tự nhiên. Trang nghiêm cảm ứng trang nghiêm. Tự trang nghiêm thì tự lợi lạc, nếu có môi trường trang nghiêm hỗ trợ thì càng tốt hơn, tâm ta sẽ tăng tiến. Ngược lại, thì có thể ảnh hưởng đến sự tiến tu đạo nghiệp. Nên nhớ, Tâm - Cảnh luôn luôn ảnh hưởng tương hỗ nhau.

Thờ Phật là một biểu hiện của sự kính ngưỡng cao cả và tỏ lòng tri ân chân thành của người Phật tử đối với Đức Phật. Đồng thời, việc thờ tự và tôn trí hình tượng Phật trong gia đình còn là cách để các thành viên trong gia đình có cơ hội thường được chiêm ngưỡng dung nghi và học theo những đức hạnh tốt đẹp của Ngài. Phật là một tấm gương sáng, nhờ noi gương Ngài, chúng ta tích cực chuyển hóa những suy nghĩ, lời nói và hành động xấu ác của tự thân trở về Chân - Thiện - Mỹ.

Do vậy, hầu hết các Phật tử đều thờ Phật trong tư gia của mình.

Thông thường, bàn thờ Phật được tôn trí ở giữa nhà hoặc nơi trang trọng nhất trong nhà. Nếu nhà nhiều tầng thì tốt nhất bàn thờ Phật được đặt ở tầng thượng. Có thể thờ Phật ở trước, thờ thần linh ở phía sau hoặc thờ Phật ở bên trên, bàn thờ thần linh bên dưới hoặc thờ Phật ở giữa và linh vị thờ một bên. Đây là cách thức thờ Phật phổ biến tại nhà riêng. Tuy nhiên, trong trường hợp những Phật tử sinh sống trong những cao ốc hoặc chung cư thì có thể thờ Phật ngay nơi căn hộ mình ở mà không hề thất kính với Phật. Dù rằng phía trên căn hộ của mình còn nhiều căn hộ của các gia đình khác. Mặt khác, dù có nhà riêng và nhà có lầu gác nhưng do chủ nhà muốn các thành viên trong gia đình và quan khách được chiêm ngưỡng Phật hoặc vì lý do sức khỏe khó có thể lên xuống tầng thượng thường xuyên để nhang khói thì vẫn có thể thờ Phật ngay tại tầng trệt. Như vậy, việc tôn trí bàn thờ Phật ở tầng thượng trong nhà là điều lý tưởng. Song nếu vì nhân duyên nào đó mà không thờ Phật được ở trên cao thì bạn có thể thờ Phật ở các vị trí khác trong nhà với điều kiện đó là nơi trang trọng, sạch sẽ và dễ nhìn thấy nhất. Vì thế, có thể thờ Phật ở tầng trệt, nơi gia đình đang sinh sống mà vẫn giữ được sự tôn kính đối với Phật. Đồng thời, những người sinh sống trong căn hộ phía trên cũng không vì thế mà "xúc phạm" đến Phật. Tại các đô thị phát triển, người dân và Phật tử sống chen chúc trong cao ốc, chung cư và nhà thuê thì thờ Phật trong căn hộ của mình là chuyện bình thường.

Khi đã thờ Phật thì bàn thờ phải sạch sẽ, đốt nhang cúng Phật hàng ngày. Đặc biệt trong những ngày mười bốn, rằm và ngày ba mươi, mồng một cùng các ngày lễ vía trong năm thì phải chưng dọn hoa quả, nhang đèn cúng Phật để thể hiện lòng cung kính và tri ân. Đồng thời, tất cả mọi người trong nhà hàng ngày trông thấy Phật, nhớ nghĩ đức hạnh cao cả của Ngài mà lo chỉnh đốn, tu sửa thân tâm, sống và cư xử với nhau trong gia đình cũng như bên ngoài xã hội với sự thầm nhuần từ bi, vị tha và đạo hạnh. Như thế mới xứng đáng với danh nghĩa của một gia đình có thờ Phật.

Cách thức bố trí bàn thờ Phật, lê Phật:

Là Phật tử, trong nhà chúng ta nhất thiết phải có bàn thờ Phật hay gọi là bàn thờ Phật, để giúp cho chúng ta hàng ngày, hàng giờ tưởng nhớ đến đức Phật, những lời đức Phật dạy để tinh tiến tu hành.

Cách bố trí: Để tỏ lòng tôn kính bậc Đại Giác Ngộ, đáng cho chúng ta tôn thờ, bàn thờ Phật trước hết chúng ta phải đặt ở nơi trang trọng nhất trong nhà, nếu nhà chúng ta không có một phòng đặc biệt dành riêng để thờ cúng, bàn thờ Phật chúng ta nên đặt ở giữa phòng khách.

Trên bàn thờ Phật, thông thường có lư hương, đèn, bình hoa, đĩa trái cây, chuông mõ và nước cúng Phật. Lư hương luôn luôn để ngay chính giữa phía trước, sau đó là 3 ly nước, nếu có một đôi đèn, đôi đèn để ngang hàng cùng lư hương. Về bình hoa và đĩa quả, người ta thường hay nói câu thiêng: "Đông bình, Tây quả", hướng nào là Đông, hướng nào là Tây? Theo câu thiêng này,

mặt trước của nhà xây về bất cứ hướng nào, người ta cũng xem như là hướng Nam, vậy hướng Đông là bên tay trái của tượng Phật - đặt bình hoa, hướng Tây là bên tay phải của tượng Phật - đặt đĩa trái cây. Chuông cũng đặt cùng phía với bình hoa và mõ đặt cùng phía với đĩa trái cây.

Cố tránh đặt thêm những gì không phải là vật thờ cúng lên trên bàn thờ Phật. Hàng ngày phải thay nước cúng Phật, trái cây phải thay mới luôn, phải lau chùi và giữ gìn cho bàn thờ Phật luôn luôn được sạch sẽ. Lư hương nên chăm sóc lấy bỏ bớt chân nhang, đừng để quá nhiều. Nên tránh dùng hoa giả.

Phật là đấng cao cả, trong phòng thờ Phật, có thể lập bàn thờ Cửu huyền thất tổ, ông bà, cha mẹ nhưng bàn thờ này phải đặt ở một bên, nhỏ hơn và thấp hơn bàn thờ Phật. Trong phòng này chớ nên treo ảnh nào cao hơn tượng Phật, không nên treo ảnh càng tốt.

Khi chúng ta đốt hương, chúng ta đốt 3 cây hương, nước ba ly (hay 3 chung nước), đó là nghĩa chúng ta cúng dâng lên Phật, Pháp, Tăng.

Vào chùa, kinh phải cầm trang trọng bằng hai tay, không nên kẹp vào nách, không nên để kinh vào hai tay rồi chấp lại xá quý Tăng Ni hay bạn đạo. Người Phật tử tuyệt đối không bao giờ sờ, chạm đến pháp thể Tăng Ni. Dù trước kia thân thiết đến đâu, nay gặp lại chỉ chấp tay cúi đầu xá, miệng chào "A Di Đà Phật" là đúng phép.

Đức Phật Thích Ca đã nhập diệt, hàng ngày chúng ta cúng nước, trái cây để tưởng nhớ đến Ngài, như Ngài

còn tại thế. Nhờ ơn Ngài đã dạy cho chúng ta biết vô minh là nguồn gốc của khổ đau và tu để đi đến giải thoát, đạt đến sự an lạc vĩnh cửu, đó là chân lý, sự tôn kính ấy giúp cho chúng ta củng cố niềm tin, nhắc nhở chúng ta hàng ngày phải tu tập từng giờ từng phút để đạt đến kết quả cuối cùng.



Lễ phật: Để tỏ sự tôn kính đức Phật, hàng ngày chúng ta phải lễ Phật, hay cúng lạy Phật. Lạy Phật khác với lạy ông bà, cha mẹ. Lạy Phật tức là chúng ta lạy ngôi Tam Bảo, cách thức như sau:

Trước khi lạy Phật, thân tâm ta phải trong sạch, nghĩa là chúng ta phải tắm rửa cho sạch sẽ, nếu sáng sớm dậy, chúng ta phải đánh răng, rửa mặt, tay, chân, tóc chải gọn gàng, ăn mặc sạch sẽ, nếu có áo tràng phải mặc vào rồi mới lễ Phật.

Khi lạy Phật, đứng ngay ngắn chỉnh tề trước bàn thờ Phật, hai tay chắp ngay trước ngực, xá 3 xá rồi mới lạy. Còn nếu ta nguyện hương, đốt 3 cây hương rồi thỉnh 3 tiếng chuông, quỳ xuống lấy hương, hai tay cầm 3 cây hương đưa ngang trán để khấn nguyện, mỗi nguyện một xá, nguyện xong xá 3 xá rồi cắm hương vào lư hương. Trước khi lạy, chúng ta đứng thẳng người, hai tay chắp ngang ngực, xá 3 xá rồi quy hai gối xuống cùng một lượt, sau đó để hai bàn tay xuống, lật hai lòng bàn tay ngửa lên, kéo rời ra một chút cho có khoảng trống, rồi cúi đầu xuống, trán chạm xuống nền nhà chỗ khoảng trống giữa hai bàn tay, gọi là "ngũ thể đầu địa" tức là 2 tay, 2 chân và trán chạm đất. Hai bàn tay lật ngửa ra cũng như ngày xưa Phật còn tại thế, người ta lễ Phật là cúi người xuống, hai bàn tay nâng bàn chân Phật rồi hôn lên đó. Khi đứng lên, ngẩng đầu và nâng thân mình lên rồi lật úp hai bàn tay lại, dùng hai bàn tay chống xuống sàn nhà để nâng cả thân mình lên cùng lúc, khi đã đứng ngay thẳng rồi thì xá một xá, lạy thứ ba xong xá ba xá. Lạy hay xá đều phải làm từ tốn, chậm rãi để tỏ lòng cung kính. Trong khi lạy, tâm chúng ta thành kính tưởng nhớ đức Phật, đừng nghĩ tưởng chuyện gì khác, đó là tâm ta trong sạch, trong ý nghĩa thân tâm ta trong sạch.

Trong khi lạy Phật có chuông, khi nghe tiếng chuông đánh, chúng ta lạy xuống, khi nghe tiếng chuông dập (dùi chuông đánh vào và giữ lại ở miệng chuông), chúng ta mới cất đầu và đứng lên, nhất là lễ Phật khi tụng Kinh, chúng ta phải lạy xuống, đứng lên nhịp nhàng theo tiếng chuông, làm như vậy mới được trang nghiêm.

Lễ Phật còn có ý nghĩa chúng ta tôn kính, phục tùng đức Phật, dẹp bỏ tính ngã mạn, kiêu căng trong lòng chúng ta, có như vậy chúng ta mới tu học tinh tấn được.

Hiểu biết được cách trang thiết bàn thờ Phật, lễ Phật và chúng ta làm theo được như vậy mới chứng tỏ mình là một Phật tử thuần thành, chẳng những thế mà hàng ngày chúng ta còn phải tụng kinh trước bàn thờ Phật để niệm danh hiệu Phật, hoặc ngồi thiền hay trì chú chừng 15 phút trở lên. Việc thắp nhang, lạy Phật chỉ tỏ lòng tôn kính mà thôi, còn tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, trì chú công phu hàng ngày ấy mới là tu tập, cốt để sửa tâm tính chúng ta ngày càng tinh tấn theo lời Phật dạy.

3. Cách thiết lập bàn thờ Thần tài

* *Tín ngưỡng thờ Thần tài*

Theo tín ngưỡng dân gian, Thần tài mang lại tiền bạc hay của cải cho mỗi gia đình, nên mỗi gia đình, nhất là những gia đình làm nghề kinh doanh đều có bàn thờ Thần tài, đốt nhang nghi ngút để cầu xin Thần tài cho mua may bán đắt, trúng mối lời nhiều, đem lại nhiều tiền bạc sung túc.

Người đời rất quý trọng tiền bạc nên rất quý trọng Thần tài. Những nhà kinh doanh đều có lập bàn thờ Thần tài rất long trọng.

Tục thờ Thần tài được người Trung Quốc truyền cho dân ta. Người Trung Quốc sang Việt Nam làm nghề buôn bán trở nên giàu có, họ đều có thờ Thần tài nên người Việt thấy vậy bắt chước theo. Sự tích về Thần tài có nhiều nhưng dân gian thường nhắc hai sự tích sau đây:

- Thần tài là một cô gái tên là Như Nguyên.



Ngày xưa, có một lái buôn tên là Âu Minh, khi đi thuyền qua hồ Thanh Thảo, được Thủy Thần tặng cho một cô hầu gái tên là Như Nguyên. Âu Minh đưa Như Nguyên về nuôi trong nhà. Sự buôn bán từ ngày đó trở đi càng ngày càng phát đạt, chỉ trong vòng vài năm mà Âu Minh trở thành một nhà giàu có lớn.

Một hôm, vào Tết Nguyên đán, Âu Minh tức giận đánh Như Nguyên làm nó sợ hãi, chui vào đống rác trốn mất.

Kể từ đó, việc buôn bán của Âu Minh bắt đầu thua lỗ sa sút, chẳng bao lâu thì sat nghiệp, trở nên nghèo khổ.

Người ta cho rằng, Như Nguyên là Thần tài. Lúc Âu Minh nuôi Như Nguyên trong nhà thì Thần tài ứng hộ nên làm ăn phát đạt. Tới khi Như Nguyên bị đánh rồi bỏ đi thì Thần tài không còn chiêu cố Âu Minh nữa nên làm ăn sa sút, thất bại.

Do sự tích này, người ta có tục kiêng cử quét rác và hót rác trong ba ngày Tết, sợ Thần tài không có chỗ ẩn trốn mà đi nơi khác thì việc làm ăn trong năm sẽ bị xui xẻo thất bại.

Cũng do sự tích này mà người ta lập bàn thờ Thần tài sát nền đất hay nền gạch, không đặt cao như các bàn thờ khác, và đặt ở góc nhà hay nơi hàng hiên.

Nhưng trong thực tế, người ta thường gọi là Ông Thần tài chứ không ai gọi là Bà Thần tài, nên sự tích Thần tài là cô gái Như Nguyên chưa hẳn là chính xác.

- Thần tài là ông Triệu Công Minh:

Ông Triệu Công Minh ở đây không phải là Triệu Công Minh trong truyện Phong Thần hay trong truyện Bắc Du Chân Võ, mà là một người dân ở núi Võ Đang bên Trung Quốc.

Truyện dân gian Trung Quốc kể rằng: ở vùng núi Võ Đang có một ông già tên là Triệu Công Minh nhà rất nghèo. Ngày ngày, ông xách giỏ đi khắp nơi xin quần áo cũ để mặc và xin cơm cặn canh thừa để ăn. Nghèo đến thế nhưng ông lão vẫn nuôi một con chó đen già và một con vịt lông vẫn không đẻ trứng. Gần đây có một ông phú hộ, gọi là Tiên Viên Ngoại, tính rất xa xỉ và bất nhân, cơm ăn không hết thì đem đổ xuống cống, áo mặc cũ rồi thì bỏ vào đống rác. Ông lão nghèo họ Triệu thấy vậy mới lượm gom hết các quần áo cũ đem phân phát cho những người nghèo, hốt các canh thừa cơm cặn ấy về nuôi chó và vịt.

Bỗng một hôm, con vịt đẻ ra 10 quả trứng vàng, còn con chó già thì khạc ra 10 thoi bạc. Từ đó thành lệ, mỗi ngày vịt và chó đều đẻ và khạc ra vàng bạc cho lão Triệu. Lão Triệu trở nên rất giàu có, trong lúc Tiên Viên Ngoại thì càng lúc càng nghèo vì tính xa xỉ. Một thời gian sau, Tiên Viên Ngoại phải đi ăn xin, khi gặp lại Triệu Công Minh, lão Viên cảm thấy rất xấu hổ. Họ Triệu thông cảm, giúp cho lão Viên một số tiền kha khá đủ làm vốn liếng làm ăn, nhưng Lão Viên quen tính tiêu xài xa xỉ nên dần dần hết vốn, trở nên nghèo khổ. Lão Viên lại sinh ác tâm, thấy họ Triệu giàu có nên tính kế giết Triệu Công Minh để chiếm đoạt tài sản. Lão Viên thừa lúc vắng vẻ, lén đốt nhà của Triệu cháy ra tro, nhưng họ Triệu không chết, con vịt biến thành chim Phượng bay vút lên trời, con chó già biến thành con cọp đen xông ra cắn chết lão Viên, tất cả vàng bạc của Triệu đều hóa thành đá, và Triệu Công Minh biến

thành Thần tài. Dân chúng lập miếu thờ Triệu Công Minh gọi là Thần tài miếu.

Chúng ta không thể xác định được người Việt Nam thờ Thần tài vào lúc nào, bởi vì như trên đã nói, việc thờ Thần tài là do người Việt Nam bắt chước các Hoa kiều.

Việc thờ Thần tài trong mỗi gia đình khiến cho người ta sáp nhập Thần tài vào các Thần bản gia như: Thổ địa, Táo quân.

Do đó, người Trung Quốc làm ra một tấm bài vị gộp chung các danh hiệu của các vị Thần bản gia để thờ, mà người ta thường gọi là "bài vị Thần tài", và chúng ta thấy bài vị này được thờ ở hầu hết trong các quán, nhà buôn, ở các văn phòng công ty và xí nghiệp.

Bài vị Thần tài được vẽ trên một tấm kính, nền son đỏ, tất cả đều là chữ Hán màu nhũ vàng, vẽ một cái cổng mà hai trụ có rồng quấn, trên cổng có tấm bảng đề "Tụ bảo đường" nghĩa là ngôi nhà có tụ lại những thứ quý báu, phía dưới có vẽ một cái chậu huyền diệu chứa của báu.

Sau đây là một kiểu bài vị Thần tài và các Thần bản gia:

Tụ bảo đường: nhà chứa của quý báu.

Chiêu tài: mời gọi tiền của.

Tiến bảo: dâng hiến bảo vật.

Kim chi sơ phát diệp: Cành vàng bắt đầu trổ lá.

Ngân thụ chính khai hoa: Cây bạc chính thức nở hoa.

Hai câu trên là đôi liên đặt hai bên bài vị, như để chúc tụng. Trong một kiểu bài vị khác, đôi liên trên được viết là:

Thổ năng sinh bạch ngọc (Đất thường sinh ngọc trắng)

Địa khả xuất hoàng kim (Đất khả xuất vàng ròng).

Như ý cát tường: tốt lành như ý muốn.

Nhất phàm phong thuận: thuận buồm xuôi gió.

Tứ quý bình an: bốn mùa bình an.

Hai câu chữ lớn ở chính giữa là danh hiệu của các Thần bản gia để thờ phụng:

"Ngũ phương Ngũ thổ Long thần

Tiền hậu Địa chủ Tài thần"

Ngũ phương Ngũ thổ Long Thần: năm vị Thần trấn năm hướng và năm vị Thần đất đai long mạch sấp đặt theo Ngũ Hành gồm: bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, và Trung ương.

Năm vị Thần Ngũ phương là: Hoàng đế (ở giữa), Bạch đế (hướng Tây), Hắc đế (hướng Bắc), Thanh đế (hướng Đông), Xích đế (hướng Nam).

Ngũ thổ Long thần là năm vị Thần long mạch coi về đất đai, bảo hộ cư dân làm ăn sinh sống.

Tiền Hậu Địa Chủ Tài thần: gồm hai vị: Tiền Địa Chủ Tài thần và Hậu Địa Chủ Tài thần.

Tiền Địa Chủ Tài thần là Thần tài của chủ đất trước. Thờ vị Thần này là có ý báo bốn tư nguyên, tức là báo đáp cái gốc, nhớ đến cái nguồn.

Hậu Địa Chủ Tài thần là Thần tài của chủ đất sau, tức là thờ vị Thần tài của chủ đất hiện nay.



Những cơ sở kinh doanh các ngành nghề đều có thờ Thần tài. Họ lập bàn thờ Thần tài lớn và trang nghiêm rực rỡ, chưng cúng hoa quả thường xuyên, cúng nước mỗi sáng mỗi chiều đều đốt nhang khấn vái để Thần tài luôn luôn phù hộ cho họ làm ăn phát tài. Trên bàn thờ, ngoài bài vị Thần tài còn có đặt phía ngoài hai tượng: tượng Thổ địa và tượng Thần tài.

Đạo Cao Đài không có chủ trương cấm đoán các hình thức tín ngưỡng dân gian như việc thờ cúng Thần tài, Thổ địa, Táo quân,... nhưng cũng không khuyến khích các việc ấy, vì các sự thờ cúng trên đều có tính cách mê tín, vị kỷ, cầu lợi lộc, tiền bạc cá nhân, đi sâu vào sự ràng buộc con người vào vòng vật chất, khó thoát khỏi luân hồi, trái với lẽ đạo là tu để cầu giải thoát, chứ không phải tu để cầu hưởng sự giàu sang danh vọng.

Giáo lý của đạo Cao Đài cho thấy rõ ràng, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều là những bậc sáng suốt, công bằng, vô tư, không biết ăn hối lộ của vật chất thế gian do người trần dâng cúng. Ai làm lành thì được thưởng, ai làm ác thì bị đọa, theo đúng "luật nhân quả" là luật công bằng thiêng liêng của Trời Đất. Sự giàu có không phải do van xin Thần Thánh, mà là do phước đức của mình tạo ra từ kiếp trước.

Một người nghèo khổ là do kiếp trước gây nhiều việc ác, tạo nhiều nghiệp xấu nặng nề, thì dù trong kiếp này có lạy cầu Thần Thánh đến đâu cũng không thể khá hơn được.

Thuở xưa, Đức Khổng Tử có dạy rằng:

Vì thiện giả, Thiên báo chi dĩ phúc,

Vi bất thiện giả, Thiên báo chi dī họa. Nghĩa là: Làm điều lành thì Trời báo đáp cho điều phước, làm điều chẳng lành thì Trời báo đáp điều tai họa. Đông Nhạc Đế Quân cũng có nói rằng:

Thiên Địa vô tư, Thần minh thời sát,
Bất vị tế hưởng nhi giáng phúc,
Bất vị thất lỗ nhi giáng họa. Nghĩa là: Trời Đất không tư vị, các Thần sáng suốt thường soi xét,

Không phải vì hưởng cúng tế mà xuống cho điều phước, không phải vì thất lỗ mà xuống cho điều tai họa. Kinh Sám Hối cũng có câu:

Thần minh chính trực có đâu tư vị.

Một nhân vật lịch sử là Phạm Lãi cũng được coi là Thần tài. Phạm Lãi là một trung thần của Việt Vương Câu Tiễn. Ông hết lòng giúp vua Việt Vương trong cơn hoạn nạn và phò tá vua Việt để bảo thủ vua Ngô Phù Sai.

Người Trung Quốc là cộng đồng được coi là sở trường về doanh thương nên tập tục thờ Thần tài đã trở nên quan yếu và phổ biến có phần lâu đời trong lịch sử tín ngưỡng. Ngược lại, người Việt là cư dân "dī nông vi bản" nên bảo thủ tập tục thờ thần Đất và tín lý phồn thực.

Đến cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20, thần Đất và Thần tài ở Việt Nam vẫn chưa khu biệt rõ. Trong Đại Nam quốc âm tự vị (Sài Gòn, 1895), tác giả Huỳnh Tịnh Của cất nghĩa Thổ thần và Tài thần đều là "thần Đất,

thần giữ tiền bạc" và đến tận bây giờ, Thần tài và Thổ Địa vẫn cứ được thờ chung như một cặp đôi bất khả phân li ở khắp nơi, từ văn phòng công ty, tiệm quán, tư gia... thậm chí ở trên nóc tủ bán thuốc lá lè lề đường. Và điều đáng chú ý là hình tượng vị Thần tài của người Việt, xét về mặt đồ tượng học, là một biến thể của Thổ địa phước đức chính thần của người Trung Quốc. Đây là bằng chứng chỉ ra một cách thức ảnh hưởng tín ngưỡng Trung Quốc đối với người Việt.

Trong thực tế, đối với người Trung Quốc, Thổ Địa cũng là một trong các Thần tài.

Nói cách khác, cũng do nông nghiệp chiếm vai trò quan trọng trong lịch sử nên đất đai cùng các loại nông phẩm từ đất sinh ra là thứ của cải, tài sản chủ yếu nên thần Đất cũng là Thần tài. Mặt khác, thần Đất có công năng là Thần tài là do thuyết ngũ hành tương sinh: Thổ sinh kim.

Điều cần lưu ý là tín lý về thần Đất của người Trung Quốc rất đa dạng, thậm chí là phức tạp, bởi chúng được quy chiếu theo những lý sự đa tạp khác nhau.

Ở các xóm người Trung Quốc cư trú tập trung (khu phố, con hẻm, đường phố...) có miếu thờ Thổ Địa Phước đức chính thần. Đồng thời ở các cơ sở thờ tự cũng thờ Thổ Địa Phước đức chính thần bảo hộ cho đền, miếu bên cạnh mông quan. Tại tư gia, vị thần Đất báu gia (được thờ ngay trước cửa, bệ thờ giản dị, đặt sát nền hiên) được định danh là Môn khẩu Thổ Địa tiếp dẫn Tài

thần. Vậy là công năng vị thần Thổ Địa này là tiếp dẫn tài lộc cho chủ nhà.

Chức năng kép của thần Đất được biểu thị rõ ở câu đối sau đây:

- Thổ sinh nhất kim, ngũ hành chúng trân quý.
- Địa trưởng vạn vật, tứ quý ca bình vinh.

Ngoài thần Đất được thờ tự để cầu tài, nhiều người còn thờ nhiều Thần tài khác.

Phổ biến và tôn quý nhất là Thần tài “Tài Bạch tinh quân”, “tinh quân” là ngôi sao trên thượng giới. Đây là vị thần thường thờ tự tôn kính ở các đền miếu. Tài Bạch tinh quân gồm 5 vị thần, chủ bộ Tài lộc thiên giới, do Kim long Như ý chánh nhốt Long hổ Huyền đàm chân quân (tức Triệu Nguyên Soái/Triệu Công Minh) đứng đầu và 4 phụ tá: Chiêu Bảo thiên tôn, Nạp Trần thiên tôn, Chiêu Tài sứ giả, Lợi Thị tiên quân.

Tài Bạch tinh quân có ngoại hình như một vị trưởng giả giàu có, mắt trắng râu dài, người mặc áo gấm thắt đai ngọc, tay trái ôm một thỏi Kim Nguyên Bảo (thỏi vàng mà người ta hay để chung nơi thờ Thần tài, tay phải ôm tờ giấy cuốn lại có in dòng chữ "Chiêu Tài Tiến Bảo".

Theo truyền thuyết ông vốn là Thái Bạch Kim Tinh trên thượng giới, chức tước là "Đô Thiên chí phủ Tài Bạch tinh quân" chuyên quản tiền tài vàng bạc của thiên hạ. Nên người ta hay đặt tượng ông nơi Tài vị.

Trên trời có Tài Bạch tinh quân, dưới đất cũng có Thần tài âm phủ. Hình tướng vị Thần tài này giống một phán quan, đen thui, trên đầu đội mũ ống cao, có dòng chữ "Nhất kiến phát tài". Vị Thần tài này đầu tiên thờ ở Điện Ngọc Hoàng và gần đây mới có mặt ở một số chùa. Tục truyền, trước đây, người ta đến cầu xin giải hạn: lấy vải thô trắng quấn quanh tượng và thi thoảng các tay cờ bạc mới đến cầu tài. Nay thì, vị Thần tài âm phủ này được nhiều người cầu cúng, vay tiền thiêng để đem về mua may bán đắt.

Kế đó là Thần tài Lưu Hải. Hình tướng vị Thần tài này thấy ở trên cột trước Tam sơn hội quán và trên bờ nóc Điện Ngọc Hoàng: một chàng trai trẻ, tay cầm một sợi dây ngũ sắc buộc một con cóc ba chân hay mang trên vai một sợi dây buộc những quả trứng với các đồng tiền vàng. Theo truyền thuyết Trung Quốc, Lưu Hải là tể tướng dưới triều Lương Thái Tổ (907 - 926). Ông từ quan ở ẩn, được Lữ Đồng Tân (một trong Bát tiên) truyền bí pháp luyện quặng vàng thành linh đan trường sinh bất tử. Truyền thuyết khác lại kể rằng, Lưu Hải là con trai một lái buôn. Ông đã câu được con cóc ba chân ở một cái giếng cạn, biểu thị cho việc phát tài (cóc có âm là "thiềm", đồng âm với "tiền"). Giới thương buôn thường thờ Lưu Hải, dán tranh vẽ trên hai cánh cửa tiệm, quán để cầu tài. Trong những năm gần đây, tượng cóc ba chân và miệng ngậm tiền được tạo hình độc lập (không gắn với Lưu Hải) được bày bán rộng rãi. Người ta mua về chưng ở nơi thờ Thần tài - Thổ Địa hay nơi trang trọng trong nhà để biểu thị cho việc cầu tài lộc.

Phổ biến không kém Lưu Hải là cặp nữ Thần tài Hòa Hợp nhị tiên. Hình tướng thường thấy của cặp Thần tài này là cô gái: một hài âm cầm bó hoa sen (sen: hè, hài âm "hòa") hay bó lúa (lúa: hòa); và bê một cái hộp (hài âm "hợp"). Cặp nữ Thần tài này là đề tài của điêu khắc gốm, chạm gỗ phổ biến của ngành công nghệ miếu vũ của người Trung Quốc. Thần tích là một truyền thuyết kể về hai chị em Hòa và Hợp buôn may bán đắt. Họ buôn món hàng gì cũng đắc lợi, kể cả những việc cố ý phá bỏ cũng phát tài. Ở Trung Quốc, Hòa Hợp nhị tiên là đối tượng sùng bái của những người sản xuất đồ gốm sứ, thợ nung vôi và người bán quạt.



Thần tài Triệu Công Minh

Bên cạnh đó còn có Thần tài Tam Đa Tinh. Nghe tên thì thấy lạ, nhưng thật ra đó là Phước Lộc Thọ Tam Tinh.

Phúc Tinh tay ôm đứa bé tượng trưng có con thì vạn sự đều phúc khí. Lộc Tinh mặc triều phục sắc sỡ, tay ôm ngọc như ý, tượng trưng thăng quan tiến chức, thêm tài tăng lộc. Thọ Tinh tay ôm quả đào trường thọ, mặt lộ vẻ hiền hòa, hạnh phúc tượng trưng cho an khang trường thọ. Trong 3 vị chỉ có Lộc Tinh mới là Tài thần, nhưng do xưa nay Tam vị nhất thể di chung không rời, nên người ta luôn làm chung tượng của 3 vị. Nếu đặt cả Tam Tinh vào tài vị thì cả nhà an vui, hạnh phúc, phúc lộc song thu.

Trên nóc bàn thờ Thần tài - Thổ địa, người ta thường đặt tượng của Di Lặc Phật Vương hay các câu chú Phạn tự (tượng trưng cho cơ quan chủ quản các Thần). Mục đích là để có sự quản lý, không cho các vị Thần làm điều sai trái.

Ở nước ta nói riêng, Trung Quốc và phương Đông nói chung, có rất nhiều truyền thuyết, điển tích về Thần tài. Nhưng phổ biến nhất là phong tục thờ Thần tài Triệu Công Minh, hai vị hộ thần và các tiểu thần dưới trướng của họ. Triệu Công Minh tên gọi là Lương, tên chữ là Công Minh, được phong là "Kim long như ý chính nhất long hổ huyền đàm chân quân", gọi tắt là Huyền đàm chân quân. Dưới trướng của ông có bốn tiểu thần gồm: Chiêu bảo thiên tôn Tiêu Thăng, Nạp trân thiên tôn Tấn Bảo, Chiêu tài sứ giả Đặng Cửu Công và

Lợi thị tiên quan Diêu Thiếu Tư (Sau gọi tắt tên bốn vị này là: Chiêu bảo, nạp trân, chiêu tài và lợi thương). Chính vì vậy Triệu Công Minh được coi là Thần tài; theo đạo giáo thì ông được phong làm Thần tài trừ gian diệt ác, trợ giúp người hiền lương nên cưỡi hổ đen, một tay cầm roi sắt, một tay mang châubáu.

Trải qua nhiều thế kỷ, tục thờ Thần tài ngày càng phổ biến và dân gian đưa thêm hai vị hộ thần của Thần tài là Văn thần tài Tý Can (có nơi lại coi Văn thần tài là Phạm Lãi) và Võ Thần tài Quan Công vào thờ cùng Thần tài Triệu Công Minh.

Hiện nay, các tượng thờ Thần tài thường có ba vị: Triệu Công Minh là Chính tài thần, bên phải có Võ tài thần Quan Công, bên trái có Văn tài thần Tý Can.

Một thuyết khác cho rằng tiểu thần dưới trướng Triệu Công Minh gồm: Bát nguyên mảnh tướng, Lục độc đại thần, Ngũ phương lôi thần, Ngũ phương xương bình và Nhị thập bát tướng. Nhiệm vụ chính của tài thần do Ngọc Hoàng giao là trừ gian diệt bạo, trừ bệnh trừ tai, duy trì công lí, chủ việc tiền tài, buôn bán...

Cũng có thuyết cho rằng, thờ Thần tài chính là thờ các vị thần bảo hộ gia đình, gồm: Hộ thần, Táo thần, Thổ thần, Môn thần, Hành thần; hoặc gọi là thờ Ngũ phương thổ địa tài thần hay Ngũ lộ tài thần (gồm các thổ thần ở đông bắc, đông nam, tây nam, tây bắc và trung cung).

Từ xuất xứ và tên gọi của Thần tài, khi thờ phụng cần sắm sửa hương đăng, phẩm quả, vàng mã, trầu

nước, rượu... Trong đó quan trọng nhất là có hai món thịt dê và cá.



Bàn thờ này thấy rõ văn - võ tài thần và ngũ lô tài thần

Văn khấn Thần tài cần thỉnh đủ các vị: Huyền đàm chân quân chính tài thần, Văn - Võ tài thần, Chiêu bảo thiên tôn, Nạp trân thiên tôn, Chiêu tài sứ giả, Lợi thị tiên quan, Bát nguyên mãnh tướng, Lục độc đại thần, Ngũ phương lôi thần, Ngũ phương xương binh, Nhị thập bát tướng, Ngũ lô tài thần, Hộ thần, Táo thần, Thổ thần, Môn thần, Hành thần đẳng vị.

Bàn thờ này cũng dùng 3 ngôi tiến bảo và 5 cái chén thể hiện thờ cả Ngũ lô tài thần.

Ngày đại lễ của Thần tài là ngày mồng năm tháng giêng hàng năm. Nghênh đón Thần tài bằng cách sắm

sửa lẽ vật. Đêm mồng bốn rạng ngày mồng năm tháng giêng, khi gà gáy canh ba thì bày mâm giữa nhà, mở toang cửa chính, cửa sổ, thắp hương tế bái để đón Thần tài phù hộ cho gia đình một năm nhân khang vật thịnh, ăn nên làm ra. Nhiều nơi ở Trung Quốc, lễ đón Thần tài diễn ra đến hết ngày mồng năm Tết âm lịch. Sau lễ tế trong gia đình, sáng mồng năm người ta đến các đền miếu, chùa chiền để nghênh đón Thần tài, cầu an cầu phúc lộc.

* Vị trí đặt bàn thờ Thần tài

Sách phong thủy có câu: "Bài vị thần phải tìm chỗ dựa ổn định", nghĩa là bài vị thờ thần cần phải có chỗ dựa chắc chắn, phải đặt nơi yên tĩnh không nên ồn ào. Dựa vào chỗ yên tĩnh ổn định thì thần linh mới ngồi được yên ổn để phù trợ cho cả nhà. Khi đặt bài vị thờ Thần tài, cần phải tránh 4 điểm dưới đây:

1. Không được hướng mặt vào phòng vệ sinh hoặc bếp.
2. Không được đặt sát cửa hoặc đặt ở phía trên thanh ngang cửa, vì chỗ đó luôn có người qua lại, không tu khí.
3. Không được ở gần đồ điện, đồ đạc linh tinh như ti vi, dàn âm thanh, tủ đựng giày,...
4. Không được để quá sát cửa sổ hoặc dựa vào cửa sổ (kể cả dưới cửa sổ, vì cửa và cửa sổ là những nơi khí lưu động).

Cần lưu ý sao xấu Ngũ hoàng lưu niêm có bay vào vị trí đặt bài vị thờ thần không, nếu không sẽ làm tăng

thêm khí hung do bày bài vị sai lầm, tiếp tay cho vận xấu đang phục săn ở đó.

Ngoài ra, có thể đặt tượng rồng xanh đã khai quang ở vị trí địa chủ long để nâng cao tài vận cho ngôi nhà.

Nếu quan sát và để ý một chút, ta thường thấy bàn thờ Thần tài - Thổ Địa xuất hiện phổ biến trong bất cứ đâu tại Việt Nam như các cửa hàng kinh doanh, các công ty - xí nghiệp hoặc các hộ gia đình.

Thần tài - Thổ Địa là một cặp 2 vị thần được thờ trong một cái tủ thờ, đặt ở dưới đất. Tủ thường làm bằng gỗ và có khi được sơn son thiếp vàng, phía trong khảm hoặc dán bài vị của Thần tài. Tủ thờ Thần tài - Thổ Địa đều đặt hướng thẳng ra phía cửa nhà, thường ở vị trí có vách dựa vào (để tạo sự vững chắc cho tủ thờ cũng như cho sự kinh doanh và cuộc sống của gia chủ). Người ta không chỉ cúng 2 vị thần vào ngày Tết, mà cúng quanh năm, nhất là những gia đình chuyên nghề buôn bán, kinh doanh thì người ta tin rằng chỉ khi nào lo cho các vị thần này chu đáo hàng ngày thì mới được các Thần phù hộ làm ăn thuận lợi "tiền vào như nước". Sáng sớm khi mở cửa bán hàng hoặc kinh doanh, người ta thường thắp hương cầu khấn Thần tài "phù hộ" cho họ mua may bán đắt, cúng cho Thổ Địa một ly cà phê đen kèm theo một điếu thuốc để ông "độ" cho trong ám ngoài êm.

Thần tài - Thổ Địa là một cặp thờ tuy về hình chỉ có 1 Thổ Địa và 1 Thần tài, nhưng mỗi một vị như vậy là đại diện cho 5 người. Với người Việt về Thần tài có: Hắc Thần tài, Thanh Thần tài, Bạch Thần tài, Xích Thần

tài Và Hoàng Thần tài là vị chủ chốt. Còn thần Thổ địa cũng có 5 ông: Đông phương Thanh Đế, Tây phương Bạch Đế, Nam phương Xích Đế, Bắc phương Hắc Đế và Trung ương Huỳnh Đế. Về hình thức bên ngoài thì Thổ địa thường bụng phệ, người trắng nõn, đẻ ngực tròn, đầu quấn khăn, tay cầm quạt và hay có con hổ đi theo. Cần phân biệt thần Thổ địa của Việt Nam và Phật Di Lặc. Phật Di Lặc mang bao bố hay cười tươi, có đồng tử đi theo. Hình ảnh Thổ địa còn khá quen thuộc trong đội múa lân, Thổ địa thường có vai trò cản trở Lân trong việc nhặt tiền thưởng hay quà cúng của gia chủ. Thần tài thường tay cầm cục vàng (kim ngân lượng) hoặc bạc, đội mũ mao, trang phục nghiêm chỉnh hơn Thổ địa.

Nếu như Thần tài người ta cúng hoa quả thì trái lại Thổ địa lại cúng chuối xiêm, thuốc lá hay cúng ly cà phê. Thông thường Thần tài được người Trung Quốc kính trọng và khấn vái nhiều, thì trái lại người Việt luôn luôn khấn vái Thổ địa. Vào ngày Tết, vai trò của Thần tài càng được xem trọng hơn. Người ta lo trang hoàng nhà cửa, sửa soạn cho ông sạch sẽ, nếu vị thần này đã quá cũ hay bị hư thì sẽ thỉnh vị mới về. Họ tin rằng năm mới, mọi thứ đều ngắn nắp và Thần tài có sạch sẽ thì làm ăn mới phát tài.

Nhìn vào cấu trúc bàn thờ Thần tài - Thổ địa đúng cách, từ ngoài nhìn vào ta thấy dán trên vách một tấm bài vị là một tấm màu đỏ được viết bằng mực nhũ kim với nội dung "Ngũ phương Ngũ thổ Long thần, Tiên hậu địa chủ Tài thần". Bên trái là ông Thần tài, bên phải là Thổ địa. Ở giữa hai ông là một hũ gạo, một hũ muối và một hũ nước đầy, 3 hũ này chỉ đến cuối năm mới thay.

Giữa bàn thờ là một bát nhang, bát nhang này khi bốc phải chọn ngày và theo một số thủ tục nhất định. Để tránh động bát nhang khi lau chùi bàn thờ, người ta dùng keo dán bát nhang xuống bàn thờ. Khi đang làm ăn tốt mà xê dịch bát nhang gọi là bị động bát nhang, mọi chuyện trở nên trục trặc liền. Theo nguyên lý "Đông bình - Tây quả", lọ hoa bên tay phải thường cắm hoa hồng, hoa cúc, hoa đồng tiền... đĩa trái cây bên tay trái - nên sắp ngũ quả (5 loại trái cây). Nên bỏ khay và xếp 5 chén nước thành hình chữ thập, tượng trưng cho ngũ phương, và cũng là tượng trưng cho ngũ hành phát sinh phát triển. Cúng 5 chén nước chứ không phải 3 chén cũng vì tượng trưng cho 5 ông Thần tài và 5 vị Thổ địa đã nói ở trên.

Ông Cóc (hình tượng rất đặc trưng trong văn hóa Việt) để bên trái, lưu ý là sáng quay ông Cóc ra, tối quay ông Cóc vào trong với mong muốn tiền của không bị trôi đi. Ngoài cùng trên mặt đất, nên chọn một cái tô sứ thật đẹp, nồng lòng, đồ đầy nước và ngắt những bông hoa trải trên mặt nước (làm Minh Đường Tụ Thủy) - một cách giữ tiền bạc khỏi trôi đi. Người miền Nam khi cúng Thần tài - Thổ địa, thường cúng kèm theo một đĩa tỏi có 5 củ tươi nguyên đẹp để hay nhiều khi là cả một bó tỏi. Họ cho rằng tỏi giúp cho thần Thổ địa có phuơng tiện để bài trừ "các đạo chích vong binh" ám muội vì người ám cũng có người tốt kẻ xấu giống người dương minh vậy. Ngoài ra, họ dùng bó tỏi đó để phòng chống các Tà sư làm ác, phá hoại bàn thờ của các gia đình bằng bùa, ngải. Tỏi có tác dụng tránh được điều đó (vì

người luyện bùa, ngải thường kiêng ăn Ngũ Vị Tân: hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu).

Trên nóc bàn thờ Thần tài - Thổ địa, người ta thường đặt tượng của Di Lặc Phật Vương hay các câu chú Phạn tự (tượng trưng cho cơ quan chủ quản các Thần). Mục đích là để có sự quản lý, không cho các vị Thần làm điều sai trái.



Tục thờ Thần tài - Thổ địa được người Trung Quốc truyền sang Việt Nam. Người Trung Quốc là cộng đồng được coi là sở trường về doanh thương nên tập tục thờ Thần tài đã trở nên trọng yếu và phổ biến trong lịch sử tín ngưỡng. Với người Trung Quốc, Thổ địa cũng là một trong các vị Thần tài. Do ngày xưa, nông nghiệp chiếm vai trò quan trọng trong lịch sử nên đất đai cùng các

loại nông phẩm từ đất sinh ra là thứ của cải, tài sản chủ yếu ngày xưa nên thần Đất cũng là một Thần tài. Mặt khác, thần Đất có công năng là Thần tài là do thuyết ngũ hành tương sinh: Thổ sinh Kim (đất sinh vàng bạc)... Có lẽ vì lý do đó mà đến tận bây giờ, Thần Thổ địa vẫn cứ được thờ chung như một cặp đôi bất khả phân li ở khắp nơi, từ văn phòng công ty lớn - nhỏ, cửa hàng bán lẻ, tư gia...

Khi lập bàn thờ thờ cúng Thần tài - Thổ địa cần lưu ý 4 đặc tính sau đây:

- Tuy bàn thờ để dưới đất, nhưng các vị này rất ưa chuộng sự sạch sẽ, sáng sủa. Vì vậy, trong quá trình thờ cúng, ta nên giữ cho các vị này luôn sạch sẽ bằng cách tắm rửa thường xuyên bằng nước sạch. Khi trời mưa to, nên bê Thần tài, Thổ địa, ông Cóc cho vào một cái thau sạch và để tắm mưa ngoài trời độ 15 phút. Sau đó mang vào lau khô, xịt nước thơm và thắp hương xin.

- Khi cúng Thần tài, Thổ địa, người ta thường cúng nhiều thứ, nhưng có lẽ các vị này thích nhất là đồ ngọt, thịt quay, bánh hỏi, chuối, bưởi... Nên mua tiền giấy cúng riêng Thần tài - Thổ địa , người ta làm sẵn cả một bộ, trong đó có tiền quý nhân (âm và dương - tức là những tờ giấy gấp đôi màu đỏ có đục những hình Thần tài khắc bề mặt).

- Cách thắp nhang: Khi mới lập bàn thờ, ta nên thắp nhang liên tục trong 100 ngày để bàn thờ tụ khí. Tuyệt đối không vì sợ tốn điện mà tắt đèn trên bàn thờ, vì những ngọn đèn đó giống như những ngọn hải đăng dẫn đường cho các vị giáng xuống trần. Trong 100 ngày

đó mỗi sáng chỉ cần thay nước và thắp một nén nhang. Những lúc cần cầu xin điều gì thì thắp 3 nén cắm theo hàng ngang. Những ngày rằm, mồng một, lỗ, Tết thắp 5 nén theo hình chữ thập. Nên chọn loại nhang cuốn tàn (giữ được tàn), sau một thời gian sẽ có bát nhang rất đẹp và tụ khí rất tốt. Chỉ đến ngày 23 tháng chạp mới rút chân nhang (khi bát nhang quá đầy chân nhang) và đem hóa cùng tiền giấy. Khi hóa xong nhớ đổ một chút rượu vào đám tro.

- Không để hoa, lá héo úa trên bàn thờ vì khi đó dẫn đến làm ăn khó khăn.

Nguyên tắc đặt bàn thờ Thần tài - Thổ địa là từ bàn thờ Thổ địa và Thần tài phải quan được hết sự vào ra của khách. Có thể đặt theo hướng tốt của chủ nhà, có thể đặt theo cách hứng lấy dòng khí bên ngoài khi vào nhà. Hoặc dùng phương pháp Điểm Thần Sát để tính, chọn lấy các cung Thiên lộc, Quý nhân để đặt vị trí bàn thờ.

Thiên lộc: Lộc là phương Lâm quan của Tuế Can, tính của Ngũ hành, Lâm quan tói cát. Lâm quan là thời đương thịnh, đang lên phơi phới, là đúng Đạo sinh thành, gần tới Vượng mà là Lộc, bởi đã Vượng thì Thái quá. Lộc là cách có Lộc ra chính môn. Nhà có cách này là cát khánh, rất tốt. Lộc ra chính Môn sẽ đem lại nhiều may mắn về tiền bạc, gia sản thăng tiến, điền trang vượng. Thường sinh người béo tốt, thông minh, tuấn tú lại khéo léo, tài năng kinh doanh giỏi, làm ăn tiến phát. Tuy nhiên cũng cần phải lánh xa Sinh - Vượng Lộc, tránh không vong tử. Nếu Mộ, Không vong, Tử, Tuyệt

thì Khí tán, không tụ, là vô dụng. Có Lộc cũng như không. Tài sản dù có như nước, rồi cũng tiêu tan hết. Đó gọi là Tuyệt Lộc. Nếu gặp Thai Khí thì mặc dù vẫn phát đạt, nhưng con trai tài hoa mà kiêu ngạo, con gái nhỏ thì khả ái nhưng ngỗ nghịch. Trong gia đình hay sinh nội loạn, cãi vã cả ngày ôn ào khiến mọi người bất an. Lộc cung là Cát cung, vì vậy ngoài cách đặt cửa chính ra, còn có thể đặt cửa phụ, nhà bếp, phòng khách, phòng làm việc, bàn thờ, giường ngủ. Tất cả được Lộc đều tốt. Tuy nhiên Lộc phải cư đúng cung tài, là Lộc cư Lộc, mới thật là đắc cách, mới thật sự tốt đẹp.

Quý nhân: Quý nhân Thiên ất là vị Thần đứng đầu cát Thần, hết sức tinh mà có thể chế ngự được mọi chấn động, chí tôn mà có thể trấn được phi phù.

Nhà có chính môn ra Quý là Đại cát khánh, Gia đạo bình an, hòa thuận, hỉ Khí đầy nhà, luôn gặp may mắn. Quý nhân là sao cứu trợ, là Thần giải tai ách, nên nhà ra Quý nhân là gặp việc có người giúp đỡ, gặp ách có người giải cứu, gặp hung hóa cát. Sự nghiệp hiển vinh, công danh thành đạt, dễ thăng quan, tiến chức, học hành thi cử nhất nhất đều tốt đẹp. Quý nhân gặp Sinh, Vượng, thường sinh người hiếu lễ, khôi nguyên, tướng mạo phi phàm, tính tình nhanh nhẹn, lý lẽ phân minh, không thích những điều vặt vãnh, thẳng thắn mà ôn hòa, khôi ngô tuấn tú. Nếu ngộ Không vong, Tử, Tuyệt thì nguồn Phúc giảm đi nhiều, hoặc nếu có mắc nạn cũng khó tránh, bởi nguồn cứu giải kém hiệu lực, người và gia súc bị tổn thất, kiện cáo, thị phi. Lại hay sinh người tính tình cố chấp, bảo thủ mà suốt đời vất vả, không nén người. Quý nhân ra Thai khí, nếu lại ngộ

Đào hoa thì nam, nữ tuy thông minh, tuấn tú, nhưng nam thì hiếu sắc, nữ thì dâm đãng, làm bại hoại gia phong, lại hay mắc bệnh tật và trong nhà dễ có người tự vẫn vì tình. Quý nhân là Cát khí rất tôn quý, nên thuộc cung nào cũng rất tốt, ngoài cách đặt cửa chính ra còn có thể đặt cửa phụ, nhà bếp, phòng khách, phòng làm việc, bàn thờ, giường ngủ đều tốt. Đặc biệt bàn thờ đặt trên cung có âm Quý nhân là đại cát khánh, như vậy sẽ được âm linh phù trợ.

Nhưng muốn đặt như thế nào thì trước mặt bàn thờ phải quang đãng, sạch sẽ (Không như nhiều người nghĩ và đặt bàn thờ vào gầm, vào chỗ tối tăm). Ông Địa và Thần tài tuy thờ dưới đất nhưng tính rất thích thơm tho, sạch sẽ. Thường nên để sẵn một lọ nước hoa, lâu lâu lại xịt vào bàn thờ cho thơm.

* Vị trí đặt Thần tài để sinh tài

Những người kinh doanh mua bán đều rất quan tâm đến việc sinh vượng và cách đặt Thần tài. Phương vị này còn được gọi là "tài vị", nó khác với phương Chính Thần trong Huyền Không học. Có 3 thuyết nói về phương vị này khác nhau:

- Thuyết thứ nhất là theo trường phái Huyền Không, chọn phương Chính Thần làm phương của Tài vị.

- Thuyết thứ hai là theo Phi Tinh của Huyền Không, cho rằng phương của Tam Bạch phi mới là phương của Tài vị. Tam Bạch chính là: Nhất Bạch, Lục Bạch và Bát Bạch.

- Thuyết thứ ba là chọn phương chéo với cửa ra vào làm phương Tài vị.

Thông thường người ta thường chọn theo thuyết thứ 3. Hai thuyết nói trên cũng có lý nhưng không thích hợp lắm. Nếu một lúc nào đó Vương Khí Chính Thần hay Tam Bạch Tinh phi đến phương vị cửa, chẳng lẽ đem Tài thần đặt ở đấy? Huyền Không Phi Tinh có nhiều điểm rất hay, nó có thể giải thích các hiện tượng động đất, sụp lở, hỏa hoạn, trộm cướp, chết người, bệnh tật, làm ăn thua lỗ mà các trường phái Bát Trạch Minh Cảnh và Dương Trạch Tam Yếu không thể giải thích thỏa đáng. Vì các trường phái kia thuộc tĩnh, các phương vị, an sao đều cố định nên gặp tai nạn thì không thể nói được khi nhà và Sao đều vẫn tốt so với mạng gia chủ như lúc đầu. Còn trường phái Huyền Không thì các Phi Tinh luân chuyển, khó có được năm tháng ngày giờ trùng Sao lại như nhau (năm và tháng còn có thể nhung thêm ngày và giờ thì rất hiếm hoi). Lại thêm khi các sao đi đơn lẻ thì khác, đi kèm với Sao khác thì có thể ý nghĩa biến đổi, hoặc còn ảnh hưởng với Sao của Trạch Vận khác nhau mà cho kết quả khác nhau, Thiên hình vạn trạng. Sự huyền diệu của Phi Tinh là vậy, nhưng không phải lúc nào cũng cứng nhắc các Vương Khí, Phi Tinh vào Dương Trạch, phải biết lúc nào áp dụng phương pháp nào cho thích hợp. Không phải vô tình mà người ta bố trí bàn làm việc nơi góc chéo với cửa ra vào, bởi nó là nơi tập trung quyền lực trong 1 căn phòng.

Tại phương Tài vị này, người ta thường đặt các cây xanh lá to hay các tượng Thần tài. Phương Tài vị này có một số điều nên và không nên như sau:

* Các điều nên ở Tài vị:

- Nơi phương Tài vị nên sáng sủa, quang minh, không thể để tối ám. Sáng là năng lượng Dương, thích Hợp với Dương Khí. Sinh Khí không ưa nơi tối tăm, nên phương này tuyệt đối không nên để tối, nếu thiếu ánh sáng tự nhiên thì nên lắp thêm đèn.

- Nơi phương Tài vị nên có Sinh Cơ, tức là chỉ nơi đây thiết bày cây xanh là tốt, phải nhớ là trồng loại cây luôn luôn xanh tươi. Nhất là các loại cây trồng bằng đất bùn (nê thô), không thích hợp các loại cây trồng trong nước. Nên kiểm các loại cây lá to, dày, lá xanh mài như cây Vạn Niên Thanh chẳng hạn.

- Nơi phương Tài vị tốt nhất nên đặt bàn ngồi ở đấy, để cả nhà thường xuyên được hít thở không khí của Tài vị hay nói cách khác là được thấm nhuần nguồn Tài khí nơi đó, sẽ giúp ích cho Tài Vận người trong nhà.

- Nơi phương Tài vị nên đặt vật hay biểu tượng Cát lành. Bởi phương này là nơi vượng khí ngưng tụ, nếu ta đặt thêm một biểu tượng Cát lành thì tốt càng thêm tốt, như gốm thêu thêm hoa vây.

* Các điều kỵ của Tài vị:

- Nơi phương Tài vị tối kỵ đặt các vật nặng như tủ sách, kệ sắt, máy móc nặng sẽ làm tổn hại đến Tài Vận của phòng đó.

Nơi phương Tài vị tối ky "Thuỷ". Đấy cũng là lý do vì sao lại nói nơi đây không thích hợp cho các loại cây trồng trong nước. Vì nơi đây là Cát Thần tọa vị, nay ta đem nước đến là Cát Thần lạc Thủy không phù hợp.

- Nơi phương Tài vị phía sau nên có tường che chắn, không thể trổ cửa.

- Nơi phương Tài vị tối ky bị các vật nhọn xung xạ đến như cạnh bàn, cạnh tủ... sẽ làm tổn hại Tài Khi nơi đó.

- Nơi phương Tài vị là nơi Cát Thần tọa vị nên đại ky ô uế, dơ bẩn. Vì vậy không thể để vật ô uế, bụi bặm nơi đây.

- Nơi phương Tài vị không nên để tối tăm, vì u tối thì sinh khí không sinh sôi được, sẽ ảnh hưởng đến tài vận, sinh kế.

* *Những điều cần lưu ý khi đặt bàn thờ Thần tài*

Phương vị đặt bàn thờ Thần tài có ảnh hưởng mang tính quyết định đến hiệu quả chiêu tài và vận hội của người thờ phụng. Khi đặt bàn thờ Thần tài, các gia đình, cửa hiệu, công sở... đều mời thầy phong thủy, thầy chùa hoặc thầy cúng sám lễ phong hương, chỉ định vị trí đặt bài vị, tượng thờ... Chính vì thế nhiều khi đặt sai quy cách. Xin giới thiệu một số điểm cần lưu ý khi đặt bàn thờ Thần tài để bạn đọc tham khảo.

Bàn thờ Thần tài nhất định phải đặt ở vị trí tốt đối với mệnh cung phong thủy của người thờ phụng. Nếu kết hợp được cả vị trí sinh khí của mệnh cung phong thủy và góc chiêu tài của nhà ở hoặc cửa hiệu, công sở...

là tốt nhất. Bàn thờ Thần tài không nhất thiết phải đặt dưới đất, trong góc nhà. Nếu chẳng may đặt nhầm vị trí xấu sẽ ảnh hưởng đến tài vận và vận khí của cả gia đình hoặc cơ quan đơn vị, dễ bị phá sản, hao tán tiền bạc hoặc chuyện thị phi.

Tượng Thần tài cần để hướng vào trung cung hoặc hướng vào góc chiêu tài của căn nhà, không thể hướng ra ngoài. Thờ Thần tài với mục đích chủ yếu là trừ tà ma, hướng thiện và chiêu tài, nếu thần hướng ra ngoài sẽ không lợi về mục đích chiêu tài, thậm chí hao tán tài sản. Nếu nhà của bạn đã thiết kế đúng phong thủy, đương nhiên cửa chính và hướng của ngôi nhà đã là nơi nghênh tài, đón vượng khí (hướng nhà chủ về tài vận, tọa sơn nhà chủ về nhân định). Bởi vậy Thần tài không phải quay ra ngoài để đón tài vận, mà quay vào trong để đem tài vận đến.

Có thể thờ Thần tài cùng với ba vị Phúc - Lộc - Thọ tinh và Tài bạch tinh quân; hoặc kiêm thờ Ngũ lộ tài thần, thổ thần... Thực tế, Thần linh, Thổ địa, Táo quân, Thành hoàng bản thổ, các thần giữ cửa, bảo hộ gia đình... đều có thể thờ cùng Thần tài; bản thân các vị thần này cũng là những người phù hộ cho gia chủ.

Thần tài và các vị tài tinh đều thuộc dòng tiên thánh, nên đồ thờ cần nhất là thanh nhã, thuần chất. Nên dùng lư hương đồng (đồng Việt Nam là tốt nhất, vì nó thuần chất, không phải đồ công nghệ như của Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông...), đèn ống sáng trắng; đồ lễ chủ yếu là hương hoa, phẩm quả tươi, thiên về vị ngọt, màu vàng.



Tượng Ngũ lô tài thần

Khi thắp hương cúng tế phải thỉnh mời lần lượt, đủ tên các vị thần trong hệ thống Thần tài, các tiểu Thần tài, Thổ địa, bản gia Táo quân...

4. Cách thiết lập bàn thờ Táo quân

* *Tín ngưỡng thờ Táo quân*

Người Việt quan niệm ba vị Thần Táo định đoạt phước đúc cho gia đình, phước đúc này do việc làm đúng đạo lý của gia chủ và những người trong nhà. Trước khi

tìm hiểu về cách lập bàn thờ Táo quân, chúng ta cùng tìm hiểu về phong thủy nhà bếp để giải thích thêm một số điều mà nhiều người chưa rõ.

Theo tài liệu "Dương trạch tam yếu" có nói: cửa chính, phòng ngủ chủ nhân và bếp nấu là 3 nhân tố quyết định lành dữ của nhà ở. Trên thực tế bếp là nơi nấu nướng phục vụ ăn uống, nếu không chú ý thì khả năng "Bệnh tòng khẩu nhập" (Bệnh thâm nhập từ đường ăn uống) khó đảm bảo bình an cho gia đình. Bếp là nguồn nuôi sống người, vạn vật sống được là nhờ ăn uống vì thế rất coi trọng bếp nấu.

Trong phong thủy của nhà bếp, phương vị lành dữ của bếp chia làm hai loại phương vị:

Loại 1 cho người có Đông tứ mệnh, loại 2 cho người có Tây tứ mệnh, tương ứng với phương vị là Đông tứ trạch và Tây tứ trạch.

Trạch là nhà ở và đất, mệnh là mạng. Trong sách "Bát trạch minh kinh" có nói: "Nếu cửa bếp đặt quay hướng lành thì gia đình nhanh có phúc lộc". Cửa bếp gọi là hỏa môn tức là cửa đốt lửa. Như vậy phải đặt bếp ở cung xấu, quay về hướng tốt. Trong 8 phương vị ở mỗi mạng người có 4 cung tốt và 4 cung xấu, ví dụ người có mạng Tốn: Bếp tọa ở Tây nhìn về hướng Đông, như vậy bếp đặt trên cung "lục sát" nhìn về cung "duyên niên", nên phù hợp "Tọa hung hướng cát" chủ nhà được phúc lộc, khang vinh, vợ chồng thuận hòa.

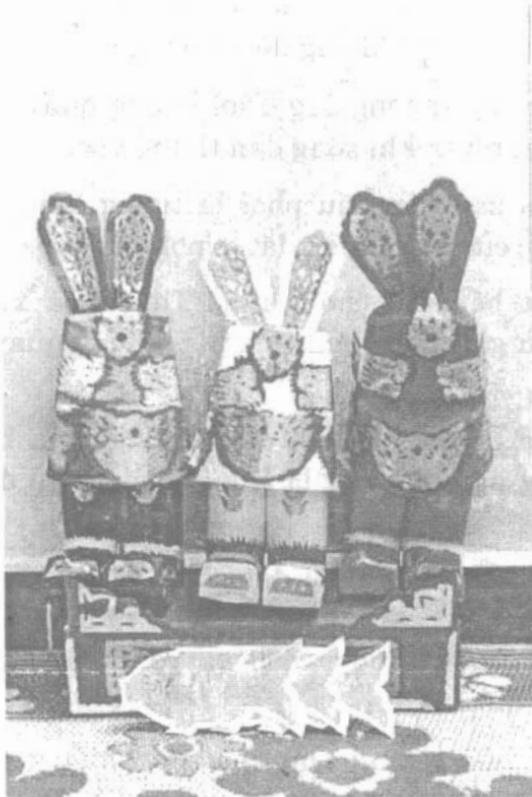
Nói về hũ gạo trong bếp: được xem như kho gạo, gạo từ lúa là cây trồng từ đất thuộc "Thổ", nên đặt ở phương vị thổ là rất tốt (Đại lợi). Đã là nhà ở hướng

mộc, vì mộc khắc thổ nên hũ gạo không đặt hướng đó. Tức là đặt ở hướng Tây Nam và Đông Bắc (Thổ) là tốt nhất, chứ không nên đặt ở hướng Đông và hướng Đông Nam (Mộc) và đặt nơi kín đáo trong khu bếp.

Một số điều kiêng kỵ trong khu bếp:

- Bếp nấu không đặt ngược với hướng nhà (Có nghĩa là người nấu không nên quay mặt ra cửa chính).
- Cửa bếp (miệng ông Táo) không quay ra cửa vào nhà bếp tránh tà khí xông dâng thẳng vào.
- Phía sau bếp nấu phải là tường kín, không nên đặt cửa sổ, cửa sổ chỉ nên đặt ở một bên bếp.
- Đặt bếp sao cho tránh "Thủy hỏa xung khắc" không nên gần nước quá, cửa bếp không quay ra giếng nước.
- Cửa bếp không đối diện phòng ngủ, bếp không gần phòng ngủ đặc biệt là trong phòng ngủ đặt giường gần bếp.
- Cửa bếp không đối diện khu vệ sinh, vì bếp đặt hướng xấu quay về hướng tốt, còn khu vệ sinh đặt ở hướng xấu, nên thường bếp và vệ sinh kề nhau chứ không đối diện nhau.
- Bồn nước trong khu bếp: Có nhiều trường phái phong thủy cho rằng nước trong nhà bếp là điều kỵ bởi vì "Hỏa" khắc "Thủy" nhưng cũng có một số trường phái cho rằng trong bếp phải có việc nấu cơm, muốn nấu được cơm thì cần phải có nước. Vì vậy nếu đặt bồn nước để lấy nước đúng vị trí thì đem lại sự an lành thịnh

vượng cho gia chủ. Bồn nước có thể là một số nước sạch đặt ở vị trí ở trong ang nước. Bồn nước đặt ở phương vị tốt ở khu bếp, sẽ đem lại hiệu quả tức thời, sách phong thủy gọi là lấy nước gọi rồng (Thủy dẫn Long). Dĩ nhiên nếu bồn nước đặt ở phương vị tốt thì không thể quá gần bếp được.



Người xưa xem: y, thực, hành (Ăn, mặc, ở, đi lại) là 4 yếu tố không thể thiếu, trong phong thủy học dương trạch xem sự lành dữ của nhà bếp chiếm một vị trí rất

quan trọng. Ngày nay nhiều gia đình vẫn còn theo phong tục xưa mà làm, thờ Táo quân ở nhà bếp.

- Có nhiều câu chuyện thêu dệt xung quanh câu chuyện Thần Táo, người Trung Quốc đã thờ Thần Táo khá lâu từ đời nhà Hạ, Thương, Chu. Tại Việt Nam ta, tham quan những căn nhà truyền thống cũng cho thấy người dân cũng có tục lệ thờ Táo quân tại bếp khá lâu.

Quan niệm xưa cho rằng Thần Táo cai quản việc bếp núc, công việc chủ yếu của Táo quân là thay trời giám sát việc thiện, ác tại mỗi gia đình, hàng năm vào dịp 23 tháng chạp ông Táo về thiên đình để báo cáo với Ngọc Hoàng mọi việc. Ngoài ra Táo quân còn là Thần hộ trạch (giữ nhà), không cho tà ma vào nhà gây rối cho gia đình.

* Vị trí đặt bàn thờ Táo quân

- Đặt bàn thờ Táo quân thường là ở bên trên bếp nấu (gọi là trang thờ), có nhà thường thì trình trọng lập bàn thờ, nên đặt ở hướng Nam vì rằng ông Táo thuộc "Hỏa" mà Thiên tử cổ đại lại đặt tế Táo vào mùa hạ, nên Táo quân cần đặt hướng Nam "Hỏa" vượng. Trên vách bàn thờ có câu liễn "Đinh phúc Táo quân". Đối với những nhà có thờ Táo quân người ta thường tế Táo vào cuối năm. Trong lễ tế Táo có rượu, đường. Rượu để Táo quân uống say để Táo quân báo cáo không tì mỉ những sai sót của gia đình. Đường để Táo nói nhiều lời tốt cho gia đình. Có nhà thì cúng bánh trôi, cá chép. Ở Việt Nam thì ngày 23 tháng chạp cúng cá chép đưa ông Táo về trời, là điều hay vì ở nước ta có nhiều truyền thuyết cá chép hóa rồng.

Việc bài trí, sắp xếp của khu bếp ngăn nắp, đúng phong thủy sẽ làm cho chất lượng cuộc sống nâng cao. Trước đây người ta chỉ mong ăn no, mặc ấm, sau thì ăn, ngon, mặc đẹp; đến nay kinh tế phát triển đời sống khá lên, người ta ăn kiêng, mặc mốt. Khu bếp trong một gia đình phản ánh toàn bộ sinh hoạt, văn hóa của ngôi nhà đó nhìn vào khu bếp ta có thể đánh giá được tính cách của chủ nhân. Dù việc bài trí có như thế nào, có đúng phong thủy hay không, thì việc làm "đẹp" cho khu bếp phản ánh nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội hiện đại.

Có vài điều cần hiểu rõ thêm về hai điểm chính trong nhà bếp hiện nay. Người thì ngày càng đông, đất thì ngày càng hẹp dần do đó nhà ở của chúng ta có phần chật hẹp hơn. Nếu trường hợp nhà bếp của chúng ta quá chật chội thì phải làm thế nào cho phong thủy tốt hơn. Cái đầu tiên mà các bạn phải dùng đó là chuông gió (phong linh), treo ở phía trên trần nhà để tạo ra âm thanh ảo. Phía vách tường nên đặt vài tấm gương soi để tao ra không gian bếp thật rộng rãi. Theo người Trung Quốc người ta coi phần nhà bếp là rất quan trọng vì nó là cái kho đựng của cải của gia đình. Vì vậy chúng ta nên sử dụng hai phần vật khí ao.

Còn một việc nữa cho phong thủy của nhà bếp đó là vị trí trang thờ của ông Táo. Tuy có người thờ cúng nhưng họ không để ý về việc này, để khu vực nhà bếp quá dơ bẩn, trong khi đó chỗ nấu ăn là nơi rất cần sự sạch sẽ, an toàn vệ sinh thực phẩm. Xưa người ta đã ví ra một câu: "Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon".



Nên đặt vị trí bàn thờ Táo quân về hai hướng căn bản nhất đó là hướng tốt phù hợp với gia chủ hoặc hương nam (100% hỏa). Nếu trường hợp bàn thờ của Táo quân quay mặt đối diện với khu vệ sinh thì các bạn chuyển sang một phương vị khác cho thích hợp. Vì bàn thờ không thể đối diện với nhà vệ sinh được, bất kì bàn thờ nào cũng vậy.

Táo quân thường xem xét tội phước của mọi nhà. Mỗi tháng vào ngày 30 âm lịch, ông Táo chép các việc làm lành dữ của mọi nhà để tâu lên thiên đình dâng

trời thường phước hoặc giảng hòa, báo ứng nên gọi là: "bị họa tội làm ác, hưởng phước nhờ làm lành". Nếu trong nhà chẳng an, phần nhiều cạp gỗ nồi chảo trên bếp, làm dơ ráy ông Táo mà mình chẳng biết. Vì vậy nên thực hiện những điều trên, tự nhiên tiêu tai, hưởng phước trong nhà, sớm chiều đỡt nhang trước ông Táo và giữ sạch sẽ luôn luôn thì mọi việc sẽ tốt đẹp. Trang thờ và bài vị của ông Táo nên đem vào chùa nhờ sư thầy làm ấn định khai hoang nhập tượng cho hiện linh.

Trang thờ của ông Táo gồm: 1 bài vị, 3 chung nước (chén uống rượu), 1 bình hoa, 2 bóng đèn thờ, một đĩa trái cây nhỏ, một chung đựng gạo và một chung đựng hạt đậu đỏ.

Tùy theo trang thờ lớn nhỏ mà các bạn thiết kế, sắp xếp cho đẹp mắt. Người làm nội trợ gia đình và nhất là phụ nữ cần chú ý tới việc này.

* *Nghi lễ cúng Táo quân:*

Theo tục cổ truyền của người Việt thì Táo quân gồm hai ông và một bà, tượng trưng là 3 cỗ "đầu rau" hay "chiếc kiêng 3 chân" ở nhà bếp. Vào ngày này, Táo quân sẽ lên thiên đình để báo cáo mọi việc lớn nhỏ trong nhà của gia chủ với Thượng Đế. Táo quân cũng còn gọi là Táo công là vị thần bảo vệ nơi gia đình mình cư ngụ và thường được thờ ở nhà bếp, cho nên còn được gọi là Vua Bếp. Vị Táo quân quanh năm chỉ ở trong bếp, biết hết mọi chuyện trong nhà, cho nên để Vua Bếp "phù trợ" cho mình được nhiều điều may mắn trong năm mới, người ta thường làm lễ tiễn đưa ông Táo về chầu Trời rất trọng thể. Lễ vật cúng Táo công gồm có:

mū ông Công ba cỗ hay ba chiếc: hai mū đàn ông và một mū đàn bà. Mū dành cho các ông Táo thì có hai cánh chuồn, mū Táo bà thì không có cánh chuồn. Những mū này được trang trí với các gương nhỏ hình tròn lóng lánh và những dây kim tuyến màu sắc sặc sỡ. Để giản tiện, cũng có khi người ta chỉ cúng tượng trưng một cỗ mū ông Công (có hai cánh chuồn) lại kèm theo một chiếc áo và một đôi hia bằng giấy. Màu sắc của mū, áo hay hia ông Công thay đổi hàng năm theo ngũ hành. Thí dụ:

- + Năm hành kim thì dùng màu vàng
- + Năm hành mộc thì dùng màu trắng
- + Năm hành thủy thì dùng màu xanh
- + Năm hành hỏa thì dùng màu đỏ
- + Năm hành thổ thì dùng màu đen

Những đồ "vàng mã" này (mū, áo, hia, và một số vàng thoi bằng giấy) sẽ được đốt đi sau lễ cúng ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp cùng với bài vị cũ. Sau đó người ta lập bài vị mới cho Táo quân.

Theo tục xưa, riêng đối với những nhà có trẻ con, người ta còn cúng Táo quân một con gà luộc nữa. Gà luộc này phải thuộc loại gà cồ mới tập gáy (tức gà mới lớn) để ngụ ý nhờ Táo quân xin với Ngọc Hoàng Thượng Đế cho đứa trẻ sau này lớn lên có nhiều nghị lực và sinh khí hiên ngang.

Ngoài ra, để các ông và các bà Táo có phuong tiện về chầu trời, ở miền Bắc người ta còn cúng một con cá

chép còn sống thả trong chậu nước, ngu ý "cá hóa long" nghĩa là cá sẽ biến thành rồng đưa ông Táo về trời. Con cá chép này sẽ "phóng sinh" (thả ra ao hồ hay ra sông sau khi cúng).

Ở miền Trung, người ta cúng một con ngựa bằng giấy với yên, cương đầy đủ. Còn ở miền Nam thì đơn giản hơn, chỉ cúng mũ, áo và đôi hia bằng giấy là đủ.



Tùy theo từng gia cảnh, ngoài các lễ vật chính kể trên, người ta thường làm lễ mặn (với xôi gà, chân giò luộc, các món nấu nấm, măng...) hay lễ chay (với trầu cau, hoa, quả, giấy vàng, giấy bạc...) để tiễn Táo quân.

Sự tích Táo quân bắt nguồn từ Trung Hoa, truyện đã được "Việt Nam hóa" với nhiều tình tiết khác nhau. Tuy nhiên, các câu chuyện vẫn nói lên "tình nghĩa yêu thương" giữa một người vợ và hai người chồng cũ và

mới. Chính vì những mối ân tình đó mà ba người đều đã quyên sinh vì nhau. Thượng đế thông cảm mối tình sâu nghĩa đậm này đã cho về bếp núc ở gia đình... Bài vị thờ Táo quân thường được ghi văn tắt là "Định Phúc táo Quân" nghĩa là thần định mọi sự hạnh phúc.

5. Cách thiết lập bàn thờ Thiên

Ngoài bàn thờ Gia tiên, bàn thờ Thần tài, bàn thờ Phật, có một loại bàn thờ nữa là bàn thờ Thiên. Nếu có dịp ra ngoại ô thành phố hay về các vùng quê, vào thăm một gia đình nông dân, bạn thường thấy trước sân nhà, hoặc ngay trước hiên nhà một bàn thờ nhỏ, đơn sơ, không cầu kỳ. Người dân gọi đó là bàn thờ Thiên.

Bàn thờ Thiên được cấu tạo bằng một tấm ván vuông có cạnh khoảng 40cm (hình vuông tượng trưng cho đất - đất thuộc âm), đặt trên một trụ gỗ tròn (hình tròn tượng trưng cho Trời - Trời thuộc dương). Bàn thờ Thiên mộc mạc, rêu phong đã thể hiện triết lý âm dương của người Việt. Biểu tượng vuông tròn - một biểu tượng có truyền thống lâu đời của người Lạc Việt. Có vuông có tròn tức là có âm có dương. Nói vuông tròn là nói đến sự hoàn hảo và những điều tốt đẹp. Bởi đó, thành ngữ Việt Nam có câu: "Mẹ tròn con vuông". Theo nhịp sống hiện đại, người ta cũng có thể thay thế tấm ván bằng một tấm đan, trụ gỗ thay bằng trụ đúc bê tông và được lát gạch men đẹp đẽ. Bàn thờ không cao lắm, từ mặt đất cho tới mặt bàn thờ cao khoảng 1,5 mét. Trên mặt bàn thờ, người ta đặt một bát nhang, một bình hoa, một chén nước lã hay một ly rượu để nhỏ. Những cành hoa tươi thắm được trồng trong mảnh vườn

cạnh nhà, những nén nhang toả hương trầm ngào ngạt nghi ngút và một chén nước tinh khiết, tất cả là những lễ vật biểu hiện lòng thành kính của người dân dâng cúng trời. Mỗi sáng - chiều, gia trưởng hoặc bất cứ thành viên nào trong gia đình đứng trước bàn thờ Thiên khấn vái bốn phương trời, muối phương đất, miệng lâm râm cầu khấn trời ban phước cho “gia môn khang thái, phước lộc thọ thành” và không quên nhớ tới tiên tổ, ông bà, cha mẹ. Nghi thức tế trời thật đơn giản, không trống phách âm ī. Bàn thờ Thiên là nơi nối kết con người với trời đất, với thiên nhiên và với mọi người.

Bàn thờ Thiên và nghi thức tế trời của người dân mang đậm tính mộc mạc, giản dị, chân thành của đất phương Nam. Người Nam bộ nói riêng và người Việt nói chung đều gần gũi với đất với trời. Thờ kính trời như một “đáng tối cao”, giải bày tâm hồn mến tin nơi trời, phó thác cuộc sống riêng tư và gia đình nơi trời hằng quan tâm đến cuộc sống của người dân:

“Nhờ trời mưa gió thuận hoà
Nào cày, nào cấy trẻ già đua nhau”

Người dân không chỉ đơn thuần tương giao với đất trời mà quên đi mối tương quan với tha nhân. Người dân Việt vốn sống là sống với nhau, cho nhau và vì nhau. Tình cảm ấy bắt nguồn từ chiếc nôi gia đình. Lòng hiếu thảo với cha mẹ, việc thờ kính gia tiên là truyền thống ngàn năm văn vật của người dân xứ Việt đã đi vào tâm hồn và nếp sống thường nhật của cha ông bao đời. Truyền thống hiếu lễ của dân Việt được nhân rộng ra nơi xóm làng, quê hương và đất nước.



CHƯƠNG 1. TỰC THỜ CÚNG VÀ LỄ BÁI CỦA NGƯỜI VIỆT

I. TỰC THỜ CÚNG	9
1. Vấn đề Thờ	9
2. Vấn đề Cúng	17
II. TỰC LỄ BÁI	25
1. Quan niệm về lễ bái	25
2. Ý nghĩa của lễ bái	31
3. Cách vái lạy	34

PHƯƠNG PHÁP ĐẶT BÀN THỜ THỜ CÚNG

I. NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ KHÔNG GIAN THỜ CÚNG ...	53
1. Không gian thờ cúng và nguyên tắc phong thuỷ ..	59
2. Vị trí đặt bàn thờ thờ cúng.....	64
II. CÁCH THIẾT LẬP BÀN THỜ THỜ CÚNG	70
1. Cách thiết lập bàn thờ gia tiên	71
2. Cách thiết lập bàn thờ Phật.....	112

3. Cách thiết lập bàn thờ Thần tài.....	128
4. Cách thiết lập bàn thờ Táo quân.....	157
5. Cách thiết lập bàn thờ Thiên.....	167

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI
Nhà B15 - Lô 2 - Mỹ Đình I - Hà Nội
ĐT: (04)62872633

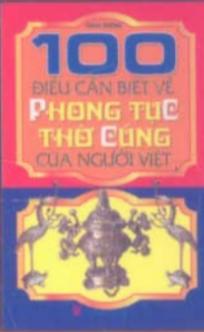
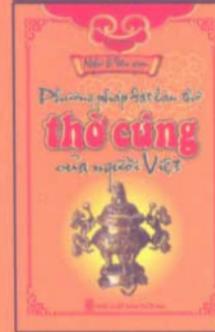
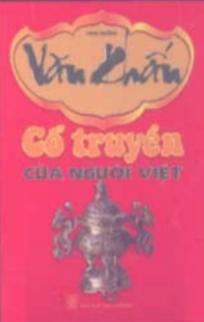
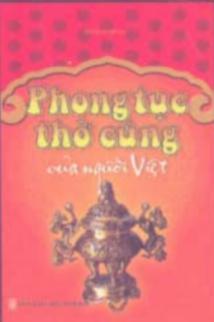
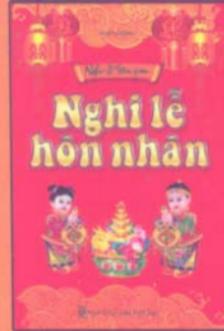
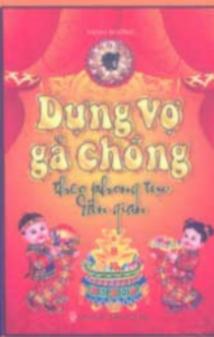
NGHI LỄ DÂN GIAN
PHƯƠNG PHÁP ĐẶT BÀN THỜ
THỜ CÚNG CỦA NGƯỜI VIỆT

Chịu trách nhiệm xuất bản: BÙI VIỆT BẮC

Bìa: NGUYỄN THẾ VINH

Biên tập: NSMINHLAM

In 1.500 cuốn khổ 13.5x20.5cm tại DNTN In Hà Phát
Số đăng ký KHXB: 490-2010/CXB/35/14-16/TĐ
In xong nộp lưu chiểu quý III/2010



PHÁT HÀNH TẠI NHÀ SÁCH MINH LÂM

52A Hai Bà Trưng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 043.9 427 393. ĐT/Fax: 043.9 427 407- 043.9 387 391

Website: nsminhlam.com.vn Email: nsminhlam@gmail.com

PHƯƠNG PHÁP ĐẶT BÀN THỜ...



GIÁ: 25.000Đ